

STEFAN ZWEIG

Suy tư  
sống động

---

của  
lev  
tonxtoi

NHÀ XUẤT BẢN  
VĂN HÓA DÂN TỘC

STEFAN ZWEIG

SUY TƯ SỐNG ĐỘNG  
CỦA L. TÔNXTÔI

Nguyễn Dương Khư *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC

## LỜI NÓI ĐẦU

*Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc gần xa cuốn Suy tư sống động của L.Tônxtôi. Đây là bản dịch từ tác phẩm của Stefan Zweig bằng tiếng Anh nhan đề "The living thoughts of Tolstoi".*

*Bạn đọc đừng tìm trong sách này một tiểu luận nghiên cứu và phê bình tác phẩm hay tác giả với sự nhìn nhận về nhân cách nhà văn và giá trị văn chương một cách phóng khoáng theo quan điểm thẩm mỹ của nhà phê bình kiểu như các tiểu luận về Đôxtôiépski, Banzac, và Dickens tập hợp thành tác phẩm Ba bậc thầy của Stefan Zweig mà Nhà xuất bản Giáo dục đã cho dịch và in năm 1996.*

*Đây là tác phẩm thuộc loại sách "Những tư tưởng sống động hàng đầu" của Nhà xuất bản Thế giới Fawcett New York. Mục đích của loại sách này là "dành để giới thiệu với bạn đọc tinh hoa của những tác phẩm văn học lớn mọi thời đại và mọi quốc gia, được những trí tuệ cùng chung một chí hướng ở thời đại chúng ta chắt lọc và giải thích". Lướt qua bản kê các tác phẩm thuộc loại sách này đã xuất*

bản trước tác phẩm về Tônxtôi, ta thấy về phía “các tác phẩm của mọi thời đại và mọi quốc gia” có Jefferson, Thoreau, Emerson, Mechiavelli, Confucius, Spinoza, Darwin, và tương ứng về phía những “tri tuệ cùng chung một chí hướng” có John Dewey, Theodore Dreizer, Edgar Lee Master, Carls Sforza, Afred Docblin, Arnold Zweig, Julien Huxley. Bảy cuốn. Và đây là cuốn thứ tám: Tônxtôi và tương ứng Stefan Zweig.

Chúng tôi trình bày hơi dài dòng một chút về loại sách này để bạn đọc nắm chắc được mục tiêu của sách.

Tuy là sách giới thiệu tác giả nhưng người soạn đã để nhiều tâm trí và công lao nên nó mang dấu ấn rõ rệt của tư duy và tình cảm của Stefan Zweig. Ở nhà văn này không có cái gì là “thường thường bậc trung”. Cái gì ông viết ra đều ở đỉnh cao.

Trong chưa đầy hai trăm trang sách vừa viết vừa dịch làm sao chuyển đến người đọc thể giới tâm hồn (tư tưởng và tình cảm) bao la của đại văn hào Nga đầy mâu thuẫn này. Trước tiên là việc tuyển lựa tác phẩm thể hiện cái tinh hoa của tư tưởng tình cảm nhà văn để giới thiệu hoặc dịch. Stefan Zweig đã rất sáng tạo trong công trình của mình: ông dành hai phần ba số trang để giới thiệu và một phần ba số trang cho việc dịch. Chọn dịch những gì trong 60 trang của một nhà văn mà khối lượng tác phẩm đồ sộ, nhất là các tiểu thuyết tới hàng vạn trang? Và người giới thiệu đã chọn ba truyện ngắn và ba truyện ngụ ngôn tiêu biểu nhất cho tư

tưởng nhân văn của *Lep Tônxtôi*. Phần giới thiệu có chương đầu mang tính chất giới thiệu chung, còn ba chương tiếp theo đều dựa vào tác phẩm.

Đúng là Stefan Zweig đã thực hiện tuyệt vời việc "chất lọc" cái tinh hoa của *Tônxtôi* để mang đến cho người đọc.

Tôi không biết nói gì hơn ngoài việc mời bạn đọc tác phẩm. Nhưng cũng xin cho tôi được nói một điều tâm sự. Tôi thường tự hào đã đọc *Lep Tônxtôi* khá nhiều, đọc qua các bản dịch ra tiếng Việt, tiếng Pháp và đọc cả tuyển tập của ông qua tiếng Nga. Khi cầm trong tay cuốn "The living thoughts of Tolstoi", tôi có một ý nghĩ thoáng qua là chắc không có gì mới. Đọc xong và dịch xong mới thấy hối hận là mình đã quá chủ quan.

Từ kinh nghiệm bản thân, tôi thiết tha mời bạn đọc đi vào tác phẩm này. Nó chắc sẽ phát hiện cho bạn nhiều cái mới về nhà văn mà dân tộc Việt Nam luôn yêu quý.

Tháng XI năm 1997  
Nguyễn Dương Khư

*“Các ý tưởng của Tônxtôi có giá trị lịch sử trên quy mô thế giới... Ngay ngày nay, chúng còn có nhiều điều giúp ích cho cá nhân người đọc. Người đấu tranh cho chủ nghĩa hòa bình và cho sự hòa bình hiểu biết lẫn nhau giữa người và người sẽ khó tìm thấy ở đâu khác một kho vũ khí chống chiến tranh phong phú và triệt để đến như thế...”*

*“Luôn luôn là một niềm vui thú ngọt ngào khi chúng ta có thể xem một nghệ sĩ siêu việt như là một tấm gương đạo đức, như một người, thay vì ngạo trị bằng sự lừng danh của mình, lại tình nguyện là người đầy tớ của nhân loại và chỉ thuần phục mỗi một quyền lực trong những quyền lực của trần thế - lương tâm không thể mua chuộc được của bản thân mình”.*

S.Zweig

## GIỚI THIỆU TÔNXTÔI

Ngày 27 tháng Bảy năm 1883, nhà văn Nga Turghêniev<sup>(\*)</sup> lớn thứ hai quốc gia chỉ sau Tônxtôi, gửi một bức thư đầy xúc động cho người bạn Tônxtôi ở Iaxnaia Poliana<sup>(\*\*)</sup>. Ông đã buồn rầu nhận thấy trong nhiều năm, Tônxtôi, mà ông tôn kính như là nhà văn lớn nhất của dân tộc ông, đã xa rời văn chương để đắm mình trong “đạo lý thần bí”. Chính con người đã thành công vượt hẳn tất cả những người khác trong việc mô tả thiên nhiên thì con người ấy ngày nay không có gì trên bàn làm việc ngoài những luận án thần học và quyển Kinh Thánh.

---

(\*) *Ivan Sergueievich Turghêniev* (1818-1883), Nhà văn Nga, tác giả nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn: *Bút kí người đi săn* (1852), *Cha và con* (1862), *Nước mùa xuân* (1872). Về kịch có *Một tháng ở nông thôn* (1879). Ông là nhà văn Nga chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của tư tưởng phương Tây.

(\* \*) *Iaxnaia Poliana* tiếng Nga, có nghĩa là quang rừng thưa trong sáng. Tên lãnh địa của Tônxtôi, ở tỉnh Tula, vùng núi non xinh đẹp, về sau thành bảo tàng lưu niệm của Tônxtôi. Mộ của Tônxtôi ở nơi này, rất giản dị.

Turghêniev lo sợ rằng Tônxtôi cũng như Gôgôn có thể hoang phí những năm quyết định của thời kì sáng tạo rục rờ vào những lí thuyết tôn giáo vô nghĩa đối với người đời. Vì vậy trong trận ốm cuối cùng, ông cầm bút - hay đúng hơn cầm bút chì vì bàn tay yếu đuối của ông không còn có thể cầm quán bút nữa - và viết cho thiên tài được nhiều người biết đến nhất của đất nước ông một lời khẩn cầu đầy xúc động. Ông viết - đây là lời thỉnh cầu chân thành cuối cùng của một người đang chết: "Hãy quay về với văn chương. Đó là năng khiếu thực tại của anh. Hỡi nhà thơ lớn của đất nước Nga, hãy nghe lời cầu xin của tôi!". Với lời cầu xin cảm động trên giường bệnh thập tử nhất sinh đó, (bức thư ngừng lại giữa chừng và Turghêniev viết rằng sự sống đang từ bỏ ông), Tônxtôi không trả lời ngay và cuối cùng đến khi ông có ý định trả lời thì đã quá chậm. Turghêniev qua đời mà không biết nguyện vọng của mình được chú ý. Nhưng chắc Tônxtôi sẽ cảm thấy khó khăn trong việc trả lời bạn và nhượng bộ bởi vì không phải tính kiêu căng và lòng hiếu kì tư biện đã đẩy ông đi theo con đường nghiền ngẫm và tìm kiếm Chúa. Trái lại, ông cảm thấy bản thân bị lôi cuốn ngoài ý muốn và trên thực tế, ngược lại ý muốn của ông. Tônxtôi một con người hướng về trái đất của thế giới này đã nhìn thấy và cảm nhận khoái lạc của Trái đất hơn bất cứ ai khác, chưa bao giờ trước đó trong cuộc đời mình tỏ ra có khuynh hướng siêu hình. Ông không bao giờ là một nhà tư tưởng vì một sự thúc đẩy siêu phàm hoặc vì niềm vui được suy tư; chính là những yếu tố của giác



quan trọng cuộc đời chứ không phải ý nghĩa của nó chủ yếu đã làm ông bận tâm trong nghệ thuật sử thi của mình. Vì vậy ông không hướng về sự nghiên cứu lí thuyết một cách có cân nhắc kĩ càng mà đã đột ngột nhận một đòn choáng người, một đòn từ đâu đó ở ngoài, trong bóng tối. Nó đã gây cho con người mạnh mẽ, vững chãi và khỏe mạnh vốn luôn vững bước ngay thẳng và tự tin qua cuộc đời, phải lảo đảo và tìm kiếm sự nâng đỡ với đôi bàn tay nắm chặt.

Cú sốc bên trong mà Tônxtoi cảm nhận khi ông năm mươi tuổi, không có tên và rõ ràng là không có nguyên nhân hữu hình nào. Tất cả những gì mà người ta có thể cho là cần thiết để có một cuộc đời hạnh phúc đã đến với ông rục rờ vào chính thời gian đó. Tônxtoi tràn đầy sức khỏe, quả là mạnh mẽ hơn về thể chất so với bất cứ người đồng thời nào. Ông cường tráng về trí tuệ và tươi mát về nghệ thuật. Là chủ của một trang trại lớn, ông hoàn toàn không có khó khăn về vật chất, ông hưởng một danh tiếng hàng đầu vì là hậu duệ của một trong những gia đình quý tộc cao quý nhất; thứ nữa, và còn hơn thế, ông là nhà văn lớn nhất viết bằng tiếng Nga và là một tiểu thuyết gia nổi tiếng toàn thế giới. Cuộc sống gia đình của ông hoàn toàn hòa thuận: ông có vợ con và không một nguyên nhân bên ngoài nào in một vết bất mãn nhỏ với cuộc đời vào tâm trí ông. Rồi đột ngột cú sốc ấy đến từ bóng tối. Tônxtoi có thể cảm thấy rằng một điều gì đó đáng sợ đã xảy ra với ông. “Cuộc đời đi vào chỗ bế tắc và mang điếm gở” Ông cảm nhận

thấy tay chân ông, có thể cho như vậy, hỏi ông chuyện gì đã xảy ra - tại sao có niềm ưu tư đột ngột này, những cơn hoảng sợ này; tại sao không gì làm ông vui thích và làm ông xúc động nữa. Ông chỉ cảm thấy công việc làm ông nổi loạn, vợ ông thành người xa lạ, các con ông thành đứng đưng. Một nỗi chán đời, *taedium vitae*<sup>(\*)</sup>, ám ảnh ông: và ông khóa khẩu súng săn của ông trong phòng riêng, sợ rằng trong thất vọng ông có thể quay súng bắn vào đầu mình. "Vào thời gian đó, lần đầu tiên ông nhận thức rõ ràng (ông mô tả hoàn cảnh của ông trong một chân dung tự họa, chàng Lênin của Anna Karênina) rằng mỗi con người, và cả ông nữa, không có gì để hân hoan chờ đón ngoài sự đau khổ, cái chết và sự sa sút vĩnh viễn; và ông đã quyết định rằng ông không thể tiếp tục sống như thế này nữa, hoặc ông phải tìm ra một giải nghĩa cho cuộc đời, hoặc ông sẽ bắn vào đầu mình".

Đặt một cái tên cho sự rối loạn bên trong này, nó làm Tônxtôi biến thành một nhà tư biện, một nhà tư tưởng, một người dạy đời, là điều vô nghĩa. Hẳn đây chỉ đơn thuần là một điều kiện đã lên tới điểm đỉnh, một sự sợ tuổi già, sợ chết, một tình trạng đình trệ của người suy nhược thần kinh chuyển thành một sự tê liệt trí tuệ tạm thời. Nhưng bản chất của người trí thức, mà trên hết của người nghệ sĩ, là tự quan sát mình và tìm cách vượt qua cuộc khủng hoảng bên trong của mình. Thoạt đầu, chỉ một sự lo âu không tên bắt đầu ám ảnh Tônxtôi.

---

(\*) *Taedium vitae* (tiếng Latinh) có nghĩa là sự chán đời.

Ông cần biết cái gì đã xảy đến với mình, và tại sao cuộc đời cho tới lúc đó tỏ ra nhay cảm đến thế, giấu có đến thế, phong phú đến thế, đa dạng đến thế bỗng chốc trở thành nông cạn và vô nghĩa. Và như nhân vật Ivan Ilits trong truyện trắng lệ của ông khi lần đầu tiên cảm nhận cái gót của thần chết vội tự hỏi trong cơn kinh hoàng: “Có lẽ tôi đã không sống như tôi phải sống?”. Tônxtôi bắt đầu ngày này qua ngày khác xem xét bản thân trong cuộc đời mình và xem xét ý nghĩa cuộc đời. Ông là một người tìm kiếm sự thật và là một nhà triết học không phải vì niềm vui bẩm sinh trong tư biện hoặc vì tính hiếu kì trí tuệ, mà vì bản năng tự bảo toàn, do thất vọng. Tư duy của Tônxtôi giống tư duy của Pascal (\*) là triết học ở bờ hoặc ở ngoài vực

---

(\*) Pascal (Blaise) 1623-1662 nhà toán học, nhà vật lý học, nhà triết học và nhà văn Pháp. 16 tuổi ông viết một tiểu luận về các hình nón; 18 tuổi ông sáng chế một máy tính số học. Cho đến năm 1652, ông tiến hành nhiều công trình về áp lực của khí quyển và sự cân bằng các chất lỏng, về sức ép thủy lực, về tam giác số học, lí thuyết xicloit. Cùng Fermat, ông sáng tạo ra phép tính các xác suất. Năm 1652, chị Jacqueline của ông vào nhà tu ở Port-Rogae. Đêm 23 tháng 11 năm 1654, ông sống một đêm xuất thần thần bí mà kết quả là ông quyết định hiến cuộc đời mình cho niềm tin và sự sùng tín. Ông theo phái giáo lí Giảng xen (Jansenisme). Trong quyển sách *Những bức thư từ tỉnh lẻ*, ông tấn công những người dòng Tên mà họ cho là đối thủ. Ông chết mà không hoàn thành tác phẩm *Ca tụng đạo Thiên chúa*; các đoạn rời của tác phẩm này được xuất bản với cái tên “Những ý tưởng” rất nổi tiếng.

thăm, *le gouffre*<sup>(\*)</sup> ông tìm kiếm sự sống và sợ cái chết, sợ hư vô. Có một tư liệu kì lạ của Tônxtôi từ thời kì ấy, một tờ giấy trên đó ông kê ra sáu “câu hỏi không biết” mà ông phải trả lời:

a) Tại sao tôi đang sống?

b) Nguyên nhân cho sự tồn tại của tôi và sự tồn tại của mỗi người khác là gì?

c) Cuộc đời của tôi hay của bất cứ ai khác có mục đích gì?

d) Sự phân chia mà tôi cảm nhận trong tôi giữa cái tốt và cái xấu có ý nghĩa gì và nhằm mục đích gì?

e) Tôi phải sống như thế nào?

f) Chết là gì? - Tôi có thể cứu tôi như thế nào?

Trả lời những câu hỏi đó - cách thế nào ông và những người khác phải sống đúng - là, hơn cả các tác phẩm văn chương của ông, là ý nghĩa và mục đích của cuộc đời của Tônxtôi trong ba mươi năm tiếp theo.

Giai đoạn đầu tiên của việc tìm kiếm ý nghĩa cuộc đời là kết quả hoàn toàn logic. Dẫu có một số xu hướng hư vô đến từ triết học lịch sử của ông trong *Chiến tranh và hòa bình*. Tônxtôi không bao giờ là một kẻ hoài nghi. Bên ngoài và bên trong, ông đã sống một cuộc đời yên tĩnh tự do, hưởng lạc và cần mẫn. Như một người đột ngột chuyển theo triết học, ông bắt đầu quay về phía những người có uy tín vì những ý kiến của họ về vấn đề người ta sống ở đời để làm gì. Ông bắt đầu đọc những sách triết học thuộc mọi khuynh hướng.

---

(\*) *Gouffre*: tiếng Pháp, có nghĩa là vực thẳm.

Sôpenhaus<sup>(\*)</sup> và Platon<sup>(\*\*)</sup>, Kant<sup>(\*\*\*)</sup> và Pascal, buộc họ giải nghĩa cho ông ý nghĩa của cuộc đời. Nhưng cả những nhà triết học lẫn những nhà khoa học đều không trả lời cho ông, Tônxtôi buồn rầu nhận thấy rằng những ý kiến của các bậc hiền minh đó chỉ “sáng sủa và đúng đắn ở những chỗ nào họ không đụng đến vấn đề trực tiếp về cuộc đời”, nhưng họ hoàn toàn tránh trả lời khi được hỏi về những lời khuyên và về sự giúp đỡ quyết định; và không một ai trong số họ có thể giải nghĩa về điều duy

---

(\*) Sôpenhaus (Schopenhauer) 1788-1860, triết gia Đức. Ông nêu bật một ý muốn sống chung cho mọi người đời và nó là nguồn gốc của khổ đau. Ông quan niệm tác phẩm nghệ thuật như là sự tạm ngừng cái khổ đau đó. Mĩ học của ông ảnh hưởng tới Nietzsche (Niso) và thế kỉ XX. Tác phẩm: *Thế giới với tư cách là ý chí và sự biểu tượng* (1818).

(\*\*) Platon 427- 348/47 trước công nguyên. Đồ đệ của Socrate, ông đi du lịch ở Ai Cập, Xixil rồi trở về Aten và thành lập ở đó một trường học - Academie (Viện Hàn Lâm) rồi tìm cách khuyến cáo bạo chúa Denys de Syracuse. Công trình triết học của ông gồm khoảng ba chục cuộc đối thoại dựng lên cảnh các đồ đệ và các đối thủ đối mặt với Socrate. Bằng phép biện chứng Socrate làm cho họ khám phá ra thông qua mâu thuẫn của họ, những ý tưởng mà họ có trong họ mà không biết, làm cho họ tiến đến một lí tưởng mà ở đó chân, thiện, mĩ là những chân lí tối cao của sự tồn tại thế tục của con người. Cuối cùng vấn đề là tạo ra trên đời này một thành phố lí tưởng, ở đó sự công bằng sẽ được các triết gia bảo đảm. Các tác phẩm chính của ông: *Bữa tiệc*, *Phêđông*, *Nước cộng hòa Phêđơr*, *Parmênido*, *Nhà ngục biện*, *Những quy luật*... ảnh hưởng sâu rộng qua các thời đại, các quốc gia cho đến ngày nay.

nhất mà ông nghĩ là quan trọng: “Cuộc đời của tôi có ý nghĩa gì về thời gian, nhân quả và không gian?”

Và thế là trong giai đoạn thứ hai ông quay từ các nhà triết học sang các tôn giáo để tìm thấy ở đây sự an ủi. Tri thức đã từ chối ông điều đó, vì vậy ông tìm kiếm một niềm tin và cầu nguyện: “Hãy cho tôi một niềm tin, hỡi Đức Chúa, và hãy để tôi giúp những người khác tìm ra nó.”

Tônxtôi, trong giai đoạn quần trí này chưa quan tâm đến một học thuyết phổ biến nào; ông không

---

(\*\*\*) *Kant (Emanuel) 1724-1804* triết gia Đức. Triết học của ông chịu ảnh hưởng của Hume (Hiuơ), Leibnitz (Lepniz) và Rousseau (Ruxô) cố gắng trả lời những câu hỏi: Tôi có thể biết gì?... Tôi phải làm gì?... Tôi có thể ước mong gì?... Kant đặt lí trí ở trung tâm thế giới như Copernic đặt mặt trời ở trung tâm Thái dương hệ. Để cho một sự hiểu biết phổ biến và cần thiết có thể có được, các đối tượng của hiểu biết được điều chỉnh theo bản chất của chủ thể đang suy nghĩ chứ không phải theo kinh nghiệm. (Phê phán lí trí thuần túy - 1781). Sự thông hiểu, bằng cách vạch ra các giới hạn của tình cảm và lí trí làm cho có thể có được một vật lí học tiên nghiệm và một hệ thống các quy luật chỉ đạo tự nhiên (Những nguyên tắc siêu hình học của khoa học tự nhiên - 1780). Và để cho con người không bị xác định trong hoạt động đạo đức hơn là trong hiểu biết bởi những đồ vật bên ngoài, Kant hình thành giả thuyết về một linh hồn tự do được sống động lên nhờ một ý chí tự do (Phê phán lí trí thực hành - 1788). Mọi nguyên tắc hành động phải được xây dựng nên những phương châm phổ biến (Phê phán sự phán đoán - 1790) và sự tiến bộ của con người là do đức độ cá nhân và sự tự do của xã hội được bảo đảm bằng một cơ cấu chính trị (Điều hình học các phong tục tập quán - 1797).

phải là người khởi xướng, không phải là nhà cách mạng trí tuệ. Ông chỉ muốn tìm một con đường và một mục tiêu cho bản thân mình, cho cá nhân bản thân Lep Tônxtôi đang sống sót, để lấy lại sự bằng yên của tâm hồn. Bằng những từ riêng của mình, ông chỉ muốn cứu thoát mình khỏi chủ nghĩa hư vô, tìm thấy một ý nghĩa cho sự vô nghĩa của cuộc đời. Ông cũng không mơ tưởng công bố một đức tin mới và không có ý muốn rời bỏ Cơ đốc giáo cổ xưa, truyền thống và chính thống. Trái lại, ông lại đến gần hơn với nhà thờ. Khi ông lên mười tuổi<sup>(\*)</sup>, ông thôi không cầu kinh, không đi nhà thờ và không chuẩn bị nhận lễ ban thánh thể. Tuy thế, ông cố gắng hết mình để hoàn toàn sùng đạo; ông tuân theo mọi điều răn và mọi quy tắc của nhà thờ, ăn chay đi hành hương đến các tu viện, quỳ trước các tranh thánh, tranh luận với các giám mục, linh mục và những người theo các môn phái khác nhau và trên hết ông học các sách Phúc Âm.

Và bây giờ cũng một điều ấy xảy ra như nó luôn xảy ra đối với những người tìm kiếm chân lí không thôi. Ông nhận ra rằng các luật giới và các lời răn của Phúc Âm bị coi nhẹ, và cái mà nhà thờ chính thống Nga rao giảng như là lời răn của Cixt quyết không phải là nguyên bản. Không phải là lời giảng thật của Cixt. Ở đây ông phát hiện ra bốn phạm đầu tiên của mình: giải thích cái nghĩa thật của Phúc âm và dạy cái cơ đốc giáo này cho mọi người

---

(\*) Trong tác phẩm *Lời thú tội của tôi* cũng có dịch đăng trong tác phẩm này (trang 26) Tônxtôi viết là năm mười sáu tuổi.

“như là một quan niệm mới của cuộc đời, chứ không như một học thuyết thần bí”. Người tìm kiếm trở thành người xưng tội, người xưng tội thành giáo đồ; và từ giáo đồ đến người cuồng tín chỉ cách có một bước không lớn. Một nỗi thất vọng cá nhân thành hình như một học thuyết độc đoán, một sự cải tổ lại mọi tư tưởng trí tuệ và đạo đức; ngoài ra còn cả một khoa xã hội học mới nữa. Cái vấn đề gốc khủng khiếp của một con người cô độc, “Tôi sống để làm gì, và tôi phải sống thế nào đây?” Chuyển dần thành một mệnh lệnh chung cho nhân loại “Mày phải sống như vậy đó!”

Kinh nghiệm hàng ngàn năm đã tạo cho nhà thờ một ý nghĩa riêng đối với nỗi hiểm nguy gắn liền với mỗi giải thích cá nhân về kinh Phúc Âm. Nhà Thờ biết rằng hễ ai bắt đầu hình thành đời mình thuận theo chữ của Thánh Kinh thì bị bó buộc phải đi đến xung đột với những tiêu chuẩn chính thống của nhà thờ và các quy luật của nhà nước. Ngay quyển sách đầu tiên về nguyên tắc của Tônxtôi *Lời thú tội của tôi* đã bị cơ quan kiểm duyệt cấm. Quyển sách thứ hai của ông *Đức tin của tôi* bị Hội đồng giáo hội tối cao cấm. Và các quan chức Nhà thờ đã do dự nhiều trước khi đi bước cuối cùng. Cuối cùng họ đã phải rút phép thông công của Tônxtôi. Vì Tônxtôi xúc động đến tận đáy sâu tâm hồn, đã bắt đầu đập phá tất cả nền tảng của nhà thờ, nhà nước và trật tự thế tục. Như những người theo giáo phái rửa tội lại, những người truyền giáo nông dân cách mạng, như muốn tìm cách đưa Cơ đốc giáo trở về Cơ đốc giáo nguyên thủy và sống



theo tinh thần và lời văn độc nhất của Kinh thánh mà thôi. Tôn giáo lúc này không thay đổi trên con đường trở thành kẻ thù quyết liệt nhất của nhà nước, người vô chính phủ say mê nhất và người chống chủ nghĩa tập thể của những người hiện đại. Sức mạnh của ông, sự quyết tâm của ông, sự kiên trì của ông và sự dũng cảm ngược của ông kết hợp lại để đưa ông đi xa hơn, một mặt, so với những người cải cách hăng hái nhất như Luther<sup>(\*)</sup> và Calvin<sup>(\*\*)</sup>

---

(\*) Luther (Martin) 1483-1546 nhà thần học và nhà cải cách Đức. Thấy tu dòng Augustin rất quan tâm đến ý tưởng về sự giải thoát, ông tự bắt phải hành xác nghiêm ngặt và đóng một vai trò đối ngoại trong dòng tu hành, ông được gửi làm đại diện ở Roma năm 1510. Đỗ tiến sĩ thần học, ông dạy giáo lý ở trường đại học W.Hemberg, chủ yếu là dạy Phúc Âm của Thánh Paul. Theo giáo thuyết của Thánh Paul, ông chống lại việc mua bán bao dung của xã hội và ngay cả nguyên tắc của sự bao dung. Đó là xuất phát điểm của sự cải cách của ông. Ông bị La Mã lên án năm 1520 và bị đế quốc Đức đày ải. Ông kiên trì con đường cải cách, vừa chống lại đạo Thiên chúa được chính quyền nâng đỡ, chống lại những sai lệch của giáo phái thiên cầm và giáo phái rửa tội lại và cả những âm mưu xuyên tạc đường lối cải cách của ông. Luther không những là một nhà canh tân tôn giáo, mà còn là nhà văn. Đặc biệt bản dịch thánh kinh đã đặt ông vào hàng đầu những người viết văn của tiếng Đức hiện đại.

(\*\*) Calvin (Jean) 1509-1564 nhà cải cách tôn giáo Pháp. Ủng hộ những ý tưởng cải cách của Luther, ông phải rời Pari đến Strasbourg, Bale và Genève mà ông muốn biến thành mẫu mực và thiết lập những thành phố mẫu mực. Ông ở hẳn Genève từ 1541. Tác phẩm chính của ông: "Thiết chế của đạo Thiên chúa" (1536) là một sự khẳng định long trọng quyền tối cao của thượng đế, chủ nhân duy nhất của sự giải thoát con người bằng thuyết tiền định.

và mặt khác về vấn đề mê hoặc, đi xa hơn những người vô chính phủ cả gan nhất - Stirner<sup>(\*)</sup> và trường phái của ông. Trước nền văn minh lâu dài và hiện đại, xã hội đương thời của thế kỷ mười chín với tất cả những công bằng và bất công của nó không biết đến một địch thủ nào khác liêu lĩnh hơn và nguy hiểm hơn là nhà nghệ sĩ văn chương lớn lao nhất của thời đại. Không ai đã phê phán phá hoại xã hội có hiệu quả hơn con người từng là nhà tạo dựng nghệ thuật lớn lao nhất của thời đại mình.

Nhưng nhà thờ và nhà nước biết nỗi nguy hiểm của những người cá nhân chủ nghĩa kiên định này và biết rằng ngay những điều tra khảo sát ý thức hệ thuần túy nhất cũng dần dần xâm phạm vào thực hành. Ông đúng là người trung thực nhất và có năng khiếu nhất trong số những nhà cải cách tạo ra nhiều mơ hồ nhất trên trái đất này. Nhà thờ và nhà nước biết rằng Cơ đốc giáo nguyên thủy nhằm vào một vương quốc trên trời chứ không phải một vương quốc trên trái đất, rằng mệnh lệnh của nó từ quan điểm của nhà nước là phần nào lật đổ phủ định sự cai trị, vì người sùng tín được giao đặt Crixl trên Xêza vương quốc trên trời cao hơn vương quốc dưới đất, và do đó bị bó buộc đi tới xung đột với những bốn phận của người thần dân trung thực,

---

(\*) Stirner (Mác) 1806-1856 triết gia Đức. Tác giả của một thói triết học vô chính phủ trong tác phẩm: "Người độc nhất và sở hữu của nó" (1845). Ông có ảnh hưởng tới Mác mặc dầu Mác rất căm ghét và chối bỏ ông.

với luật lệ và cơ cấu của nhà nước. Nhưng Tônxtôi chỉ hình dung dần dần xem cái mơ bồng bong những vấn đề ông đang nghiên cứu và mảy mò, sẽ dẫn ông đến cái gì. Trước tiên ông nghĩ rằng ông chỉ thử đặt cuộc sống riêng của mình vào trật tự, tạo sự yên ổn cho tâm hồn mình bằng cách làm cho thái độ cá nhân của mình phù hợp càng chặt chẽ càng tốt với các mệnh lệnh của Phúc Âm; ông không nhằm gì khác ngoài việc sống trong bình yên với Chúa và với bản thân mình. Nhưng câu hỏi gốc hoàn toàn chưa được biết đến: “Cái gì là sai trong cuộc đời tôi?” biến thành câu hỏi chung: “Cái gì là sai trong tất cả các cuộc đời của chúng ta?” và như vậy trở thành lời phê phán của thời đại. Ông bắt đầu nhìn chung quanh và khám phá thấy - điều đó không khó, đặc biệt ở nước Nga trong những năm tháng ấy - sự bất bình đẳng của những điều kiện xã hội, mâu thuẫn giữa những người giàu và người nghèo, giữa sự xa hoa và sự cực khổ; đằng sau cái lối lầm riêng của bản thân, ông nhìn thấy cái bất công chung của những người thuộc giới thượng lưu như ông và lấy đó làm nhiệm vụ chính của mình phải sửa chữa sự bất công này với tất cả sức lực của mình. Ở đây nữa, ông cũng bắt đầu hết sức chậm chạp. Con đường phải đưa con người cứng cỏi không khoan nhượng và có cái nhìn sắc sảo kì lạ này vào một cuộc hành trình xa xôi, nhưng lâu trước khi trở thành một kẻ vô chính phủ và một nhà cách mạng triệt để, ông khởi đầu là một kẻ thương người và một người tự do. Một cuộc lưu lại tình cờ ở Maxcova

năm 1881 đã đưa ông lần đầu đến gần với vấn đề xã hội đó. Trong cuốn sách *Chúng ta phải làm gì?* của ông, ông mô tả với một hình thức đầy xúc động cuộc gặp gỡ đầu tiên này với sự nghèo khổ của quảng đại quần chúng ở một thành phố lớn. Tất nhiên là đôi mắt trong suốt của ông đã nhìn thấy hàng ngàn lần trước đây trong những cuộc du lịch và những cuộc dạo chơi nhưng đó đơn thuần chỉ là cái nghèo khổ cá nhân ở các làng mạc và nông thôn, chứ không phải cái nghèo khổ của người vô sản ở các thành phố công nghiệp, cái nghèo khổ sản phẩm của thời đại, sản phẩm cơ khí hóa của một nền văn minh cơ giới. Đưa vào thực hành thái độ của ông đối với kinh thánh. Tônxtôi lúc đầu tìm cách làm dịu bớt sự nghèo cực bằng quà tặng và sự đóng góp, bằng cách tổ chức lòng thương người; nhưng ông thấy ngay được sự vô bổ của mỗi hoạt động cá nhân, và thấy rằng “chỉ một mình tiền bạc trong trường hợp này sẽ không làm được gì tốt trong việc thay đổi cuộc sống bi đát của những con người này”. Một sự thay đổi thực tại chỉ có thể được thực hiện bằng một sự cấu tạo lại hoàn toàn hệ thống xã hội hiện tại. Thế là ông viết những dòng kêu hãnh cảnh cáo về bức tường của các thời đại: “Giữa chúng ta, người giàu và người nghèo, luôn có một bức tường của giáo dục sai lầm ngăn cách, và trước khi chúng ta có thể giúp đỡ người nghèo chúng ta phải giật đổ bức tường đó. Tôi đi đến kết luận rằng sự giàu sang của chúng ta là

nguyên nhân thực tại của sự nghèo cực của quần chúng". Có cái gì sai trong cơ cấu xã hội hiện tại: điều đó là rõ ràng đến tận đáy sâu xa nhất của tâm hồn ông, và kể từ ngày đó Tônxtôi chỉ có một mục đích đơn thuần - khai hóa dân chúng, báo với họ, giáo dục họ bỏ tâm sức của ý chí tự do của bản thân mình để sửa chữa một sự thật là con người bị chia cách thành những giai cấp hoàn toàn cách biệt.

Điều đó phải được thực hiện do ý chí tự do của dân chúng và từ một sự thấu hiểu về đạo đức thuần khiết. Chủ nghĩa Tônxtôi bắt đầu ở đây, vì Tônxtôi hướng duy nhất vào một cuộc cách mạng về đạo đức chứ không về một cuộc cách mạng bạo lực, nó đem lại ngay sự xóa bỏ mọi chênh lệch trong xã hội, do đó tránh được cho nhân loại cuộc nổi loạn đẫm máu kia. Đó là một cuộc cách mạng dựa trên lương tâm, một cuộc cách mạng thông qua việc người giàu tự nguyện từ bỏ những của cải của mình, người lười biếng từ bỏ sự vô công rồi nghề của mình, và thông qua một sự phân công lao động mới ngay tức khắc theo ý tự nhiên mà Chúa ban cho là không ai được có một phần thái quá trong lao động của người khác. Và ai ai cũng sẽ có những thứ cần dùng như nhau. Từ đó ông coi sự xa hoa như là sự nở hoa đầy chất độc của sự sa đọa, nó phải được tróc tận rễ vì sự an toàn của nền bình đẳng giữa người với người. Xuất phát từ niềm tin đó, Tônxtôi bắt đầu đấu tranh chống nghèo đói

trăm lần quyết liệt hơn Mác(\*) và Prudông(\*\*) “Ngày

-----  
(\*)Mác (Karl Marx) 1819 - 1883 triết gia, nhà kinh tế học và nhà lí luận của chủ nghĩa xã hội khoa học Đức. Tiếp thu phép biện chứng Đức có phê phán, nhất là về phần triết học lịch sử, ông khám phá ra sự phê phán tôn giáo ở Phơbach, chủ nghĩa xã hội ở Xanh Ximông và kinh tế học của Adam Xmit, ông xây dựng dần “Chủ nghĩa duy vật lịch sử” tức là lí thuyết khoa học của toàn bộ khoa học xã hội. Luận cương Phơbach (1845), Ý thức hệ Đức (1846), Sự nghèo nàn của triết học (1847), Tiếp xúc với các giới thợ thuyền, ông cùng Ăngghen soạn thảo Tuyên ngôn Đảng Cộng sản. Bị trục xuất khỏi Đức rồi Pháp, ông tị nạn ở Anh và soạn thảo ở đó “Đấu tranh giai cấp ở Pháp” (1850). “Cơ sở của sự phê phán kinh tế chính trị học” (1856) và đặt nền tảng của tác phẩm lớn Bộ tư bản. Năm 1864, ông là người lãnh đạo chính Quốc tế Cộng sản I và đặt cho nó mục tiêu đánh đổ Chủ nghĩa tư bản. Theo Mác, lịch sử nhân loại dựa trên đấu tranh giai cấp. Giai cấp vô sản nếu muốn tiêu diệt bóc lột mà nó là nạn nhân thì phải tổ chức nhau lại trên quy mô thế giới, cướp chính quyền và thiết lập chuyên chính vô sản và qua đó xây dựng Chủ nghĩa xã hội tiến lên xây dựng Chủ nghĩa cộng sản trong đó các giai cấp và nhà nước không còn tồn tại. Học thuyết Mác được mệnh danh: Chủ nghĩa Mác.  
(\*\*)Prudông (Pierre Joseph Proudhon) 1809 -1865, lí thuyết gia Pháp về chủ nghĩa xã hội. Ông xuất bản năm 1840 “Sở hữu là gì?” trong đó biểu lộ một thứ chủ nghĩa cá nhân nhuộm màu sắc vô chính phủ và trong đó ông chứng minh rằng chỉ có sự tiêu tan của lợi nhuận tư bản chủ nghĩa và tín dụng không mất tiền mới chấm dứt được những bất công xã hội. Về sau trong “Triết học của sự nghèo nàn” ông đề xướng những luận đề về chủ nghĩa thợ thuyền và chế độ liên bang (1846).

nay, sở hữu là cội rễ của mọi tội lỗi. Nó gây ra cái đau khổ của người sở hữu và của những người không sở hữu. Và nguy cơ xung đột là không tránh khỏi giữa những kẻ có quá nhiều và những kẻ không có gì". Mọi tội lỗi bắt nguồn từ sự nghèo đói và nhà nước còn thừa nhận càng lâu nguyên tắc sở hữu thì theo Tônxtôi nó vừa là phi Cơ đốc giáo và phi xã hội, và (vì theo Tônxtôi sở hữu biểu hiện sự nợ nần của những kẻ khác) trở thành một trong những bên, thực tế là thành bên chính của tội lỗi. "Các nhà nước và các chính phủ âm mưu tiến hành chiến tranh cho quyền sở hữu, khi thì vì đôi bờ sông Ranh, lãnh thổ của châu Phi, khi thì vì Trung Quốc và vùng Bancăng. Các chủ ngân hàng, các chủ xí nghiệp, các địa chủ làm việc, lập kế hoạch và hành hạ bản thân người khác chỉ vì quyền sở hữu. Những cuộc đấu tranh, lừa đảo, áp bức của chính quyền và sự đau khổ, tất cả đều vì sự an toàn của quyền sở hữu mà thôi. Tòa án của chúng ta, cảnh sát của chúng ta bảo vệ quyền sở hữu. Các trại cải tạo và các nhà tù của chúng ta, tất cả những ghê rợn của cái gọi là sự xóa bỏ tội lỗi đều tồn tại hoàn toàn để bảo vệ quyền sở hữu". Vì vậy theo nhận thức của Tônxtôi, chỉ có một người tiếp nhận hùng mạnh những của cải ăn trộm được, người đó che chở cho tất cả những bất công của xã hội ngày nay và kẻ tội phạm đó là nhà nước. Theo ý ông, nó được dựng lên chỉ để bảo vệ quyền sở hữu; chỉ vì mục đích đó, nó thiết lập hệ thống nhiều màng lưới quyền lực với luật pháp, những người được ủy quyền thi hành, những nhà tù,

những thầy kiện, những cảnh sát, quân đội. Những cái vi phạm khủng khiếp nhất và trái đạo lý nhất mà Tônxtôi coi là một sáng chế của riêng thế kỷ mình, đó là nghĩa vụ quân sự phổ cập. Theo ông, không có gì khiêu khích đến như vậy người Thiên chúa giáo phản bội các lời giáo huấn của Chúa Giêsu và những lời răn của các kinh Phúc Âm bằng sự phục tùng mệnh lệnh của nhà nước, cho phép một dụng cụ giết người bị cưỡng bức đưa vào tay một người để giết một người xa lạ, tuyệt đối vì sự an toàn của một khẩu lệnh ngẫu nhiên - Tổ quốc, tự do, nhà nước. Tônxtôi không ngừng thét lên rằng những khẩu lệnh đó không có mục đích nào khác ngoài mục đích bảo vệ quyền sở hữu không thuộc về ông và một cách cưỡng bức, dương cao ý tưởng về quyền sở hữu thành ý tưởng của một quy luật đạo đức cao hơn. Tônxtôi đã viết hàng trăm và hàng trăm trang để nhấn mạnh điều mâu thuẫn là trong tình trạng hiện nay của cái gọi là nền văn minh (trong đó ông chỉ thấy một sự trá hình của đạo đức bị sa đọa). Con người có thể bị bắt buộc phải tàn sát lẫn nhau dưới mệnh lệnh của nhà nước. Đó là trái với lời răn của đức Chúa trời và trái với nhắc nhở của đạo đức bên trong, bởi vì làm như vậy "con người bị đưa đến, trái với ý mình, một vị trí khước từ sự hiểu biết của mình".

Như vậy, Tônxtôi - người đi tìm kinh Phúc Âm thường xuyên biến thành người vô chính phủ triệt để - đi đến kết luận rằng bốn phạm của mỗi người có hiểu biết về đạo đức là chống lại nhà nước nếu



nó đòi hỏi một cái gì “trái với Thiên Chúa giáo”, tức là nghĩa vụ quân sự, và điều đó không phải bằng bạo lực mà bằng bất bạo động; cộng thêm vào đó, con người này phải tự nguyện loại bỏ mọi hoạt động phụ thuộc vào sự bóc lột lao động của người khác. Những người đáng tôn kính phải suy nghĩ và hành động không phải một cách yêu nước mà một cách nhân đạo. Tônxtôi không ngừng nhằm vào quyền thiêng liêng nhất của cá nhân, là từ bỏ các sự vật khỏi niềm tin bên trong mặc dù những sự vật đó được luật pháp cho phép và thậm chí bắt buộc, tỏ ra ương bướng với mỗi công bố nhà nước không được thừa nhận là hợp đạo lý. Vì vậy, ông khuyên người Thiên Chúa giáo thoát khỏi mọi sắp xếp và thể chế càng nhiều càng tốt, không xuất hiện ở tòa án và không nhận một công việc nào để giữ cho tâm hồn được trong sạch. Lần này rồi lần khác, Tônxtôi khuyến khích cá nhân không được để cho cái sai trái, nguyên tắc quyền lực phi đạo đức đe dọa, dù cho ai có tự gọi mình là quyền lực của luật pháp và trật tự, vì nhà nước trong cái hình thức hiện tại của nó là *tự có* người bảo vệ, luật gia và quan khâm sai của một sự bất công ngấm ngấm, và ngay cả những tội lỗi vô chính phủ của cá nhân không được Tônxtôi coi là hư hỏng đạo đức bằng các thể chế hành động nhân đạo và bề ngoài có trật tự tốt đẹp của kẻ thù không đội trời chung này “Kẻ trộm, kẻ cướp, kẻ lừa đảo là những ví dụ về những gì một con người không được làm, và chúng gợi lên trong tâm trí con người một sự khủng khiếp

về việc làm sai trái. Không những người phạm cái hành vi trộm cướp, giết người, trừng phạt và tô điểm những hành vi đó bằng một biện minh tôn giáo, khoa học, hoặc tự do nào đó - và họ làm điều đó với tư cách là địa chủ, nhà thương mại, nhà công nghiệp - kêu gọi những người khác bắt chước hành vi của họ. Họ xúc phạm không chỉ những người chịu đau khổ dưới ách đó mà cả hàng ngàn, hàng triệu người mà họ hủy hoại đạo đức bằng cách tiêu diệt sự phân biệt giữa thiện và ác trong tâm hồn những người này. Một bản án tử hình mà những người không chịu ảnh hưởng của sự đam mê, những người phát đạt và có giáo dục tiến hành với sự khuyến khích và năng đỡ của các giáo sĩ Thiên Chúa giáo, làm hư hỏng và làm tàn bạo nhân loại hơn hàng trăm ngàn kẻ giết người, phạm tội bởi những người lao động không được giáo dục, thường là trong một cơn đam mê. Mỗi cuộc chiến tranh, kể cả những cuộc ngăn ngày nhất, với tất cả những thiệt hại, những sự cướp bóc, với sự biện minh được giả định về sự cần thiết và sự công bằng của nó, với sự khen thưởng và tuyên dương các chiến công, với những cuộc cầu nguyện cho lá cờ và cho Tổ quốc và sự đau xót giả dối đối với những thương binh, làm hư hỏng con người trong một năm hơn là hàng triệu cuộc trộm cắp, đốt phá và giết người mà các cá nhân phạm phải dưới ảnh hưởng của đam mê trong vòng một trăm năm". Nói cách khác, nhà nước, trật tự xã hội hiện tại là tội phạm chính, là kẻ thù thực sự của Chúa Giêsu, là hiện thân của cái Ác và Tội

ném vào mồm nó câu quyết liệt của ông: *Ecrasez l'infâme* (Hãy tiêu diệt kẻ ô nhục!)

Nhưng nếu là cơ quan của xã hội loài người, nhà nước là cái xấu một cách tuyệt đối, sự trá hình nổi bật nhất của kẻ phản Chúa Giêsu trên trái đất, thì theo Tônxtôi bốn phận tự nhiên của một người theo đạo Thiên chúa là tự rút lui khỏi cả những yêu cầu lẫn những cám dỗ của bóng ma hiểm độc đó. Người Thiên Chúa giáo tự do đúng là phải thờ ơ với nước Nga với tư cách là một nhà nước, như với nước Pháp và nước Anh. Anh ta không được nghĩ đến các quốc gia mà đến một nền tảng người phổ biến. Về mặt tinh thần, Tônxtôi rút lui khỏi nhà nước như ông đã rút lui khỏi nhà thờ chính thống, tuyên bố: "Tôi không thể thừa nhận cái nhà nước và cái quốc gia hoặc không thể tham gia vào sự tranh chấp giữa chúng bằng cách viết về đề tài đó hoặc bằng cách phục vụ một nhà nước đơn nhất. Tôi không thể tham gia vào một cái gì đó dựa vào sự khác biệt giữa các nhà nước, như tục lệ thuê nhà, thu thuế, chế tạo chất nổ và vũ khí hoặc mọi sự chuẩn bị chiến tranh. Người Thiên Chúa giáo không được tìm cách kiếm một quyền lợi nào từ các thể chế nhà nước; anh ta không được tìm cách làm giàu dưới sự che chở của nhà nước hoặc xây dựng một sự nghiệp nhờ ân huệ của nhà nước. Anh ta không được đến tòa án, sử dụng các sản phẩm công nghiệp, không được dùng trong đời một thứ gì do lao động của người khác làm ra. Anh ta không được có tài sản, phải tránh sử dụng tiền, không đi du lịch bằng

tàu hỏa hay xe đạp, và không bao giờ bầu cử và giữ một công vụ. Anh ta không được nguyện trung thành với Sa hoàng hoặc bất cứ quyền lực nào khác, bởi vì anh ta phải vâng lời chỉ mỗi một Đức Chúa và lời của Người như đã thốt ra trong các kinh Phúc Âm, và anh ta không được thừa nhận một quan tòa nào khác ngoài chính lương tâm mình. Người Thiên Chúa giáo trong ý của Tônxtôi - bây giờ ta luôn có thể gọi ông là người vô chính phủ thuần khiết - phải phủ định nhà nước; anh ta phải sống có đạo đức bên ngoài thể chế vô đạo đức đó. Chỉ cái thái độ hoàn toàn thụ động, hoàn toàn tiêu cực, vô cảm, tự nguyện chấp nhận mọi đau khổ, phân biệt ông một cách cơ bản với người cách mạng chính trị, căm thù nhà nước thay vì không biết đến nó.

Như thế lúc nói rằng chúng ta không được không chú ý tới sự đối lập về nguyên tắc giữa Tônxtôi và Lênin: đúng là chủ nghĩa Tônxtôi lên án mạnh mẽ và quyết liệt trật tự xã hội hiện tại, nhưng nó lại loại bỏ mọi sự chống lại trật tự xã hội bằng bạo lực, vì cách mạng phải đấu tranh chống cái Ác bằng một cái Ác khác, bằng Bạo lực. Chúng ta không thể đấu tranh chống Quỷ dữ bằng Belzêbut<sup>(\*)</sup>. Tuân thủ một nguyên tắc cao nhất và sâu sắc nhất của mình: “Đừng chống lại cái Ác bằng vũ lực”, Tônxtôi đưa ra giáo huấn kêu gọi coi sự chống đối thụ động và

---

(\*) Belzêbut (*Belzuth* tiếng Anh, tiếng Pháp là *Belzebuth* hoặc *Belzebul*) thần xứ canaăng, miền Tây Á, trở thành đối với người Do Thái và người Thiên Chúa giáo, hoàng tử của những quỷ dữ.

cá nhân như là hình thức đấu tranh duy nhất được phép, trái với phương thức cách mạng tích cực. Người Thiên chúa giáo phải chịu đựng và ngậm đắng nuốt cay về mối bất công do xã hội gây ra cho anh ta, mà không bao giờ vì vậy mà thừa nhận nhà nước. Anh ta không được bao giờ sử dụng bạo lực để chống lại bạo lực, bởi vì bạo lực của anh ta sẽ công nhận vũ lực và nguyên tắc điều Ác là được phép. Nhà cách mạng kiểu Tônxtôi không bao giờ đánh song cho phép mình bị đánh: anh ta không tìm kiếm một địa vị nào của quyền lực bên ngoài, nhưng sẽ không bị bạo lực nào làm anh ta xa rời thái độ bên trong về bất bạo động của mình. Anh ta không được chiếm lấy “quyền lực”, chiếm lấy nhà nước, nhưng phải loại bỏ chúng như một thứ gì đứng dưng mà từ bên trong anh ta không phụ thuộc, mà không một ai có thể bắt buộc được lương tâm anh ta trở thành chủ thể của nó.

Tônxtôi vạch đường ranh giới rất rõ giữa sự chống đối mang tính tôn giáo và Thiên Chúa giáo nguyên thủy chống lại mọi quyền lực với cuộc đấu tranh chống giai cấp chuyên nghiệp và hoạt động. “ Khi chúng tôi gặp các nhà cách mạng, chúng tôi thường có sai lầm là nghĩ rằng chúng tôi và họ có những điểm chung. Họ và chúng tôi cả hai đều gào lên: Không nhà nước, không sở hữu, không bất công”, và nhiều điều khác nữa. Nhưng có một khác biệt lớn: đối với người Thiên Chúa giáo không tìm lại một nhà nước nào; còn những người này lại muốn tiêu diệt nhà nước. Đối với những người Thiên Chúa

giáo, không có sở hữu nào, còn họ thì muốn xóa bỏ nó. Đối với người Thiên Chúa giáo, mọi người đều bình đẳng; còn họ muốn xóa bỏ bất bình đẳng. Người cách mạng đấu tranh với chính phủ từ bên ngoài, còn Thiên Chúa giáo thì không đấu tranh gì cả, nó phá hoại nền tảng của nhà nước từ bên trong". Nếu hàng ngàn người - và còn luôn luôn tăng thêm - mỗi người vì niềm tin riêng của cá nhân từ chối bị khuất phục, thích bị đưa đi Xibiri hơn, bị quăng và ném vào nhà tù - thì theo ý kiến của Tônxtôi, sự thụ động anh hùng của họ sẽ thành công hơn là sự đoàn kết trong bạo lực của những người cách mạng. Chỉ vì lí do duy nhất đó, do áp dụng triệt để sự không kháng cự, cách mạng tôn giáo có thể trở thành nguy hiểm hơn và hủy hoại nhà nước qua một thời gian dài hơn là những cuộc nổi dậy và những hội kín; để thay đổi trật tự thế giới, bản thân con người phải thay đổi. Điều mà Tônxtôi mơ ước là cuộc cách mạng từ bên trong, cuộc cách mạng không phải của quả đấm vũ lực mà là của một lương tâm không lay chuyển và sẵn sàng cho mọi chịu đựng - một cuộc cách mạng của tâm hồn chứ không phải của nắm đấm.

Học thuyết chống nhà nước đó của Tônxtôi - nó nhắc ta nhớ lại luận văn của Luther về "Sự tự do của người Thiên Chúa giáo" - là trực tiếp và đầy sức mạnh một cách huy hoàng. Chỗ rạn nứt bên trong hệ thống chỉ xuất hiện khi Tônxtôi mưu toan chuyển yêu cầu của mình sang quyền tự quyết hay một học thuyết tích cực về nhà nước đó. Nói cho

cùng, con người không sống trong một khoảng chân không ở bên ngoài thế kỉ của anh ta; Ở nơi mà hàng triệu người tụ tập nhau ở nhiều trình độ, và những tài năng và công tác đan xen nhau trong đời sống thường ngày, một sự điều tiết xác định nào đó về cuộc sống phải được xác lập, ngay cả nếu như chúng ta cất đi kẻ tội phạm đó là nhà nước; và cái “đúng” phải bằng cách đó đối lập với cái “sai” có trước, cái tốt đối lập với cái xấu. Và bây giờ lần thứ một nghìn trong lịch sử nhân loại, chúng ta phát hiện thấy một thượng tầng kiến trúc xã hội học nặng nề hơn biết mấy so với sự phê phán. Vào thời điểm Tônxtôi chuyển từ sự chuẩn đoán sang sự chữa bệnh, khi mà thay vì phủ nhận và lên án trật tự xã hội hiện tại ông đưa ra những đề nghị cho một nước Cộng hòa nhân đạo tương lai tốt đẹp hơn, quan điểm của ông cũng trở thành mờ mịt và ý tưởng của ông cũng trở thành mập mờ. Thay thế cho một cấu trúc nhà nước vững chắc, đồng nhất với những quyền lực và luật pháp và cơ quan chấp hành, Tônxtôi khuyến nghị như là một biện pháp hàn gắn tất cả những quyền lợi mâu thuẫn - chúng ta ngạc nhiên nghe thấy từ một người tìm kiếm mỗi chiều sâu của tâm hồn con người như không một ai khác đã tìm kiếm - đơn thuần “tình thương”, “tình hữu nghị”, “lòng tin”, “cuộc sống trong lòng Chúa Giêsu”. Theo Tônxtôi, cái vực sâu rộng tồn tại ngày nay giữa các giai cấp hữu sản, những đứa con hư hỏng của văn hóa và các giai cấp nghèo cực chỉ có thể được lấp đầy nếu các giai cấp hữu sản tự

nguyện từ bỏ những đặc quyền đặc lợi của mình và thôi không đòi hỏi cao đến như vậy đối với cuộc sống của mình. Người giàu hãy từ bỏ sự giàu sang của mình, trí thức sự cao ngạo của mình; người nghệ sĩ hãy sáng tạo tác phẩm của mình với mục đích duy nhất là làm cho quần chúng hiểu được; mọi người hãy sống hoàn toàn bằng lao động của riêng mình, thu nhập nhờ lao động đó không nhiều hơn cái mà anh ta cần cho hình thức nguyên thủy của cuộc sống. Đây là tư tưởng trung tâm của Tônxtôi: Sự quân bình xã hội phải được thực hiện không phải từ bên dưới, như những người cách mạng yêu cầu bằng cách tước đoạt tài sản từ những người hữu sản, mà từ bên trên, bằng một sự tự giác nhường lại từ những giai cấp hữu sản.

Tônxtôi hình dung rõ ràng rằng một sự đi xuống bởi những hình thức sống nguyên thủy của người nông dân sẽ phá hủy nhiều những giá trị văn hóa của chúng ta. Nhằm làm cho chúng ta cam chịu dễ dàng hơn điều đó, ông viết một bài văn đả kích nghệ thuật, đánh giá thấp những thành tựu của các nghệ sĩ lớn nhất của chúng ta, cả Shakespeare và Beethoven bởi vì họ không đủ dễ hiểu đối với dân chúng. Ông nghĩ không gì quan trọng hơn là tiêu diệt sự chia tách đáng sợ giữa người giàu và người nghèo đang đầu độc thế giới ngày nay. Và một khi các nhu cầu bằng nhau hay đúng hơn sự giản dị trong nhu cầu là bằng nhau đã khôi phục sự thống nhất giữa người và người thì theo ý ông bản năng xấu của lòng ham muốn và ý căm thù có thể không



cùng, con người không sống trong một khoảng chân không ở bên ngoài thế kỉ của anh ta; Ở nơi mà hàng triệu người tụ tập nhau ở nhiều trình độ, và những tài năng và công tác đan xen nhau trong đời sống thường ngày, một sự điều tiết xác định nào đó về cuộc sống phải được xác lập, ngay cả nếu như chúng ta cắt đi kẻ tội phạm đó là nhà nước; và cái “đúng” phải bằng cách đó đối lập với cái “sai” có trước, cái tốt đối lập với cái xấu. Và bây giờ lần thứ một nghìn trong lịch sử nhân loại, chúng ta phát hiện thấy một thượng tầng kiến trúc xã hội học nặng nề hơn biết mấy so với sự phê phán. Vào thời điểm Tônxtôi chuyển từ sự chuẩn đoán sang sự chữa bệnh, khi mà thay vì phủ nhận và lên án trật tự xã hội hiện tại ông đưa ra những đề nghị cho một nước Cộng hòa nhân đạo tương lai tốt đẹp hơn, quan điểm của ông cũng trở thành mờ mịt và ý tưởng của ông cũng trở thành mập mờ. Thay thế cho một cấu trúc nhà nước vững chắc, đồng nhất với những quyền lực và luật pháp và cơ quan chấp hành, Tônxtôi khuyến nghị như là một biện pháp hàn gắn tất cả những quyền lợi mâu thuẫn - chúng ta ngạc nhiên nghe thấy từ một người tìm kiếm mỗi chiều sâu của tâm hồn con người như không một ai khác đã tìm kiếm - đơn thuần “tình thương”, “tình hữu nghị”, “lòng tin”, “cuộc sống trong lòng Chúa Giêsu”. Theo Tônxtôi, cái vực sâu rộng tồn tại ngày nay giữa các giai cấp hữu sản, những đứa con hư hỏng của văn hóa và các giai cấp nghèo cực chỉ có thể được lấp đầy nếu các giai cấp hữu sản tự

còn tìm thấy đâu nữa những đối tượng tấn công. Sẽ là thừa nếu tạo ra những quyền lực đặc biệt và sử dụng vũ lực để giữ vững chúng. Vương quốc thực sự của Chúa trời trên trái đất sẽ bắt đầu ngay khi tất cả những đề cao và hạ thấp xã hội được xóa bỏ và con người lại một lần nữa học được cách hình thành một cộng đồng anh em thuần phác. Luận đề đó có sức hấp dẫn biết bao nhiêu ở một đất nước với mâu thuẫn xã hội cực điểm, uy tín của Tônxtôi to lớn biết bao nhiêu ở thời đại của ông khiến cho nhiều người mong muốn thực hiện trong thực hành lí thuyết xã hội mới của Tônxtôi. Ở một số ít nơi, có những người tìm cách đưa nó ra thực nghiệm, bằng cách xây dựng những trại trên nguyên tắc không tài sản và không bạo lực. Nhưng tai họa thay, những ý đồ đó kết thúc trong thất vọng và chủ nghĩa Tônxtôi không thành công ngay trong nhà ông, trong gia đình ông. Trong nhiều năm ông cố gắng tạo sự hài hòa của cuộc sống riêng với các lí thuyết của mình. Ông từ bỏ thú vui đi săn để khỏi sát hại muông thú, ông tránh dùng đường xe lửa càng xa càng tốt, thu nhập do viết lách ông giao lại cho gia đình hay cho những mục đích từ thiện; ông từ chối không ăn thịt vì nó đòi hỏi cái chết bắt buộc của một sinh thể. Ông tự cày lấy ruộng, đi đây đi đó với cái áo thô nông dân và tự tay đóng lấy đế giày của mình.

Nhưng ông không thể chinh phục sự chống lại của thực tế đối với các ý tưởng của ông và bị kịch sâu sắc nhất của đời ông - kém hơn cả là trong bản thân gia đình ông, giữa những người gần gũi nhất

và thân thương nhất. Vợ ông trở thành người xa lạ, các con ông không hiểu nổi tại sao họ đặc biệt phải được nuôi nấng như những cô vắt sữa bò và như con cái nông dân vì sự an toàn của cái lí thuyết của phụ thân họ; các thư kí và người dịch sách ông cãi nhau âm ỉ như những xà ích say rượu về “sự sở hữu trong các trước tác của ông”. Không một tâm hồn nào ở quanh ông chấp nhận cuộc sống của người tã giáo kiêu hùng này như cuộc sống của một người Thiên Chúa giáo chân chính và bản thân ông cuối cùng hiểu ra rằng - như nhật kí của ông đã chỉ rõ - tính chất trí thức và sự kiêu hãnh của ông làm ông không phù hợp hơn bất cứ ai để thực hiện lí tưởng đã được truyền bá một cách khẩn thiết. Chúng ta xúc động khi đọc câu hỏi sau đây trong nhật kí của ông: “Lep Tônxtôi, anh có đang sống phù hợp với học thuyết của anh không?” và sau đó câu trả lời cay đắng: “Không, tôi đang chết vì nhục nhã. Tôi có tội và đáng khinh.” Và cụ già tám mươi ba tuổi, cảm thấy cái chết đang đến với mình, đang đêm trốn khỏi nhà và qua đời trong một nhà ga xe lửa nhỏ cô đơn và tuyệt vọng trong mục đích thiêng liêng nhất của đời mình.

Tuy nhiên sẽ là một sự nhận thức muộn rể tiên nếu nhận xét một cách ngạo mạn rằng hệ thống tư tưởng xã hội và tôn giáo của Tônxtôi không thể thực hiện được hơn so với nhà nước không tưởng của Platông hoặc trật tự xã hội của Jean Jacque Rousseau. Và cũng là dễ dàng một cách trẻ con như vậy khi khám phá ra rằng những trước tác lí luận

của ông chỉ có nhất thời sự rục rờ và tính thuyết phục của sự hư cấu của ông. Chỉ cần so sánh (như tuyển tập này cố gắng làm) một hoặc hai truyện dân gian của ông trong đó ông bàn luận cùng những ý tưởng ấy với sự cuồng tín nổi bật của những trước tác lí luận để nhận thức được sự khác biệt. Trong các truyện dân gian mà truyện hay nhất có thể là trong kinh thánh theo truyền thuyết của Job và Ruth, ông tỏ ra súc tích, sáng tạo, khéo léo: trong khi triết lý của ông thường trở thành lan man và khoa trương, ngoài ra nó thường là khó chịu qua những kì vọng chuyên chế của nó, làm như Lep Tônxtôi đã là người đầu tiên trong những năm 1880 đọc kinh Phúc Âm “đúng”. Là người đầu tiên và không ai khác trước, ông đã suy nghĩ một cách có phê phán các vấn đề của xã hội loài người. Thường chúng tôi có khuynh hướng nhắc lại lời Turghéniev cầu xin Tônxtôi rời bỏ những luận văn “*Chúng ta phải làm gì?*”, “*Vương quốc của Chúa trời là ở trong ta*” và những bài giải thích kinh thánh không hiệu quả để trở về với lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật ở đây không phải đơn thuần là một nhà tư biện trong nhiều người khác, mà là một bậc thầy không bàn cãi, nhà khắc họa chân dung cao cả nhất của dân tộc ông và của cả thế kỉ ông. Mặc dầu sẽ là bất công nếu không thừa nhận kết quả đầy sức mạnh, thậm chí có tác dụng tạo nên thời đại mà thế giới còn chịu ơn về lí thuyết cuộc đời của Tônxtôi; và dứt khoát là không cường điệu khi nói rằng không ai trong những nhà tư tưởng đương thời, kể cả Karl

Marx và Nietzsche, tạo ra sự xúc cảm tương đương trong hàng triệu dân chúng - mặc dầu về khuynh hướng kết quả của chúng thay đổi hoàn toàn như các con sông của Thiên đường chảy từ trung tâm ra những hướng trái ngược nhau, cũng vậy các ý tưởng của Tônxtôi làm sinh sôi một cách kì lạ những phong trào trí thức thù địch nhất của thế kỉ XX. Chắc hẳn không gì có thể xa lạ với ông bằng chủ nghĩa bolsêvich có hệ thống, bắt đầu bằng đòi hỏi phải tiêu diệt kẻ thù (trong khi ông đòi hỏi sự hòa giải thông qua tình thương), dành cho nhà nước - thần Belzêbut của Tônxtôi - quyền lực không ngờ tới mà sự tập trung mọi quyền uy của nó, chủ nghĩa vô thần của nó, ý muốn của nó đánh thức quần chúng dậy khỏi sự lơ đãng... tất cả khẳng định sự đối lập rõ rệt với "*Chúng ta sẽ sống như thế*" của ông. Tuy nhiên không một nhà cách mạng Nga nào của thế kỉ XIX đã chuẩn bị cho Lênin và Trosky nhiều bằng vị bá tước phản cách mạng này, người đầu tiên đã thách thức Sa hoàng, người đã bị Hội đồng Tôn giáo tối cao rút phép thông công và đã từ bỏ nhà thờ, người đã làm tan vỡ mọi quyền lực hiện hành bằng những quả búa tạ và người đã đòi hỏi sự hòa giải xã hội như là điều kiện cần thiết cho một xã hội mới tốt hơn. Các tác phẩm của ông, bị cơ quan kiểm duyệt cấm, đã được chép tay và đạt một trăm ngàn độc giả, tạo nên một sự hiểu biết chung về những đòi hỏi xóa bỏ sở hữu của ông vào một thời điểm mà những người cách mạng xã hội dữ dội nhất còn khiêm tốn thỏa mãn với những giảm

nhẹ và những sửa đổi theo hướng tự do. Không cuốn sách nào và không người nào đã góp phần như vậy làm cho nước Nga trở thành cấp tiến bằng chủ nghĩa cấp tiến trong tư duy của Tônxtôi; không một ai cổ vũ như ông người nông dân không thu mình lại trước một việc làm táo tợn. Mặc dù trong thâm tâm ông chống đối, ông xứng đáng có được một tượng đài kỉ niệm ở Hồng trường. Vì như Rousseau là tổ tiên của cách mạng Pháp, Tônxtôi (chắc là hoàn toàn trái với ý muốn ông, cũng nhiều như người siêu cá nhân chủ nghĩa kia), là triệu chứng báo trước, là tổ tiên thực sự của cách mạng Nga tầm cỡ thế giới.

Nhưng đồng thời, khá kì lạ, học thuyết của ông có hiệu quả đúng là trái ngược với hàng triệu người khác. Ở mút bên kia của thế giới, ở Ấn Độ, ông Gandhi không Thiên Chúa giao tiếp thu từ những giáo huấn của Tônxtôi chính tông đồ của Thiên Chúa giáo nguyên thủy. Trong khi người Nga thu nhận tính chất cấp tiến, Gandhi tiếp thu học thuyết bất bạo động và là người đầu tiên cùng với ba trăm triệu dân chúng tổ chức kĩ thuật kháng cự thụ động. Trong cuộc đấu tranh này, cũng vậy, ông dùng tất cả những vũ khí không làm đổ máu khác, mà Tônxtôi khuyến nghị như là những thứ duy nhất được phép: từ bỏ công nghiệp, lao động ở gia đình, đạt được sự độc lập chính trị và bên trong bằng cách hạn chế cực điểm những nhu cầu bên ngoài. Hàng trăm triệu người, tức là một số trong cách mạng bạo động Nga và một số trong cách mạng thụ động Ấn Độ, đã sở

đắc những ý tưởng của nhà cách mạng phản động hoặc là nhà phản động nổi loạn này - dù là họ làm như vậy theo cách mà người sáng lập đã bãi bỏ và phủ nhận.

Nhưng tự bản thân chúng, ý tưởng không có một khuynh hướng nào. Không phải cho đến những thời điểm tóm lấy chúng, chúng mới được mang đi xa như cánh buồm trước gió. Ý tưởng, tự bản thân chúng chỉ là những sức mạnh vận động, tạo ra sự vận động mà không biết mục tiêu của sự vận động đó, của sự kích thích đó. Nó không gây ra sự khác biệt là một phần lớn bao nhiêu của các ý tưởng đó có thể được mở ra cho tấn công. Trong lúc tư tưởng của Tônxtôi tạo nên lịch sử trên phạm vi thế giới, những trước tác lí luận của ông với những mâu thuẫn của chúng liên quan một lần cho mãi mãi đến những thành phần trí tuệ và xã hội quan trọng nhất của thời đại chúng ta. Ngay ngày nay, chúng còn có nhiều thứ để cung cấp cho cá nhân người đọc. Người đấu tranh cho chủ nghĩa hòa bình và cho sự hiểu biết giữa người và người trong hòa bình sẽ tìm thấy một kho rất giàu có và rất có hệ thống những vũ khí chống chiến tranh. Những người mà tâm hồn chống lại sự thần thánh hóa thông thường ngày nay về nhà nước, như là các mục tiêu có giá trị duy nhất của tư duy và sự đấu tranh của chúng ta, một người từ chối tham gia vào sự sùng bái đó của sự hy sinh hoàn toàn, sẽ tự tìm thấy bản thân được tăng sức mạnh lên một cách kì diệu bởi sự "thiên liêng" của mọi sự tôn thờ Tổ quốc. Mỗi

chính khách, mỗi nhà xã hội học sẽ khám phá ra sự nhìn xa thấy trước mang tính tiên tri trong sự phê phán cơ bản thời đại chúng ta của ông; mọi nghệ sĩ phải được tấm gương của nhà thơ hùng tráng này thúc đẩy; ông giầy vò tâm hồn mình về nỗi ông có thể suy tư cho mọi người và có thể đánh bại bất công trên thế giới này bằng sức mạnh của lời nói mình. Luôn luôn là một niềm vui thích ngọt ngào khi chúng ta có thể coi một nghệ sĩ lớn lao như một tấm gương đạo đức, như một người thay vì điều khiển bằng sự lừng danh của mình, lại biến mình thành đầy tớ của nhân loại, và trong cuộc đấu tranh của ông cho một nhân cách chân chính, chỉ phục tùng một trong tất cả các quyền lực trên trái đất - lương tâm không bao giờ hư hỏng của ông.



Stefan Zweig đã tuyển chọn tinh hoa của tư tưởng  
Tônxtôi từ:

*Lời thú tội của tôi*  
*Vương quốc của Chúa trời là ở trong bạn*  
*Chiến tranh và hòa bình*  
*Nicolai Bigstick*  
*Ba truyện ngụ ngôn*  
*Vua Asaradong*  
*Còn người ta sống bằng gì*

NHỮNG TÁC PHẨM CỦA  
LEP NICÔLAGÊVICH TÔNXTÔI  
(1828 - 1910)

- Thời thơ ấu* (1852),  
*Thời niên thiếu* (1854)  
*Thời thanh niên* (1855 - 1857)  
*Ba cái chết* (1859)  
*Những người Côdắc* (1863)  
*Chiến tranh và hòa bình* (1864 - 1869)  
*Anna Karênina* (1873 - 1877)  
*Lời thú tội của tôi* (1879 - 1882)  
*Con người sống bằng gì và các truyện khác* (1881)  
*Sức mạnh của Bóng tối* (1885)  
*Bản Xônát ở Kreutzer* (1890)  
*Vương quốc Đức Chúa trời là ở trong bạn* (1893)  
*Nghệ thuật là gì* (1898)  
*Phục sinh* (1899)  
*Sự nô lệ của Thời đại chúng ta và những tiểu luận khác* (1899)

## CON ĐƯỜNG TÔN XTÔI ĐI VÀO NỘI TÂM (\*)

Tôi chịu lễ rửa tội và theo đức tin của Thiên Chúa giáo chính thống. Tôi được giáo dục đức tin đó trong thời thơ ấu, thời niên thiếu và thời thanh niên. Tuy nhiên, năm mười tám tuổi, khi tôi từ già trường đại học trong năm học thứ hai, tôi đã từ bỏ việc tin vào những gì tôi đã được giáo dục.

Đức tin được truyền dẫn vào trong tôi từ thời thơ ấu, như trong biết bao nhiêu người khác, dần dần biến mất, tuy có sự khác biệt này là từ năm mười lăm tuổi tôi bắt đầu đọc những tác phẩm triết học, tôi sớm trở nên ý thức được sự không tin của bản thân tôi. Từ năm mười sáu tuổi tôi không cầu nguyện nữa và thôi đi lễ nhà thờ và ăn kiêng. Tôi không chấp nhận đức tin của thời thơ ấu, song tôi vẫn tin ở một điều gì, mặc dầu tôi không giải thích được chính xác điều đó là điều gì. Tôi tin ở Thượng đế - hay đúng hơn, tôi không phủ nhận sự tồn tại của một Thượng đế - nhưng loại Thượng đế

---

(\*) Từ *Lời thú tội của tôi*.

nào thì tôi không nói được. Tôi không phủ nhận Cixt và những giáo huấn của Người, song giáo huấn đó bao hàm những gì thì tôi không thể nói được.

Ngày nay khi tôi suy nghĩ về thời kì đó, tôi thấy rõ ràng rằng tất cả đức tin tôi có, cái niềm tin duy nhất đưa đời tôi, ngoại trừ một bản năng thuần túy loài vật, là niềm tin ở khả năng của sự hoàn thiện, mặc dù nó là cái gì ở trong bản thân nó hoặc cái gì là kết quả của nó, tôi cũng không nói được.

Tôi có đạt tới sự hoàn hảo của trí tuệ, việc học tập của tôi được mở rộng ra mọi hướng mà ở đó cuộc đời tôi tạo cho tôi một cơ may, tôi đấu tranh tăng cường ý chí, hình thành cho bản thân những quy tắc mà tôi tự bắt buộc mình phải tuân theo; tôi làm hết mình để phát triển những sức mạnh thể chất bằng mọi bài tập luyện được tính toán để tăng thêm sức mạnh và sự nhanh nhẹn, và bằng cách tự làm quen với sự chịu đựng kiên trì; tôi tự nguyện đặt mình vào những thử thách gay go và những gian nan thiếu thốn. Tất cả những thử thách đó, tôi coi là cần thiết để đạt được sự hoàn thiện mà tôi muốn hướng tới.

Lúc đầu, tất nhiên, sự hoàn thiện đạo đức hình như là mục đích chính đối với tôi, song tôi thấy ngay rằng mình đang chiêm ngưỡng thay thế cho nó lí tưởng của một sự hoàn thiện chung, nói cách khác, tôi mong muốn được tốt hơn, không phải dưới con mắt tôi hay mắt của Đức Chúa trời, mà dưới sự chiêm nghiệm của những người khác. Và cũng ngay tức khắc cuộc phấn đấu trở nên tốt hơn trong sự chiêm nghiệm của cảm xúc người đời lại chuyển

biến thành một cái khác - ý muốn có sức mạnh hơn những người khác để đảm bảo cho bản thân tôi một phần lớn danh vọng, biệt đãi xã hội và sự giàu sang...

Vào một thời gian sắp tới nào đó tôi có thể kể lại truyện đời tôi và dừng lại trong chi tiết ở những sự cố bị thương và hữu ích của tuổi thanh niên tôi. Tôi nghĩ rằng nhiều người và nhiều người đã có những trải nghiệm như tôi có. Tôi mong muốn với tất cả tâm hồn mình được tốt. Nhưng tôi trẻ tuổi, tôi có những niềm say mê, và tôi là cô đơn, hoàn toàn cô đơn, trong sự tìm kiếm cái tốt. Mỗi lần tôi cố diễn đạt những ước vọng của lòng tôi được tốt về đạo đức, tôi gặp phải sự khinh bỉ và sự chê cười; nhưng ngay khi tôi dẫn mình vào những niềm say mê thấp hèn, tôi lại được khen và được cổ vũ.

Lòng tham lam, tình yêu quyền lực, tình yêu lợi lộc, tính phóng đảng, tính kiêu căng, sự giận dữ, sự báo thù được trọng vọng.

Vì tôi dẫn thân vào những niềm say mê đó, tôi giống như những bậc' đàn anh và tôi cảm thấy họ hài lòng về tôi. Một người cô tốt bụng của tôi, một người đàn bà thực sự tốt, mà tôi sống với bà ấy, thường nói với tôi rằng có một điều trên tất cả mọi điều khác mà bà ta mong mỏi cho tôi- một sự đan díu ngầm với một người đàn bà có chồng: "*Không có gì đào tạo một người trẻ tuổi bằng một quan hệ với một người đàn bà đứng đắn*"(\*). Một mong mỏi

---

(\*) Câu này trong bản tiếng Anh để nguyên tiếng Pháp: "Rien ne forme un jeune homme, comme une liaison avec une femme comme il faut".

khác của bà cho hạnh phúc của tôi là tôi được làm quan phụ tá và nếu có thể, cho Hoàng đế. Điều may mắn lớn nhất mà bà nghĩ ra là sẽ tìm được một cô dâu rất giàu sẽ mang về cho tôi trong cửa hồi môn càng nhiều nô lệ càng tốt.

Tôi không thể nhớ lại những năm tháng ấy mà không có một cảm giác đau đớn kinh hoàng và ghê tởm.

Tôi giết người trong chiến tranh, đọ kiếm (hoặc súng) để sát hại những người khác, tôi thua bạc, hoang phí tài sản do bóp nặn mồ hôi của nông dân mà có, trừng phạt dã man họ, trác táng với những người đàn bà phóng dăng, và lừa dối những người đàn ông. Dối trá, trộm cắp, ngoại tình đủ các kiểu, say rượu, bạo lực, chém giết... không có tội ác nào mà tôi không phạm, thế mà tôi không kém được những người ngang hàng coi như một người tương đối có đạo đức!

Tôi sống như vậy trong mười năm.

Trong thời gian đó, tôi bắt đầu viết, vì hư danh, vì hám lợi lộc hoặc vì niềm kiêu hãnh. Là nhà văn, tôi đi theo cùng một con đường mà tôi đã chọn khi làm người. Để có danh vọng và tiền bạc mà vì những cái đó tôi viết, tôi buộc phải che giấu cái tốt và nói cái xấu. Tôi làm như thế đó. Bao nhiêu lần khi đang viết tôi đã vắt óc để che giấu dưới mặt nạ của sự thờ ơ hoặc sự vui nhận những khát khao cho một cái gì tốt đẹp hơn nó tạo nên tư tưởng thực của đời tôi. Tôi cũng thành công trong việc này và được khen.

Năm ba mươi sáu tuổi, lúc kết thúc chiến tranh,

tôi đến Peterburg và làm quen với các tác giả của thời bấy giờ. Tôi được đón tiếp thân tình và với nhiều tâng bốc.

Trước khi tôi có thì giờ để nhìn xung quanh, các thiên kiến và quan điểm về cuộc sống, chung cho những nhà văn thuộc giai cấp mà tôi kết hợp, trở thành của riêng tôi và tôi hoàn toàn chấm dứt tất cả những đấu tranh trước đây của tôi cho một cuộc sống tốt hơn. Những quan điểm đó, do ảnh hưởng của sự phóng đảng của đời tôi, cung cấp một lí thuyết để biện minh cho nó.

Quan điểm sống mà những người bạn văn này của tôi tuân thủ là: đời là một sự phát triển, mà phần quan trọng của sự phát triển đó do chúng tôi, những nhà tư tưởng gánh vác, trong khi giữa những nhà tư tưởng, ảnh hưởng chính lại một lần nữa do chúng tôi, những nghệ sĩ, những nhà thơ. Thiên chức của chúng tôi là dạy người.

Nhằm tránh trả lời câu hỏi rất tự nhiên : “ Tôi biết gì ? Và tôi có thể dạy gì ? Lý thuyết đang được bàn đến, được xây dựng với công thức: không cần thiết phải biết điều đó, nhưng người nghệ sĩ và nhà thơ dạy đời một cách vô thức.

Bản thân tôi được coi là một nghệ sĩ và một nhà thơ tuyệt vời và vì vậy rất tự nhiên tôi tuân theo lí thuyết đó. Tôi, nghệ sĩ và nhà thơ, tôi viết và dạy, tôi không biết cái gì nữa. Vì làm thế, tôi nhận được tiền, tôi ngồi giữa một bàn ăn sang trọng, có nhà trọ, đàn bà, sự giao du tuyệt vời. Tôi có danh vọng. Tất nhiên những gì tôi dạy là rất tốt.

Bây giờ khi tôi nghĩ lại thời gian đó, và nhớ đến trạng thái tâm hồn của riêng tôi và của những người ấy (một trạng thái tâm hồn chung cho cả ngàn người), tôi cảm thấy đáng thương hại, dễ sợ và nực cười; nó kích thích những cảm xúc làm ta mất tinh thần như khi ta đi qua một nhà thương điên.

Hàng ngàn người lao động làm việc ngày đêm tới hết giới hạn của sức lực họ, sắp chữ và in hàng triệu tờ để được bưu điện rải đi khắp nước Nga; và chúng tôi còn tiếp tục dạy, không có khả năng dạy đủ, tức giận phàn nàn thời điểm mà chúng tôi không được người ta nghe nhiều.

Thật là một sự tình kì lạ, nhưng bây giờ tôi đã có thể hiểu được. Động cơ thực tại gợi ý cho tất cả lập luận của chúng tôi là lòng ham muốn tiền bạc và lời ca tụng, ham muốn đạt được cái mà chúng tôi biết là không có cách nào khác hơn là viết sách báo; và chúng tôi làm như vậy. Nhưng nhằm nắm chắc niềm tin rằng dấu được sử dụng vô ích đến như vậy chúng tôi là những người rất quan trọng, cần thiết phải biện minh cho bản thân công việc của mình bằng một lí thuyết khác; và lí thuyết sau đây là cái mà chúng tôi tuân theo.

Bất luận cái gì đã tồn tại là đúng; mọi cái tồn tại là do phát triển; phát triển đến từ nền văn minh; cái do nền văn minh là sự truyền bá sách báo; chúng tôi được giả tiền và được vinh quang là nhờ những sách và báo chúng tôi viết; vì vậy chúng tôi là người tốt nhất và có ích nhất!

Lập luận này có thể có sức thuyết phục nếu tất



cả chúng tôi đều được thỏa thuận; nhưng như đối với mỗi ý kiến được một trong chúng tôi nêu lên lập tức xuất hiện từ một người khác một ý kiến hoàn toàn trái ngược mà chúng tôi phải do dự trước khi chấp nhận nó. Song chúng tôi không nhận thấy điều đó: chúng tôi nhận tiền, chúng tôi được những người cùng phe ca ngợi, bởi vậy chúng tôi - mỗi một người trong chúng tôi - coi như chúng tôi đúng.

Bây giờ với tôi mới rõ ràng ra là giữa chúng tôi và những cư dân trong một nhà thương điên không có sự khác biệt: lúc bấy giờ tôi chỉ mơ hồ ngờ điều đó, và như mọi người điên, nghĩ rằng tất cả đều điên trừ bản thân tôi...

Tôi sống một cách vô nghĩa như thế trong vòng sáu năm khác nữa, cho đến thời gian tôi lấy vợ. Thời gian đó, tôi ra nước ngoài. Cuộc sống của tôi ở châu Âu và sự làm quen của tôi với nhiều những người nước ngoài nổi tiếng và có học thức rộng củng cố niềm tin của tôi vào học thuyết về tính có thể hoàn thiện chung, vì tôi tìm thấy cũng lí thuyết ấy thịnh hành ở họ. Niềm tin đó có hình dáng thông thường trong phần lớn những người trí thức của thời nay. Niềm tin đó được diễn đạt trong từ "tiến bộ". Lúc bấy giờ đối với tôi từ đó tỏ ra có một nghĩa thực tại. Tôi còn chưa hiểu rằng, bị dẫn dắt như bao người khác bởi câu hỏi: "Tôi phải làm như thế nào để sống tốt hơn?"; khi tôi trả lời rằng tôi phải sống vì tiến bộ, tôi chỉ lặp lại câu trả lời của một người bị sóng và gió xô đi trong một chiếc thuyền, trả lời câu hỏi duy nhất quan trọng với anh

ta: "Chúng ta phải lái về đâu?" bằng câu trả lời: "Chúng ta đang bị cuốn đi đến một chỗ nào đó."

Tôi không thấy điều đó lúc đó; chỉ vào những khoảng thời gian hiếm có, tình cảm của tôi chứ không phải lí trí của tôi nổi lên chống lại điều mê tín chung của thời đại chúng ta, nó dẫn ta đến việc lờ đi sự ngu dốt của mình trước cuộc sống.

Thế là trong thời gian lưu lại ở Pari, việc xem xét một sự hành hình công khai đã tiết lộ cho tôi sự yếu đuối của niềm tin mê tín ở tiến bộ. Khi tôi nhìn thấy cái đầu lìa khỏi thân thể, và nghe tiếng đầu và mình rơi riêng vào trong hộp, tôi hiểu được không phải bằng lí trí mà bằng toàn bộ sự tồn tại của mình, rằng không có một lí thuyết nào về sự hiển minh của mọi điều đã được thiết lập hoặc về sự tiến bộ có thể biện minh cho một hành vi như vậy, và nếu tất cả những người trên thế giới từ ngày sáng tạo ra thế giới, bằng bất luận lí thuyết nào, nhận thấy điều đó là cần thiết, tôi biết nó là không cần thiết, nó là một điều xấu và vì thế, tôi phải phán đoán về những gì là đúng và cần thiết không phải theo điều người ta nói và làm, không phải theo sự tiến bộ mà bằng những gì tôi cảm thấy là thật trong trái tim tôi.

Ở nước ngoài trở về, tôi định cư ở nông thôn, và bận rộn vào việc tổ chức trường học cho nông dân. Nhận công việc của người trọng tài, tôi bắt đầu dạy học cho những người chưa biết chữ ở trường học và những người đã biết chữ qua tờ báo mà tôi bắt đầu xuất bản. Công việc dường như đang được

tiến hành tốt nhưng tôi cảm thấy tâm trí tôi không ở trong trạng thái bình thường và một sự thay đổi đang đến gần. Thậm chí có lẽ lúc đó có thể xảy ra một trạng thái thất vọng như tôi đã mắc phải mười lăm năm về trước, nếu nó không phải là thuộc một trải nghiệm mới trong cuộc đời hứa hẹn với tôi sự an bình của cuộc sống gia đình.

Trong một năm, tôi bận rộn vào công việc trọng tài, với các trường học, với tờ báo và trở thành đầu tắt mặt tối làm cho tôi mệt mỏi đến chết được; cuộc đấu tranh xung quanh việc trọng tài, hòa giải rất nặng nề đối với tôi; hoạt động ở các trường học của tôi khá mơ hồ; sự dao động của tôi ở trong tờ báo làm tôi ghê tởm, nó bao hàm mãi mãi cùng những điều đó, - trong ý muốn dạy toàn dân và che giấu việc tôi không biết dạy gì và dạy như thế nào, tôi cảm thấy như bị ốm, mắc bệnh tâm thần hơn là bệnh thể chất, từ bỏ tất cả và đi vào thảo nguyên đến nơi ở những người Bashkir<sup>(\*)</sup> để thở không khí trong lành, uống Koumiss<sup>(\*\*)</sup> và sống một cuộc sống loài vật.

Khi trở về, tôi cưới vợ. Hoàn cảnh mới của một cuộc sống gia đình hạnh phúc hoàn toàn đưa tôi ra xa khỏi sự tìm kiếm ý nghĩa của cuộc đời như một cái tổng thể. Đời tôi lúc đó tập trung cho gia đình, cho vợ tôi và các con tôi, và do vậy cho sự chăm lo

---

(\*) *Bashkir* (Bachkirs): dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ và Hồi giáo ở Oural (Nga).

(\*\*) *Koumiss*: từ Tacta, sữa ngựa, lừa, la, bò được cho lên men, thành sữa chua của ta - thức uống gốc Trung Á.

tăng thêm những phương tiện cho cuộc sống. Nỗ lực làm cho đạt hiệu quả sự hoàn thiện bản thân cá nhân đã được thay thế bằng sự phấn đấu cho tiến bộ chung, lại một lần nữa đổi thành nỗ lực đảm bảo hạnh phúc riêng của gia đình tôi.

Mười lăm năm trôi qua theo cách đó. Một tâm trạng kì lạ lớn lên trong tôi: tôi có những lúc do dự, những lúc dừng lại giữa cuộc đời, có thể cho là như vậy, dường như tôi không còn biết là tôi phải sống thế nào, tôi phải làm gì và tôi bắt đầu lang thang, trở thành nạn nhân của sự buồn rầu chán nản. Nhưng điều đó qua đi và tôi tiếp tục sống như trước. Về sau, những thời gian do dự đó bắt đầu trở lại ngày một thường xuyên hơn, và theo cái dạng ấy, không thay đổi. Những ngưng trệ đó của cuộc đời luôn hiện ra cho tôi với cùng một câu hỏi: "Tại sao?" và "Cái gì sau đó?".

Lúc đầu cái đó đối với tôi hình như không mục đích, vô nghĩa. Đối với tôi, hình như tất cả những gì mấy câu hỏi ấy đặt ra đều đã biết hết và nếu có lúc nào tôi muốn tìm câu trả lời cho chúng, tôi có thể làm với không mấy khó khăn - và hình như vào thời gian đó, tôi không thể bị điều đó quấy rầy, nhưng lúc nào tôi ngưng suy nghĩ về chúng, tôi sẽ tìm được câu trả lời. Nhưng những câu hỏi đó hiện ra trong trí tôi ngày càng thường xuyên hơn, đòi hỏi câu trả lời với một sự kiên trì ngày càng lớn hơn, giống như những chấm nhỏ tụ hợp lại thành một điểm đen.

Với tôi sự việc diễn ra như trường hợp của mỗi

chứng bệnh nan y bên trong - lúc đầu xuất hiện một triệu chứng vô nghĩa của sự khó ở mà con bệnh coi thường; sau đó cái triệu chứng đó lặp lại ngày một thường xuyên hơn, cho đến lúc chúng hòa vào nhau thành một cơn đau không dứt. Sự đau đớn tăng lên và con bệnh trước khi có thì giờ nhìn quanh, đối mặt với một sự thật là cái mà anh ta cho là một sự khó ở đơn thuần đã trở thành quan trọng đối với anh hơn bất cứ một thứ gì trên trái đất này, rằng đó là cái chết.

Đó đúng là điều đã xảy ra với tôi. Tôi ý thức được rằng đó không phải là một sự khó ở tình cờ, mà là một điều gì rất nghiêm trọng và rằng nếu những câu hỏi đó tiếp tục trở lại trong trí tôi, tôi phải tìm ra câu trả lời cho chúng và tôi thử trả lời. Các câu hỏi tỏ ra quá điên rồ, quá đơn giản, quá trẻ con, nhưng tôi vừa mới tiếp xúc với chúng và thử giải quyết chúng thì tôi tin chắc rằng trước hết chúng không hề trẻ con và ngờ ngẩn, mà liên quan tới những vấn đề sâu sắc nhất của cuộc sống và thứ nữa, tôi không thể giải đáp chúng, - không thể giải đáp chúng, tuy nhiên tôi đặt tâm trí vào chúng.

Trước khi chăm lo đến trang trại Xamara của tôi, đến việc giáo dục con trai tôi, đến việc viết sách, tôi bị bắt buộc phải biết tại sao tôi làm những việc đó. Chẳng nào tôi không biết lí do "tại sao", tôi không làm được gì cả, tôi không thể sống nổi. Trong khi suy nghĩ về việc quản lí gia đình và trang trại, điều trong những ngày đó chiếm mất nhiều thì giờ của tôi, một câu hỏi đột ngột đến trong đầu tôi.

Thực sự lúc đó tôi có sáu ngàn dêxiatin<sup>(\*)</sup> đất ở tỉnh Xamara và ba trăm ngựa - thế thì cái gì đây?

Tôi hoàn toàn bối rối và không biết nghĩ gì. Một lần khác, ấp ủ ý tưởng về cách dạy các con tôi, tôi tự hỏi: “Tại sao?”. Lại một lần nữa, khi xem xét bằng những biện pháp nào sự sung túc của dân chúng có thể được nâng cao tốt nhất, tôi bỗng la lên: “Nhưng cái đó liên quan gì đến tôi?” Khi tôi nghĩ đến danh tiếng mà các tác phẩm đem lại cho tôi, tôi tự nói với mình:

“Thế nào! Ra sao nếu tôi nổi tiếng hơn Gôgôn, Puskin, Shakespeare, Molière - hơn tất cả những nhà văn trên thế giới... Được rồi, thế thì sẽ ra sao?...

Tôi không thể tìm ra lời đáp. Những câu hỏi như vậy sẽ không chờ đợi, chúng đòi hỏi một câu trả lời tức thì. Không có một câu trả lời không thể sống, nhưng câu trả lời thì không có câu nào cả.

Tôi cảm thấy đất dưới chân tôi đang sụt lún, tôi không có gì để đứng lên trên đó, cái tôi đã sống không là gì cả, tôi không có lí do nào để sống...

Cuộc đời tôi đã đến một chỗ dừng. Tôi có khả năng thở, ăn, uống, ngủ, và tôi không thể nhịn ăn, thở, uống và ngủ; nhưng không có sự sống thực sự trong tôi bởi vì tôi không có ngay đến một ý muốn mà sự hoàn thành nó tôi có thể cảm thấy là có lí. Nếu tôi mong muốn một điều gì, tôi biết trước rằng dù tôi có thỏa mãn ý muốn đó hay không thỏa mãn

---

(\*) *Dêxiatin* (tiếng Pháp: *deciatine*; tiếng Anh: *desyatin*) đơn vị đo diện tích của Nga bằng 1,092 ha.

thì không có gì xấu xảy ra cả. Giá có một bà tiên hiện ra và cho tôi mọi thứ tôi muốn, tôi sẽ không biết nói thế nào. Nếu tôi có trong những giây phút bị kích thích, tôi không nói những ý muốn và những thói quen cũ của tôi, vào những lúc yên tĩnh hơn, tôi biết rằng đó là một sự đánh lừa, rằng tôi thực sự không muốn gì cả. Thậm chí tôi không thể muốn biết sự thật vì tôi đoán được nó bao hàm cái gì.

Sự thật cuộc đời là vô nghĩa. Mỗi ngày của cuộc sống, mỗi bước ở trong đó, đưa tôi lại, có thể nói như vậy, gần hơn cái vực thẳm; và tôi biết rõ ràng rằng trước mặt tôi không là gì cả ngoài trừ sự đổ vỡ. Và ngừng lại là không thể được; quay lui cũng không thể được. Và cũng không thể nhắm mắt để không thấy rằng trước mắt tôi không có gì cả ngoài sự đau khổ và cái chết thực tại, một sự hủy diệt tuyệt đối.

Thế là tôi, một con người hạnh phúc và khỏe mạnh, đã bị đẩy tới chỗ cảm thấy không thể sống nữa, - một sức mạnh không cản được đang kéo tôi về phía trước, để thoát khỏi cuộc sống. Tôi không muốn nói rằng tôi muốn tự kết liễu đời mình.

Sức mạnh kéo tôi ra khỏi cuộc sống mạnh hơn, tràn đầy hơn và phổ biến hơn mọi ý muốn; đó là một sức mạnh giống như sức mạnh của sự gắn bó của tôi trước đây với cuộc đời, duy chỉ có là theo hướng ngược lại. Với tất cả sức mạnh, tôi đấu tranh thoát khỏi cuộc đời. Ý tưởng tự sát đến với tôi cũng tự nhiên như trước đây ý tưởng làm cho cuộc đời mình tốt hơn. Ý tưởng đó hấp dẫn tôi đến mức

tôi buộc phải thực hiện với tôi sự tự dối mình nhằm tránh tiến hành nó quá vội vã. Tôi không muốn hành động quá sớm, chỉ vì tôi muốn dùng tất cả các sức mạnh của tôi để xóa đi sự mơ hồ trong ý tưởng của tôi. Nếu tôi không thể xóa đi được, tôi có thể một lúc nào đó tự kết liễu đời mình. Và tôi đây, một con người có địa vị may mắn, đang giấu đi một sợi dây thừng để tránh bị cám dỗ treo mình lên cái cửa sổ nhỏ giữa các tủ tường của phòng tôi, ở đó tôi cởi quần áo một mình mỗi buổi tối. Và tôi thôi không đi săn với khẩu súng vì nó tạo một phương tiện quá dễ dàng để thanh toán cuộc đời. Tôi không biết tôi muốn cái gì; tôi sợ cuộc sống; tôi đấu tranh để xóa bỏ nó, tuy nhiên có một điều gì đó tôi còn hi vọng ở nó.

Đó là hoàn cảnh tôi đã đạt đến, vào lúc mà tất cả những điều kiện của cuộc đời tôi là hạnh phúc một cách ưu việt và vào lúc tôi chưa đến năm mươi tuổi. Tôi có một người vợ đảm đang, yêu thương và được yêu thương, những đứa con ngoan, một trang trại rộng đang tăng trưởng, và phát triển nếu không có nhiều rắc rối về phần tôi; tôi được bạn bè và người quen kính trọng hơn bao giờ hết; nước ngoài ca ngợi tôi và tôi có thể đặt yêu cầu làm cho tên mình nổi tiếng mà không phải tự dối mình nhiều. Hơn nữa, tôi không điên hoặc ở trong một trạng thái tâm thần yếu đuối; trái lại, tôi có một sức mạnh tinh thần và vật chất mà tôi ít thấy ở những người cùng giai cấp và cùng sự nghiệp. Tôi có thể đi bộ không thua kém một nông dân, và có thể tiếp



tục công việc lao động trí óc tám hay mười tiếng liền mà không có hậu quả xấu nào. Và trong tình hình đó, tôi đi đến nhận định này - là tôi không thể sống, và vì tôi sợ chết, tôi buộc phải dùng mưu mẹo với bản thân để sao cho không kết liễu đời mình.

Tâm trạng của tôi lúc đó dường như có thể tóm tắt như sau: Đời tôi là một trò đùa điên rồ và xấu xa mà ai đó đùa với tôi. Dẫu là sự thật tôi không nhận ra “Ai đó” đã tạo ra tôi, cái kết luận rằng ai đó đã điên rồ và xấu xa đùa một trò đùa ở tôi bằng cách đưa tôi vào đời, hình như đối với tôi, là một trong những kết luận tự nhiên nhất.

Chính đó là điều kinh khủng! Và để thoát khỏi nỗi kinh hoàng đó, tôi sẵn sàng tự sát. Tôi cảm nhận một nỗi kinh hoàng của cái đang chờ đợi tôi; tôi biết rằng nỗi kinh hoàng đó kinh hoàng hơn bản thân cái tình thế, nhưng tôi không thể kiên nhẫn chờ đợi sự kết thúc. Dẫu cái luận cứ có sức thuyết phục đến mấy rằng, một mạch máu trong tim bị đứt hoặc một cái gì đó nổ tung và tất cả chấm dứt, cũng vậy thôi, tôi cũng không thể kiên nhẫn chờ đợi sự kết thúc. Nỗi kinh hoàng về bóng tối quá lớn để chịu đựng nổi và tôi muốn giải thoát mình càng nhanh càng tốt bằng một sợi dây thừng hay một phát đạn súng lục. Đó là cái cảm giác trên mọi thứ đã đưa tôi đến ý nghĩ tự sát.

Tôi tự hỏi: “Nhưng có thể chẳng tôi đã từ bỏ một cái gì, đã không hiểu nổi một điều gì? Trạng thái tuyệt vọng này có thể là chung cho mọi người chăng?”

Và trong mỗi ngành tri thức của nhân loại, tôi

tìm một giải nghĩa cho vấn đề đang giày vò tôi. Tôi tìm kiếm lời giải nghĩa đó một cách đau đớn và lâu dài, không phải đơn thuần vì tò mò. Tôi không tìm kiếm nó một cách lười biếng mà một cách đau đớn, kiên trì, ngày và đêm; tôi tìm nó như người sắp chết tìm sự an toàn, và tôi không tìm thấy gì cả.

Tôi tìm nó trong tất cả các ngành tri thức và không những tôi thất bại, mà hơn nữa tôi tin chắc rằng tất cả những người tìm kiếm như tôi đã không tìm thấy gì, mà đã cũng như tôi đi đến một niềm tin đầy thất vọng rằng tri thức tuyệt đối mà con người có thể nắm được là điều sau đây: rằng đời là vô nghĩa.

Tôi tìm kiếm ở mọi hướng, và nhờ cuộc đời trải qua trong học tập, cũng như nhờ quan hệ của tôi với giới học thức, những học giả hoàn thiện nhất ở mọi ngành tri thức khác nhau tôi đều có thể tiếp xúc, và họ không từ chối mở ra cho tôi mọi nguồn tri thức cả trong sách lẫn qua giao tiếp cá nhân. Tôi nắm được tất cả những gì mà học tập có thể trả lời câu hỏi: “Đời là gì?”.

Tôi đã lạc đường trong rừng tri thức của người đời dưới ánh sáng của các khoa học toán học và thực nghiệm, chúng mở ra cho tôi những chân trời sáng sủa ở đó không thể có ngôi nhà nào, và trong bóng tối của triết học, đắm mình vào trong bóng tối lớn lên với mỗi bước tôi đi cho đến lúc cuối cùng tôi tin chắc rằng không có và không thể có lối thoát nào.

Khi tôi đi theo cái có vẻ là ánh sáng chói lọi của

học tập, tôi thấy rằng tôi chỉ quay khỏi các vấn đề thực tế. Dù những chân trời mở ra trước mặt tôi lồi cuồn và sáng sủa đến đâu, dù việc đắm mình vào cái vô hạn những loại kiến thức đó là hấp dẫn đến đâu, tôi thấy rằng chúng càng sáng sủa bao nhiêu tôi lại càng ít cần đến chúng bấy nhiêu và chúng càng ít đem lại cho tôi một câu trả lời cho câu hỏi của tôi.

Lang thang như thế trên những lĩnh vực tri thức không những không chữa được cho tôi nỗi thất vọng mà còn làm nó tăng thêm. Một ngành tri thức không cung cấp câu trả lời cho tất cả các vấn đề của cuộc đời; ngành khác cung cấp một câu trả lời trực tiếp xác nhận niềm thất vọng của tôi và chỉ rõ ràng trạng thái tôi đã đi đến không phải là kết quả của việc tôi đi lạc đường, của một sự rối loạn tâm thần nào đó, mà trái lại nó đảm bảo rằng tôi đang suy nghĩ đúng, đang thống nhất với những kết luận của những tri thức có thể lực nhất của loài người.

Tôi không thể bị đánh lừa. Tất cả đều là hư ảo. Sinh ra là một điều bất hạnh. Chết tốt hơn sống; gánh nặng cuộc đời phải được trút bỏ.

Hoàn cảnh tôi thật là kinh khủng. Tôi biết rằng từ những tri thức mà lí trí cung cấp cho con người, tôi không thể đạt được gì ngoài sự phủ định cuộc đời; và từ lòng tin, không thể đạt được gì ngoài sự phủ định lí trí, mà sự phủ định này thậm chí còn là không thể được hơn cả sự phủ định cuộc đời. Bằng hiểu biết dựa trên lí trí, được chứng tỏ rằng cuộc đời là cái xấu và người ta biết là như thế,

rằng người ta có thể thôi sống như người ta muốn, nhưng người ta vẫn đã sống và tiếp tục sống - bản thân tôi cũng tiếp tục sống mặc dầu tôi đã biết từ lâu rằng cuộc đời là vô nghĩa và xấu xa. Nếu tôi đi bằng lòng tin, kết quả là để hiểu ý nghĩa cuộc đời tôi phải từ bỏ lí trí, là chính một phần của tôi đã đòi hỏi một ý nghĩa trong cuộc đời.

Khi tôi đi đến kết luận đó, tôi hiểu rằng thật là vô ích đi tìm câu trả lời cho câu hỏi của tôi từ những tri thức dựa trên lí trí và rằng câu trả lời được dạng tri thức này cung cấp chỉ là một sự tỏ rõ là không thể có câu trả lời nào cả cho đến lúc câu hỏi được đặt ra một cách khác - cho đến lúc câu hỏi được nêu đã bao hàm mối quan hệ giữa cái hữu hạn và cái vô hạn. Tôi cũng hiểu rằng dù những câu trả lời do lòng tin đưa ra có vô lí và quá dẫn đến đâu, chúng có cái lợi thế mang lại cho mỗi câu hỏi mối quan hệ giữa cái hữu hạn và cái vô hạn, mà không có cái đó thì không thể có câu trả lời nào.

Tuy nhiên tôi có thể đặt câu hỏi: Tôi phải sống như thế nào? Câu trả lời là: "Theo luật của Đức Chúa trời!"

Có điều gì thực tại và tích cực đến với đời tôi không, và điều gì?

Sự già yếu và vĩnh cửu hoặc là niềm hạnh phúc vĩnh cửu!

Có ý nghĩa nào không bị cái chết hủy hoại không?

Đoàn kết với Đức Chúa vô biên, với Thiên đường.

Bằng cách đó, tôi buộc phải thừa nhận rằng ngoài tri thức lí luận mà một lần tôi đã nghĩ là tri thức

thật duy nhất, trong mỗi người đang sống còn có một loại tri thức, loại không lí luận, - đức tin - nó tạo ra khả năng để sống...

Lúc này tôi sẵn sàng chấp nhận một đức tin nào không đòi hỏi tôi một sự phủ nhận trực tiếp lí trí, vì thế là phải đối trá. Tôi nghiên cứu đạo Phật và đạo Hồi trong các sách của những đạo này; và đặc biệt nghiên cứu cả Thiên Chúa giáo, cả trong sách lẫn trong những cuộc đời của các giáo sĩ quanh tôi.

Tôi tự nhiên chú ý trước tiên đến những tín đồ ở những nhóm trực tiếp quanh tôi, đến những người thông thái, đến những giáo sĩ già, đến những nhà thần học chính thống của một sắc thái giáo thuyết mới, những người gọi là Thiên Chúa giáo mới truyền giáo sự cứu vớt linh hồn thông qua lòng tin ở một Chúa cứu thế. Tôi chộp lấy những tín đồ này và hỏi họ tin ở cái gì và theo họ cái gì tạo ý nghĩa cho cuộc đời?

Không luận cứ nào có khả năng thuyết phục tôi về sự chân thật trong đức tin của những người này. Chỉ có những hành động, chứng tỏ quan niệm của họ về cuộc đời đã xóa bỏ sự lo sợ nghèo đói, bệnh tật và cái chết, mạnh mẽ trong tôi tới mức đã có thể thuyết phục được tôi, và những hành động như thế tôi không thể thấy ở những tín đồ khác của giai cấp tôi. Những hành động như thế, quả thật tôi đã thấy giữa những người công khai không theo đạo ở giai cấp của bản thân tôi trong cuộc đời song không bao giờ thấy giữa những người được gọi là tín đồ của giai cấp chúng tôi.

Tôi hiểu được, sau đó, rằng niềm tin của những người này không phải là niềm tin mà tôi tìm kiếm; rằng không có niềm tin nào cả, mà chỉ là những những niềm an ủi theo thuyết Êpicura<sup>(\*)</sup> của cuộc đời. Tôi hiểu rằng nếu niềm tin đó là không thể an ủi thực sự thì ít nhất làm dịu tâm hồn hối hận của một Xalômông<sup>(\*\*)</sup> trên giường qua đời; rằng nó không thể phục vụ đại đa số nhân loại sinh ra không phải để được an ủi bằng lao động của những người khác, mà để sáng tạo ra một cuộc đời cho bản thân mình. Để nhân loại sống, để nó tiếp tục sống và ý thức được ý nghĩa của cuộc đời, hàng triệu triệu con người đó phải có một quan niệm khác và là quan niệm thật về niềm tin. Không phải là sự việc về Xalômông, Schofenhauer và tôi đã không chém giết nhau, nó thuyết phục tôi rằng niềm tin tồn tại, mà

---

(\*) Êpicure (Epicure) 349-370 trước Công nguyên. Triết gia Hi Lạp. Ông sáng lập ở Aten một trường học lấy tên: Ngôi vườn. Tư tưởng của ông, được Diogen, Laeex và Luycrex tán thưởng, lấy cảm giác làm tiêu chí cho hiểu biết, đạo đức và của những niềm vui thú mà chúng tạo thành nguyên tắc của hạnh phúc, với điều kiện là phải làm chủ các cảm giác.

(\*\*) Xalômông (tiếng Pháp Salomon) vua thứ ba người Hêbrơ (Do Thái xưa) vào khoảng 970-993 (trước Công nguyên), con và là người kế nghiệp của David, ông tổ chức và tăng cường đất nước, bảo đảm một sự thịnh vượng về kinh tế và đặc biệt cho xây dựng đến Giêrudalem (Jérusalem). Sự chống đối được đánh thức dậy giữa những bộ lạc Bắc và Nam dẫn đến sự chia cắt thành hai nước Judá và Israel lúc Xalômông chết.

sự việc hàng triệu triệu con người đã sống và bây giờ đang sống mang theo cùng họ trong sự thôi thúc của cuộc đời họ cả Xalômông và cả chúng ta.

Tôi bắt đầu xích lại gần những tín đồ trong số những người nghèo, người bình dị và gần những người dốt nát, những người hành hương, những giáo sĩ, những người li giao, những người nông dân. Học thuyết của những người dân dã này, giống như học thuyết của những người được xưng là tín đồ ở giai cấp chúng tôi, là Thiên Chúa giáo. Ở đây cũng có nhiều điều mê tín hòa lẫn với chân lí của Thiên Chúa giáo, nhưng với sự khác biệt là sự mê tín của những tín đồ của giai cấp chúng tôi là hoàn toàn không cần thiết cho họ và không bao giờ ảnh hưởng đến cuộc đời họ ngoại trừ dùng làm một thứ giải trí theo thuyết Êpicura; trong khi sự mê tín của giai cấp lao động sùng tín quyện chặt vào cuộc đời của họ tới mức không thể hình dung họ mà không có sự mê tín này - nó là một điều kiện của toàn bộ cuộc đời họ. Toàn bộ cuộc đời của những tín đồ của giai cấp chúng tôi là hoàn toàn trái ngược với niềm tin của họ và toàn bộ cuộc đời của những tín đồ trong dân chúng là sự khẳng định ý nghĩa cuộc đời mà đức tin cung cấp cho họ.

Thế là tôi bắt đầu nghiên cứu cuộc đời và học thuyết của dân chúng và càng nghiên cứu tôi càng tin chắc rằng một đức tin thật đang ở giữa họ, rằng đức tin đối với họ là một điều cần thiết và một mình nó cho họ một ý nghĩa về cuộc đời và một khả năng sống. Trực tiếp đối lập với những gì tôi

thấy trong giới của mình, - ở đó cuộc đời không có niềm tin là có thể được và ở đó không một người trong số một ngàn người tự xưng là tín đồ - trong dân chúng không có độc nhất một người không tín ngưỡng trong số một ngàn người. Trục tiếp đối lập với những gì tôi biết được trong thế giới của mình - ở đó cả một cuộc đời được tiêu phí trong nhàn rỗi, vui chơi và trong bất mãn với đời - tôi thấy trong dân chúng, toàn bộ các cuộc đời diễn ra trong lao động nặng nhọc và sự hài lòng không kêu ca. Trục tiếp đối lập với những gì tôi thấy trong thế giới tôi - những người chống đối và phẫn nộ với những thiếu thốn và đau khổ của số phận họ, - dân chúng chấp nhận không do dự và không chống đối bệnh tật và buồn đau, với niềm tin trầm lặng và vững chắc rằng tất cả phải như thế, không thể nào khác, và tất cả đều đã là tốt nhất. Trái ngược với lí thuyết cho rằng càng ít học *nhất*, chúng ta càng ít hiểu ý nghĩa cuộc đời và nhìn thấy trong những đau khổ của chúng ta và trong cái chết chỉ là một trò đùa xấu xa, những người trong dân chúng sống, đau khổ và đến gần cái chết trong sự tin cậy bình thản và rất thường khi trong niềm vui. Trái với sự việc một cái chết dễ dàng, không hoảng sợ và thất vọng là một ngoại lệ hiếm hoi trong giai cấp chúng tôi, một cái chết khó khăn, chống đối và buồn thảm là một ngoại lệ hiếm hoi nhất trong dân chúng nói chung.

Những người, thiếu tất cả những gì đối với chúng tôi và với Xalômông làm nên cái tốt đẹp duy nhất trên đời mà đồng thời vẫn trải nghiệm niềm hạnh



phúc cao cả nhất, tạo nên đại đa số của nhân loại. Tôi nhìn ra một cách rộng rãi quanh tôi, tôi nghiên cứu những cuộc đời của những đám quần chúng xưa và nay của nhân loại, và tôi thấy rằng không phải hai hoặc ba, hoặc mười mà hàng trăm, hàng ngàn, hàng triệu đã hiểu như vậy về ý nghĩa cuộc đời mà họ có thể sống hoặc chết với nó, và nhìn thấy trong tất cả cái đó không phải một điều vô dụng mà một điều tốt lành.

Tôi bắt đầu sống gắn bó với những người này. Tôi càng học tập nhiều hơn ở các cuộc đời của họ, cuộc đời của những người đang sống hoặc đã mất mà tôi đọc và nghe kể, tôi càng yêu mến họ hơn và càng thấy sống như thế dễ dàng hơn. Tôi sống theo cách đó trong hai năm, và lúc đó một sự thay đổi đã được chuẩn bị lâu trong tôi xảy ra, và những triệu chứng của nó tôi luôn đã cảm nhận một cách yếu ớt: cuộc đời của giới những người giàu có và có học thức không những là ghê tởm mà còn mất hết ý nghĩa. Tất cả những hành động của chúng tôi, lí luận của chúng tôi, khoa học và nghệ thuật của chúng tôi, tất cả hiện ra cho tôi trong một ánh sáng mới. Tôi hiểu ra rằng tất cả đều là trò chơi trẻ con, và tìm một ý nghĩa trong nó thật là vô ích. Cuộc đời của các giai cấp lao động, của toàn thể nhân loại, của những người sáng tạo ra cuộc đời hiện ra với tôi trong ý nghĩa thật của nó. Tôi hiểu rằng đó là bản thân cuộc đời và ý nghĩa dành cho cuộc đời đó là thật, và tôi chấp nhận nó...

Khi tôi nhớ lại chính những học thuyết đó đã

làm ghê tởm tôi biết bao, chúng tỏ ra vô nghĩa biết bao khi chúng được nói ra bởi những người mà cuộc đời đã trải qua trái với những lí thuyết ấy, và cũng những lí thuyết đó hấp dẫn tôi biết bao và tỏ ra có lí khi tôi thấy những người sống phù hợp với chúng, tôi hiểu vì sao có lần tôi đã vứt bỏ chúng và nghĩ rằng chúng là vô nghĩa, và vì sao lần này tôi tuân thủ chúng và nghĩ rằng chúng đầy ý nghĩa. Tôi hiểu rằng tôi đã sai lầm và đã sai lầm như thế nào. Tôi đã sai lầm phần nhiều không phải do suy nghĩ sai, do đã sống xấu xa. Tôi hiểu ra rằng sự thật đã bị che giấu đối với tôi, không phải phần nhiều do tôi sai lầm trong lí luận bằng do tôi đã sống một cuộc sống khác thường theo xu hướng của thuyết Êpicua nhằm thỏa mãn sự thèm khát của xác thịt. Tôi hiểu rằng câu hỏi của tôi: “Đời tôi là gì?” và câu trả lời: “Một tội ác” là phù hợp với sự thật của tình hình. Cái sai lầm nằm ở chỗ tôi đã áp dụng vào cuộc đời nói chung một câu trả lời chỉ liên quan đến bản thân tôi. Tôi đã hỏi cuộc đời của riêng tôi là gì, và câu trả lời là: “Một tội ác và một điều phi lí”. Đúng là như vậy, cuộc đời tôi - một cuộc đời của sự ham mê và của thú nhục dục - là một sự phi lí và là một tội ác; và câu trả lời: “Đời là vô nghĩa và xấu xa”, vì vậy, chỉ liên quan đến cuộc đời của riêng tôi chứ không liên quan đến đời người nói chung.

Tôi hiểu sự thật mà sau đó tôi tìm thấy trong kinh Phúc Âm: “Những người ấy ưa bóng tối hơn là ánh sáng bởi vì những việc làm của họ là xấu xa.

Vì mỗi ai làm điều xấu xa đều ghét ánh sáng và không đến với ánh sáng, sợ rằng việc làm của nó bị quở trách”.

Tôi hiểu rằng để hiểu được ý nghĩa cuộc đời, cần trước hết cuộc đời phải là một cái gì hơn là tội ác và phải có ý nghĩa, và sau đó phải có ánh sáng của lí trí để hiểu được nó. Tôi hiểu tại sao tôi đã xoay quanh sự thật hiển nhiên đó lâu đến như vậy mà không nắm bắt được nó, và nếu chúng tôi suy nghĩ và nói về cuộc đời của loài người thì chúng ta phải suy nghĩ và nói về cuộc đời đó như là một tổng thể, chứ không phải đơn thuần cuộc đời của một số kẻ ăn bám nào đó trên nó.

Sự thật đó luôn là sự thật như  $2 \times 2 = 4$ , nhưng tôi đã không thừa nhận nó vì thừa nhận  $2 \times 2 = 4$ , tôi sẽ buộc phải thừa nhận tôi là xấu xa. Là quan trọng hơn cho tôi cảm thấy tôi tốt, nó ràng buộc với tôi hơn là tin  $2 \times 2 = 4$ . Tôi yêu những người tốt, tôi ghét bản thân tôi và tôi thừa nhận sự thật. Lúc này, tất cả đối với tôi đều sáng tỏ...

Niềm tin của tôi về sai lầm trong đó tất cả tri thức dựa trên lí trí phải thất bại để giúp tôi tự giải thoát khỏi sự quyến rũ của việc lập luận lười biếng. Niềm tin rằng một tri thức về sự thật chỉ có thể đạt được bằng sự sống dẫn tôi đến việc nghi ngờ cái riêng của đời tôi, nhưng tôi chỉ việc đi ra khỏi cái nếp sống cũ đặc biệt của riêng tôi và nhìn ra xung quanh tôi, để quan sát cuộc đời bình dị của giai cấp lao động thực tại, để hiểu rằng một cuộc đời như thế là độc nhất cuộc đời thực tại. Tôi hiểu

rằng nếu tôi mong muốn hiểu cuộc đời và ý nghĩa của nó, tôi phải sống, không phải cuộc đời của một kẻ ăn bám, mà cuộc đời thực, và chấp nhận ý nghĩa mà các cuộc đời kết hợp lại của những người thực sự tạo thành cái tổng thể nhân loại lớn dành cho nó, đặt nó dưới một sự xem xét sát sao.

Vào thời gian tôi đang nói tới đây, tình hình của tôi là như sau:

Trong suốt cả năm này, khi tôi tự hỏi hầu như mỗi phút xem tôi có nên hay không nên kết thúc bằng một sợi dây thừng hay một phát súng lục, trong thời gian tâm trí tôi bị bận rộn với những ý nghĩ mà tôi đã mô tả, trái tim tôi bị một cảm giác day dứt giày vò. Cảm giác này tôi không thể mô tả cách nào khác hơn là một sự tìm kiếm Thượng đế.

Sự tìm kiếm Thượng đế đó không phải là một hành vi của lí trí mà là một cảm xúc; và tôi nói điều đó có suy nghĩ chín chắn, bởi vì điều đó đối lập với cách suy nghĩ của tôi; nó đến từ trái tim. Đó là một cảm xúc của sự khiếp sợ hoặc của cảnh mồ côi, của sự cô lập giữa những sự vật hoàn toàn tách khỏi tôi, và tôi hy vọng ở sự giúp đỡ mà tôi không biết từ ai.

Tôi nhớ lại một ngày trong mùa *xuân sớm*, tôi ở trong rừng một mình nghe tiếng rừng âm vang và suy nghĩ độc một điều, cũng là điều tôi thường xuyên nghĩ tới trong hai năm qua - tôi lại tìm kiếm một Thượng đế.

Tôi nói với mình:

“Tốt lắm, không có Thượng đế nào cả, không có

một Thượng đế nào trong thực tế ngoại trừ do trí tưởng tượng của bản thân tôi, không một Thượng đế nào thực tại như cuộc đời tôi - không có. Không gì, không cổ tích nào chứng tỏ có Thượng đế vì cổ tích chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng phi lí của tôi.”

Và lúc đó tôi tự hỏi:

“Nhưng ý tưởng của tôi về Thượng đế mà tôi tìm, nó từ đâu đến?”

Và một lần nữa ý tưởng đó làm dậy lên những làn sóng cồn nô giỡn của cuộc đời. Tất cả xung quanh tôi dường như sống lại, dường như có một ý nghĩa mới. Tuy vậy, niềm vui của tôi không lâu. Lí trí tiếp tục công việc của nó:

“Một ý tưởng về Thượng đế không phải là Thượng đế. Ý tưởng của một cái gì đấy bên trong tôi; ý tưởng về Thượng đế là một ý tưởng mà tôi có thể khuấy động lên trong tâm trí tôi hay không là do tôi lựa chọn. Nó không phải là cái tôi tìm kiếm, một cái gì mà không có nó, cuộc đời không thể tồn tại được”.

Lúc đó một lần nữa tất cả dường như chết đi xung quanh tôi và trong tôi. Và một lần nữa tôi muốn tự sát.

Sau đó, tôi bắt đầu vạch lại quá trình đã diễn ra trong tôi, sự ngã lòng và sự hồi sinh lặp đi lặp lại hàng trăm lần. Tôi nhớ lại rằng tôi đã chỉ sống khi tôi tin ở một Thượng đế. Như trước đây đã thế, bây giờ cũng thế. Chỉ việc biết Thượng đế là tôi sống, tôi chỉ việc quên Người, không tin ở Người, thế là tôi chết.

Sự ngã lòng đó và sự hồi sinh đó là cái gì? Tôi không sống khi tôi mất lòng tin ở sự tồn tại của một Thượng đế. Tôi đã từ lâu kết liễu đời mình nếu tôi không có một niềm hi vọng yếu ớt tìm thấy Người. Tôi chỉ thực sự sống khi tôi ý thức được Người và tìm kiếm Người. “Thế tôi còn tìm cái gì hơn nữa?” Một tiếng nói dường như cất lên trong tôi. “Chính là Người, Người mà không có thì không có cuộc sống. Biết Thượng đế và sống là một, Thượng đế là cuộc sống”.

Sống để tìm kiếm Thượng đế; và cuộc sống sẽ không có nếu không có Thượng đế. Và cuộc sống dấy lên càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết trong tôi và quanh tôi, và ánh sáng chiếu rọi lúc đó không bao giờ từ bỏ tôi nữa.

## TÔI PHÊ PHÁN THỜI ĐẠI MÌNH

Toàn bộ cuộc đời con người là sự mâu thuẫn thường xuyên về những gì nó nhận thức là bốn phận của nó. Mâu thuẫn đó chiếm ưu thế trong mỗi lĩnh vực của cuộc sống: kinh tế, chính trị và quốc tế. Đường như trí khôn của nó bị lãng quên và niềm tin của nó tạm thời bị che lấp - vì nó phải có niềm tin, nếu không cuộc đời của nó sẽ thiếu sự lâu bền - nó hành động trực tiếp trái ngược với những sai khiến của lương tâm nó và lương tri nó.

Trong các quan hệ kinh tế và quốc tế, chúng ta được những nguyên tắc cơ bản của những thời đại đã qua dần dặt - những nguyên tắc hoàn toàn trái ngược với quan điểm của chúng ta và những điều kiện của đời sống hiện tại chúng ta.

Là đúng đối với một người tin tưởng ở nguồn gốc thần thánh của chế độ nô lệ và ở sự cần thiết của nó, sống trong quan hệ chủ với nô lệ. Nhưng ngày nay một cuộc đời như thế có thể được không? Một người thời cổ đại có thể tin rằng nó được biện minh khi lấy lợi lộc từ người cùng hợp tác, áp bức

nó qua nhiều thế hệ, đơn giản chỉ vì nó tin ở sự khác nhau về nguồn gốc, quý tộc hay thấp hèn, hậu duệ của Ham hay Japheth(\*) không những các triết gia lớn nhất thời cổ đại, Platông(\*\*) và Aristốt(\*\*\*) đã biện minh cho sự tồn tại của chế độ nô lệ và dẫn ra những bằng chứng cho tính hợp pháp của chế độ đó, mà cách đây chưa đầy ba thế kỉ những người mô tả một trạng thái xã hội lí tưởng không thể hình dung nó không có nô lệ.

Ở thời cổ đại và cả ở thời trung cổ là đúng đắn nghĩ rằng con người sinh ra không bình đẳng, rằng những người đáng kính chỉ là người Ba Tư, người Hi Lạp người La Mã, hoặc chỉ là người Pháp; nhưng ngày nay chẳng còn ai nghĩ như thế. Và những người hăng hái biện hộ cho các nguyên tắc của chế độ quý tộc và chủ nghĩa yêu nước ngày nay không thể còn tin ở những tuyên bố của mình.

---

(\*) *Ham và Japheth*: đều là hai nhân vật trong kinh thánh. Ham giòng dõi quý tộc, giàu sang, Japheth giòng dõi thấp hèn, nghèo cực.

(\*\*) *Platông*: xem chú thích ở trang 15.

(\*\*\*) *Aristốt*: (*Aristote*) 384 - 322 trước Công nguyên. Triết gia Hi Lạp, thầy học của Alêxandơ Đại đế, ông lập ra ở Aten một trường học lấy tên là Lycée (*Lixê*), cái nôi của trường phái tiêu dao. Hệ thống của ông dựa trên một quan niệm chặt chẽ về vũ trụ. Ông là tác giả của nhiều tác phẩm về logic, chính trị, sinh học (giải phẫu học so sánh và phân loại loài vật), về vật lí học và siêu hình học. Ông là người sáng lập ra logic hình thức. Tư tưởng của ông đã ảnh hưởng đến triết học và thần học trung thế kỉ và đóng vai trò quyết định ở bước đầu của khoa học và triết học Hồi giáo.



Tất cả chúng ta đều biết và không thể nào không biết, ngay cả khi chúng ta không bao giờ nghe xác định hoặc không bao giờ tìm cách tự mình xác định điều đó rằng tất cả chúng ta có một niềm tin cố hữu sâu xa trong lòng chúng ta về sự thật của học thuyết cơ bản của đạo Thiên chúa, rằng chúng ta tất cả là con của một Người cha duy nhất, đúng mỗi một chúng ta, dù chúng ta sống ở đâu chẳng nữa, dù chúng ta nói ngôn ngữ nào đi nữa, rằng chúng ta tất cả đều là anh em, đều chịu chung một quy luật của tình thương mà Người cha chung của chúng ta đã cắm vào trái tim chúng ta.

Dù cho những tập quán suy nghĩ hoặc trình độ giáo dục của một con người ở thời đại chúng ta có thể nào chẳng nữa, dù anh ta là người tự do có học thức, là một triết gia, một nhà khoa học, một nhà kinh tế học thuộc các trường phái khác nhau, một người vô học đi theo bất luận niềm tin tôn giáo nào - mỗi người ngày nay đều biết rằng về phương diện cuộc đời và các lợi ích trần thế mọi người đều có quyền ngang nhau, rằng không người nào hoặc tốt hơn hoặc xấu hơn đồng loại mình, rằng mọi người đều sinh ra tự do và bình đẳng. Ai ai cũng có một sự tin chắc bẩm sinh vào sự thật đó. Thế nhưng anh ta lại thấy đồng loại lại bị chia thành hai giai cấp, một giai cấp trong nghèo nàn và đau khổ, lao động và bị áp bức; giai cấp kia lười biếng, bạo ngược và xa hoa. Và không những anh ta thấy tất cả những điều đó mà còn hoặc tự nguyện hoặc không tự nguyện anh ta rơi vào hàng ngũ này hoặc hàng ngũ kia của sự phân chia - một tiến trình xung khắc với lí trí

của anh ta. Do đó mà anh ta phải chịu đau khổ cả ở cảm giác không phù hợp và cả ở phần đóng góp của bản thân mình vào đó.

Anh ta là chủ hay nô lệ, trong những ngày này con người mãi mãi bị ám ảnh bởi sự mâu thuẫn giữa lí tưởng của mình và sự việc thực tại, mà anh ta có thể không nhận thức được cái đau khổ bật ra từ đó.

Quảng đại quần chúng - tức là đại bộ phận nhân loại, đau khổ và lao động cật lực, đời sống thấp kém và vô vị, không bao giờ được một tia sáng làm phấn chấn, chịu đựng vô vàn thiếu thốn - là những người nhận thấy rõ ràng hơn sự mâu thuẫn sâu sắc giữa hiện trạng và trạng thái đáng phải có, giữa các tuyên bố của loài người và sự thực hiện những tuyên bố đó.

Họ biết rằng họ lao động như những người nô lệ, rằng họ đang chết dần chết mòn trong thiếu thốn và tối tăm, rằng họ phải chu cấp cho những thú vui của thiểu số. Và chính sự hiểu biết đó làm tăng thêm sự đắng cay. Quả thật nó tạo thành cái cốt lõi của sự đau khổ của họ.

Một nô lệ thời cổ đại biết rằng mình sinh ra đã là nô lệ, còn như người công nhân ngày nay trong khi cảm nhận bản thân là người nô lệ, biết rằng lẽ ra mình không là người nô lệ và đau khổ vì những hành hạ của Tãngtal<sup>(\*)</sup> do sự khát khao không được

---

(\*) Tãngtal (Tantale); Theo thần thoại của Hi Lạp, Tãngtal, vua nước Phrygi hoặc Lidi. Do xúc phạm các vị thần, bị đày xuống địa ngục và phải chịu những trận đói và khát khủng khiếp: thức ăn đồ uống ở hễ trước mắt mà phải chịu nhìn đói nhìn khát.

thỏa mãn đối với những gì có thể được ban phát cho anh ta và đối với những gì anh ta có quyền được hưởng. Những nỗi đau khổ của các giai cấp lao động xuất phát từ những mâu thuẫn của số phận lại mười phần tăng lên bởi sự đố kỵ và lòng căm thù là kết quả tự nhiên của sự nhận thức các mâu thuẫn đó.

Một người lao động trong thời đại của chúng ta, dù cho công việc của anh ta có kém phần vất vả hơn lao động của những người nô lệ xưa và dù cho anh ta có đạt kết quả ngày làm tám tiếng và nhận đồng lương kha khá, anh ta vẫn trong tình trạng tồi tệ nhất, vì anh ta chế tạo những đồ vật mà anh ta chẳng bao giờ dùng hoặc hưởng, anh ta không làm cho bản thân mình, anh ta làm để cung phụng cho kẻ xa hoa và lười biếng, để tăng thêm sự giàu sang cho nhà tư bản, chủ nhà máy hoặc nhà công nghiệp. Anh ta biết rằng tất cả những cái đó được tiếp tục trên thế giới, ở đây con người công nhận tiếp nhận một số tuyên bố như nguyên tắc kinh tế cho rằng lao động là của cải, rằng sử dụng lao động của người khác vì lợi ích của riêng mình là một hành vi bất công, rằng một hành vi bất hợp pháp bị pháp luật trừng phạt trong một thế giới, ở đó, hơn nữa học thuyết của Crix được truyền bá, nó dạy chúng ta rằng tất cả mọi người là anh em và bốn phần của mỗi người là phục vụ người láng giềng và không bòn rút lợi lộc bất chính từ anh ta.

Người lao động hình dung tất cả những điều đó, và phải đau khổ sâu sắc vì mâu thuẫn khó coi giữa thế giới đáng phải có và thế giới hiện có.

Một người lao động tự nói với mình: Phù hợp với những gì người ta nói với tôi và những gì tôi nghe người ta truyền bá, tôi phải là một người tự do bình đẳng với mọi người khác và phải được yêu thương. Thế mà tôi là một người nô lệ, bị ghét bỏ và bị khinh bỉ. Thế là anh ta, đến lượt mình tràn đầy căm hận và tìm cách thoát ra khỏi hoàn cảnh mình để quật ngã kẻ thù áp bức anh ta và bản thân đang thắng thế.

Người ta nói: “Là xấu xa đối với một người lao động mong muốn bản thân ở địa vị nhà tư bản hoặc đối với một người nghèo ghen tị với người giàu”. Nhưng nói thế là sai. Nếu đó là một thế giới mà Thượng đế đã sắp xếp tại đây những chủ và nô lệ, những người giàu và những người nghèo thì sẽ sai lầm cho người lao động và người nghèo mong muốn thay chỗ người giàu: Nhưng không phải như vậy, anh ta mong muốn điều đó trong một thế giới đang truyền bá học thuyết của kinh Phúc Âm, mà nguyên tắc đầu tiên được hiện thân trong quan hệ giữa người con và người cha, và vì vậy trong quan hệ của tình anh em và sự bình đẳng. Tuy nhiên, những người miễn cưỡng có thể phải thừa nhận nó; họ không thể phủ nhận rằng một trong những điều kiện đầu tiên của đời sống Thiên Chúa giáo là tình yêu, được biểu đạt không phải bằng lời mà bằng hành động.

Người có giáo dục còn đau khổ hơn vì những sự tiền hậu bất nhất đó. Nếu anh ta có niềm tin nào đó, bất luận là tin gì - có thể, ở tình anh em - ít

nhất ở tình cảm nhân loại; và nếu không ở tình cảm nhân loại thì ở sự công bằng và nếu không ở sự công bằng thì chắc chắn là ở khoa học, và anh ta không thể không biết suốt thời gian đó rằng những điều kiện của đời sống anh ta là đối lập với mọi nguyên tắc của Thiên Chúa giáo, của tình nhân loại, của công bằng và khoa học.

Anh ta biết rằng những thói quen cuộc sống, mà anh hằng được nuôi dưỡng và sự từ bỏ chúng sẽ gây ra cho anh nhiều bất tiện chỉ có thể được chịu đựng bởi sự lao động mệt nhọc và có tính chất tự sát của giai cấp lao động bị chà đạp - tức là bởi sự vi phạm công khai các nguyên tắc này của Thiên Chúa giáo, tình nhân loại, sự công bằng và cả khoa học (khoa học chính trị) mà anh ta đã tuyên bố tin tưởng. Anh ta khẳng định lòng tin của mình ở các nguyên tắc: tình anh em, tình nhân loại, sự công bằng và khoa học chính trị, và tuy nhiên sự áp bức giai cấp lao động là một nhân tố cần thiết trong đời sống hàng ngày của anh ta, và anh ta thường xuyên sử dụng nó để đạt những mục đích riêng của mình bất chấp các nguyên tắc; và anh ta không chỉ sống theo cách đó, mà còn hiến dâng tất cả năng lượng nghị lực của mình để duy trì một chế độ trực tiếp đối lập với toàn bộ những niềm tin của mình.

Chúng ta là anh em: nhưng mỗi buổi sáng, anh tôi hoặc chị tôi thực hiện cho tôi những công việc quỵ lụy nhất. Chúng ta là anh em: nhưng tôi phải có cho tôi mỗi buổi sáng xì gà, đường, gương và gì gì nữa - những đồ vật mà sự chế tạo ra chúng thường

được trả giá bằng sức khỏe của các anh và chị tôi, mà tôi không vì lí do đó nhịn sử dụng những đồ vật đó, trái lại tôi còn yêu sách nữa. Chúng ta là anh em: nhưng tôi chịu đựng làm việc trong một ngân hàng, một nhà hàng hay một cửa hiệu và luôn cố gắng nâng giá của các nhu yếu phẩm của cuộc sống cho các anh và chị tôi. Chúng ta là anh em: tôi nhận một khoản lương nhờ xử án, kết án, và trừng trị kẻ trộm hoặc cô gái mại dâm, mà sự tồn tại là hậu quả tự nhiên của hệ thống đời sống của bản thân tôi, và tôi hình dung đầy đủ rằng tôi sẽ không lên án mà cũng không trừng phạt. Chúng ta là anh em: nhưng tôi xây dựng cuộc sống của tôi bằng việc thu thuế những người nghèo, để người giàu có thể sống trong xa hoa và lười nhác. Chúng ta là anh em: thế nhưng tôi nhận một khoản lương do truyền giáo một học thuyết Thiên Chúa giáo giả tạo mà bản thân tôi cũng không tin, bằng cách đó cản trở người ta phát hiện cái học thuyết thực. Tôi nhận lương linh mục hay giám mục do làm thất vọng dân chúng trong một vấn đề có tầm quan trọng sống còn với họ. Chúng ta là anh em: nhưng tôi để anh tôi trả mọi dịch vụ cho tôi, dù tôi là người viết sách, người giáo dục hoặc người viết đơn thuốc cho anh ta. Tất cả chúng ta là anh em: nhưng tôi nhận lương để sẵn sàng làm kẻ giết người, để học nghệ thuật chiến tranh, hoặc để chế tạo đạn dược và vũ khí và xây đắp các pháo đài.

Toàn bộ sự tồn tại của giai cấp thượng lưu chúng tôi là hoàn toàn mâu thuẫn và bản tính một con

người càng nhạy cảm hơn thì sự không hợp nhau càng đau đớn hơn.

Một người với một lương tâm nhạy cảm không thể hưởng một sự yên ổn tinh thần nào trong một cuộc đời như vậy. Thậm chí giả định rằng anh ta thành công trong việc bóp nghẹt những lời chỉ trích của lương tâm mình, anh ta vẫn không thể khắc phục những sợ hãi của mình.

Những người đàn ông và đàn bà của các giai cấp thống trị tuy đã làm cho mình trở nên cứng rắn và đã thành công trong việc bóp nghẹt lương tâm mình vẫn phải còn đau khổ vì nỗi sợ hãi của họ về sự căm thù họ gây ra. Họ hoàn toàn nắm được chính xác sự sống trong các giai cấp lao động, họ biết rằng nó không bao giờ có thể chết, họ cũng biết rằng những người lao động hình dung được những mảnh lợi được thực hiện đối với họ và những sự lợi dụng họ phải chịu đựng; rằng họ đã bắt đầu lập những tổ chức để quật ngã cái ách và để trả thù những kẻ áp bức họ. Niềm hạnh phúc của các tầng lớp thượng lưu bị đầu độc bởi nỗi sợ của tai họa sắp xảy đến mà những hiệp hội công nhân, những cuộc đình công, những cuộc biểu tình ngày mồng 1 tháng 5 báo trước.

Nhận rõ tai họa đang đe dọa họ, nỗi lo sợ của họ biến thành sự thách thức và sự căm giận. Họ biết rằng nếu họ lơi ra một lúc trong cuộc xung đột này với những người bị áp bức, họ sẽ mất hết vì những người nô lệ của họ, đã quyết liệt, sẽ trở nên ngày càng quyết liệt hơn với mỗi ngày bị áp bức. Nhưng

kẻ áp bức tuy có thể thấy điều đó, không thể thôi áp bức. Họ hình dung rằng bản thân họ bị diệt vong kể từ lúc họ giảm bớt chút xíu sự nghiêm khắc của mình. Thế là họ tiếp tục đi theo cái nghiệp áp bức, mặc dầu họ giả vờ quan tâm đến phúc lợi của những người lao động, chế độ làm tám giờ, các luật hạn chế lao động của phụ nữ và trẻ em, lương hưu và tiền thưởng. Tất cả những cái đó chỉ đơn thuần là làm ra vẻ hoặc trong hoàn cảnh tốt nhất sự lo lắng tự nhiên của ông chủ giữ người nô lệ của mình trong điều kiện tốt, nhưng người nô lệ vẫn còn là người nô lệ suốt lượt, và ông chủ, không thể sống không có người nô lệ, hơn bao giờ hết, ít mong muốn nhất trong việc để họ tự do. Giai cấp cai trị tự thấy mình so với những người lao động rất đúng là ở vị trí của người đã quật ngã đối thủ và giữ đối thủ nằm dưới, không phải vì anh ta muốn để sống nó mà vì anh ta biết rằng nếu có một lúc nào buông lỏng nó, anh sẽ bị mất mạng vì người bị thất bại đang giận dữ và cầm trong tay một con dao.

Do đó các giai cấp giàu có chúng tôi, dù lương tâm có dịu dàng hay cứng cỏi, không thể hưởng những quyền lợi bóp nặn được từ người nghèo như những người ngày xưa tin tưởng ở lẽ công bằng của địa vị họ. Tất cả niềm vui cuộc sống đều bị đầu độc hoặc bởi hối hận hoặc bởi sợ hãi.

Sự bất ổn định về kinh tế là như vậy. Nổi bật hơn là sự không ổn định về quyền lực dân sự.

Một người được đào tạo trước tiên trong thói quen tuân thủ các luật của nhà nước. Hiện nay, mỗi



hành vi của cuộc sống chúng ta là dưới sự giám sát của nhà nước và phù hợp với những mệnh lệnh của nó, con người thành hôn hoặc li dị, nuôi dạy con cái, và ở một số nước chấp nhận thứ tôn giáo mà nó bất theo. Vậy cái gì là luật quy định cuộc sống của nhân loại? Người ta có tin ở nó không? Họ có cho là nó đúng không? Không một chút nào. Trong phần lớn trường hợp họ nhận ra sự bất công của nó, họ khinh nó song vẫn tuân thủ nó. Đúng là người xưa tuân thủ luật của họ. Nó chủ yếu là có tính chất tôn giáo và họ chân thành tin ở nó là luật duy nhất đúng, mà mọi người phải tuân theo. Đó có đúng là trường hợp của chúng ta không? Chúng ta không thể từ chối không thừa nhận rằng luật của nhà nước ta không phải là luật vĩnh cửu, nhưng chỉ một trong nhiều luật ở nhiều nhà nước, tất cả không hoàn hảo như nhau và thường là hoàn toàn giả dối và bất công, - một luật đã được công khai thảo luận về mọi phương diện trên báo chí công luận. Đúng là người Hêbrơ(\*) sẽ tuân theo luật của mình, vì anh ta không bao giờ nghi ngờ rằng ngón tay của bản thân chúa đã vạch ra những luật đó, hoặc đối với người La Mã, họ tin tưởng rằng họ nhận được luật từ Nữ thần Egiêria(\*\*),

---

(\*) *Hêbrơ* (Hébreu) dân tộc Xêmit phương Đông cổ mà Thánh Kinh mô tả lịch sử oanh liệt và dữ dội từ 2000 trước Công nguyên đến năm 70 sau Công nguyên. Đây là thời cổ đại của Israel .

(\*\*) *Egiêria* (tiếng Pháp: *Egéria*) nữ thần La Mã, theo truyền thuyết là cố vấn bí mật của vua Numa trong việc thiết lập các thể chế tôn giáo ở La Mã.

hoặc cả đối với những dân tộc tin rằng những người cầm quyền làm luật được Chúa trời xúc dầu thánh và những hội đồng lập pháp vừa có ý muốn vừa có năng lực để ra những luật pháp tốt nhất có thể được. Nhưng chúng ta biết rằng luật pháp là kết quả của các xung đột đảng phái, các thông đồng giả dối, của sự hám lợi lộc, rằng chúng không là, không bao giờ có thể là nơi ẩn náu của công bằng thực sự, và vì vậy dân chúng ngày nay không thể tin sự tuân thủ các luật dân sự và luật nhà nước có thể luôn thỏa mãn những đòi hỏi dựa trên lí trí của bản tính con người. Con người đã từ lâu hình dung rằng không có ý nghĩa gì trong việc tuân theo một luật mà sự trung thực của nó còn hơn là đáng ngờ, và vì vậy con người phải đau khổ khi phải thích ứng với nó, mặc dầu trong thâm tâm thì phủ nhận sự đặc quyền của luật đó. Khi toàn bộ cuộc sống của một con người bị cầm trong sự cấu thúc của những luật mà nó nhận thấy rõ ràng sự bất công, sự tàn bạo, sự giả tạo, nhưng lại bị bắt buộc phải tuân theo những luật đó, hậu quả trừng phạt làm nó đau khổ nhiều, không thể khác được.

Chúng ta thừa nhận sự bất lợi của hải quan và thuế nhập khẩu, nhưng chúng ta buộc phải trả những khoản ấy; chúng ta thấy sự điên rồ của việc hầu kiện và số lượng nhân viên tòa án đông đúc và chúng ta công nhận ảnh hưởng nguy hại của việc giảng đạo của nhà thờ; nhưng chúng ta vẫn phải chịu đựng cả hai thứ đó; chúng ta cũng thừa nhận những sự trừng phạt tàn bạo và bất công của các

tòa án; nhưng chúng ta vẫn góp phần vào đó; chúng ta nhận ra rằng việc phân phối đất là sai và vô đạo đức, nhưng chúng ta phải cam chịu; và mặc dầu chúng ta bác bỏ sự cần thiết của quân đội và chiến tranh, chúng ta vẫn phải chịu gánh nặng tiếp tế quân đội và chi phí chiến tranh.

Tuy nhiên những mâu thuẫn đó còn là chuyện vặt so với những mâu thuẫn phải đương đầu trong vấn đề các quan hệ đối ngoại của chúng ta, những mâu thuẫn đó đang lớn tiếng đòi giải quyết, trong khi cả lí trí con người lẫn cuộc sống con người đang lâm nguy, và đó là sự đối địch giữa đức tin Thiên Chúa giáo và chiến tranh.

Chúng ta, các quốc gia Thiên Chúa giáo mà đời sống tinh thần là một và giống nhau, chúng ta hoan nghênh sự ra đời của mỗi ý tưởng lành mạnh và có ích một cách vui vẻ và kiêu hãnh từ bất luận góc nào của quả đất nó có thể phun ra, không kể chủng tộc và tín ngưỡng, chúng ta yêu không chỉ những người theo thuyết thương người, những nhà thơ, những nhà triết học, và những nhà khoa học của các nước khác, chúng ta tự hào về chủ nghĩa anh hùng của đức cha Damien<sup>(\*)</sup> cũng mạnh mẽ như của chúng ta, chúng ta yêu người Pháp, người Đức, người Mi và người Anh, không chỉ mến các phẩm chất của họ, nhưng sẵn sàng tiếp xúc với họ trong tình hữu nghị

---

(\*) Damien (*Joseph De Veuster Damien* 1840 - 1889); giáo sĩ truyền giáo người Bỉ. Ở Haoai, nơi ông truyền đạo, ông cống hiến đời mình cho những người bị bệnh phong và chết vì bệnh đó.

thân tình; chúng ta sẽ bị xúc phạm xem chiến tranh với họ là một chiến tích, - khi chúng ta hình dung khả năng trong một ngày tương lai một bất đồng có thể dấy lên giữa chúng ta mà chỉ có thể hòa giải bằng sát hại và một người nào trong chúng ta bị gọi ra đóng góp phần mình vào bi kịch không thể tránh - chúng ta rùng mình với ý nghĩ đó.

Châu Âu ngày nay duy trì hàng ngũ chính tể sẵn sàng chiến đấu nhiều lính hơn so với số lính trên chiến trường trong các cuộc đại chiến thời Napolêông. Mỗi công dân trên lục địa chúng ta, trừ một số ít ngoại lệ, bị bắt buộc sống nhiều năm trong trại lính. Pháo đài, xưởng chế tạo vũ khí đạn dược, tàu chiến được xây dựng; những loại súng được chế tạo ra trong thời gian ngắn được thay thế bằng những loại khác vì khoa học, luôn dành cho sự nâng cao phúc lợi con người, cũng góp phần, - phải hối tiếc thừa nhận - vào sự hủy diệt con người, luôn chế tạo ra những phương tiện giết người mới giết được số đông người hơn trong một thời gian ngắn nhất có thể được.

Trong những sự chuẩn bị kì diệu này để chém giết, và trong việc duy trì một số lượng quân đông đảo này, hàng trăm triệu được tiêu phí hàng năm - số tiền đủ để giáo dục quần chúng, để dùng vào các công trình quan trọng nhất của sự cải thiện công cộng, do đó đóng góp vào một giải pháp hoàn hảo cho các vấn đề xã hội.

Vì vậy, mặc dù có tất cả những thắng lợi khoa học, châu Âu trong phương diện này tự thấy chẳng

tí nào tốt hơn so với lúc nó đang còn ở trong những thời kì dã man nhất ở Trung thế kỉ. Mọi người kêu ca về một tình trạng vừa không chiến tranh vừa không hòa bình, và mong muốn được thoát ra khỏi tình trạng đó. Những người cầm đầu chính phủ khẳng định một cách mạnh mẽ rằng họ muốn hòa bình, và hăm hở ganh đua nhau trong những lời phát biểu hòa bình nhưng hầu như ngay sau đó họ đề nghị với các hội đồng lập pháp những phương sách để tăng sự vũ trang, quả quyết rằng họ tiến hành những phòng ngừa này là để duy trì hòa bình.

Nhưng đó không phải là thứ hòa bình mà chúng ta quan tâm, và các quốc gia không bị đánh lừa. Hòa bình thật lấy sự tin cậy lẫn nhau làm nền tảng, những sự vũ trang khủng khiếp này chứng tỏ nếu không một sự thù địch được tuyên bố, ít nhất cũng một sự ngờ vực ngấm ngấm giữa các quốc gia. Chúng ta nói gì về một người vì muốn tỏ rõ tình thân hữu với người láng giềng, lại mời anh ta mục kích một cảnh cầm súng đã nạp đạn trong khi anh này tháo đạn trước mặt anh ta?

Chính cái mâu thuẫn quái đản này giữa những bảo đảm cho hòa bình và chính sách quân sự của các chính phủ mà những công dân tốt ước mong chấm dứt bằng bất cứ giá nào.

Người ta ngạc nhiên biết rằng ở châu Âu, trừ Thổ Nhĩ Kỳ và Nga mỗi năm có 60000 người tự tử được kể lại, và đó tất cả đều là những trường hợp được chứng minh rõ ràng; nhưng sẽ là rất đáng chú ý hơn nếu số lượng ít hơn. Người nào trong thời đại

ngày nay mà điều tra nghiên cứu sự đối lập giữa các niềm tin và các hoạt động của mình, sẽ tự thấy mình trong một cảnh ngộ tuyệt vọng. Đặt ra một bên nhiều mâu thuẫn khác giữa cuộc sống hiện thời và niềm tin đầy rẫy trong cuộc đời, một con người ngày nay, để nhìn tình hình quân sự ở châu Âu dưới ánh sáng của sự truyền bá Thiên Chúa giáo của nó đủ để làm cho một con người hoài nghi sự tồn tại của lí trí con người, và dẫn nó đến việc thoát khỏi thế giới dã man và điên cuồng bằng cách tự kết liễu cuộc đời của mình.

Hình dung đầy đủ điều đó đủ để đưa một con người đến sự điên cuồng và đến tự sát, và đó chỉ là một dịp quá thông thường, đặc biệt là giữa những người lính.

Một lát suy nghĩ chỉ rõ cho ta tại sao điều đó hình như là một kết luận không thể tránh khỏi.

Nó giải thích cường độ khủng khiếp mà con người chìm đắm vào mọi thứ hoang phí - rượu, thuốc lá, đánh bài, đọc báo, du lịch, mọi cách biểu diễn và thú vui. Họ theo đuổi những tiêu khiển đó với một sự nghiêm chỉnh chết người, làm như đó là những khuynh hướng nghiêm túc như quả thật chúng là như vậy. Nếu con người không có một cái nào trong những thú vui giải trí đó, một nửa họ đã tự sát ngay lập tức, vì để sống một cuộc đời làm bằng mâu thuẫn là đơn thuần không chịu nổi, và đó là cuộc đời mà phần đông chúng ta sống trong những ngày này. Chúng ta đang sống mâu thuẫn trực tiếp với những niềm tin ở tận đáy lòng chúng ta. Cái

mâu thuẫn đó là hiển nhiên, cả trong các quan hệ kinh tế lẫn các quan hệ chính trị. Nó được biểu hiện một cách không sai lầm nhất trong sự trái ngược của việc thừa nhận luật Thiên Chúa giáo của tình thương yêu giữa anh em và chế độ cưỡng bách quân sự, nó buộc con người giữ mình luôn sẵn sàng cướp cuộc sống lẫn nhau - tóm lại buộc mỗi người phải cùng một lúc là một người Thiên Chúa giáo và một đấu sĩ ...

Những cố gắng mà những người có học của các tầng lớp thượng lưu đang bỏ ra để làm im lặng ý thức đang tăng trưởng rằng chế độ sống hiện tại phải được thay đổi, những cố gắng đó đang thường xuyên tăng lên trong khi bản thân cuộc đời tiếp tục phát triển và trở nên phức hợp hơn mà không đổi hướng của nó, vì nó làm tăng sự phi lý và đau khổ của cuộc sống con người, đưa con người đến giới hạn cuối cùng của mâu thuẫn đó. Một ví dụ của giới hạn cuối cùng đó là chế độ cưỡng bức quân sự toàn dân.

Người ta thường giả định rằng, chế độ cưỡng bức quân sự đó cùng với sự vũ trang tăng lên và hậu quả tăng thuế và nợ quốc gia của tất cả các nước là kết quả bất ngờ của một cuộc khủng hoảng nào đó trong các công việc của châu Âu, nó có thể được những sự phối hợp chính trị ngăn ngừa mà không có sự thay đổi của cuộc sống bên trong.

Điều đó hoàn toàn sai. Chế độ cưỡng bức quân sự toàn dân không là gì ngoại trừ một mâu thuẫn bên trong, nó len lỏi vào quan niệm đời sống của

xã hội và trở thành hiển nhiên vì nó đã lên đến những giới hạn cuối cùng vào một thời kì mà con người đã đạt đến một trình độ phát triển vật chất nào đó.

Quan niệm đời sống xã hội chuyển dịch ý nghĩa cuộc đời từ cá nhân sang toàn nhân loại nói chung thông qua sự liên tục không đứt của gia đình, bộ tộc và quốc gia.

Nhưng các xã hội trở thành càng phức hợp, chúng càng trở nên lớn hơn - sự chinh phục chủ yếu góp phần đoàn kết những con người trong các tổ chức xã hội - càng nhiều cá nhân sẽ được thấy đấu tranh để đạt được mục đích của mình qua sự tổn phí của những người bè bạn. Và như vậy, sự cần thiết không chế bằng quyền lực hoặc nói cách khác, bằng bạo lực trở thành ngày càng thường xuyên hơn.

Những người biện hộ cho quan niệm cuộc đời của xã hội thường tìm cách kết hợp ý tưởng quyền uy, nói cách khác, bạo lực với ý tưởng về ảnh hưởng của đạo đức; song một sự kết hợp như vậy là hoàn toàn không thể được.

Kết quả của ảnh hưởng đạo đức đối với một con người là thay đổi những dự vọng của anh ta, sao cho anh ta tự nguyện tuân theo những gì người ta đòi hỏi ở anh ta. Một người chịu ảnh hưởng của đạo đức lấy làm thích thú làm cho hành động của mình phù hợp với các chuẩn mực đạo đức; trái lại, quyền uy, như thông thường người ta hiểu về từ này, là một biện pháp ép buộc qua đó một người bị cưỡng bức hành động trái với những ý muốn của mình.



Một người chịu phục tùng quyền uy không làm như anh ta thích, mà nhượng bộ sự ép buộc. Và nhằm buộc một người làm một việc gì mà anh ta ác cảm, phải sử dụng sự đe dọa của bạo lực về thể xác hoặc bản thân bạo lực; anh ta có thể bị tước mất tự do, bị đánh đập, bị làm cho tàn tật hoặc anh ta có thể bị đe dọa bằng những hình phạt đó. Và đó là cái tạo thành quyền lực trong quá khứ cũng như hiện nay.

Mặc dầu người cai trị có những cố gắng không ngừng để che giấu những sự việc đó và dành cho quyền uy một ý nghĩa khác, nó chỉ đơn giản là dây thừng và sợi xích để trói buộc và kéo lê, cái roi để đánh đập, cái dao hoặc cái búa để bổ vào tay, chân, mũi, tai và đầu. Quyền uy là sự đe dọa hoặc sự gây ra những hành vi đó. Nó được thực hiện vào thời của Nêrông<sup>(\*)</sup> và Giengis Khan<sup>(\*\*)</sup>, và đang còn đầy sức mạnh ngay ở những chính phủ tự do nhất, như

---

(\*) *Nêrông* (tiếng Pháp *Néron*) Hoàng đế La Mã (54-68). Sinh năm 37 và mất năm 68 sau Công nguyên, con của Domining và Agripine. Mặc dù có những bi kịch trong hoàng cung (sát hại Bretanicus và Agripine), những năm đầu trị vì vẫn đầy hứa hẹn. Nhưng sau cái chết của Burrus và sự thất sủng của Senéque (triết gia viết bi kịch, thầy học của Nêrông), Nêrông thực hiện một sự chuyên chế điên cuồng đẫm máu điển hình cho thời cổ đại.

(\*\*) *Giengis Khan* (từ Hán Việt: Thành cát Tư Hãn) sáng lập đế quốc Mông Cổ, được công nhận là khan tối cao, nổi tiếng vì tài thao lược, đánh chiếm những vùng rộng lớn châu Âu, châu Á (Trung Quốc, Iran, Apganistan, Việt Nam v.v...) Thất bại ở Việt Nam trong cả ba lần xâm lược.

các nước cộng hòa Pháp và Mĩ. Nếu người ta phục tùng quyền uy, đó là vì sợ rằng nếu chống đối sẽ phải chịu bao lực. Tất cả những trưng dụng của Nhà nước như nộp thuế, thi hành công vụ, sự quy phục những hình phạt như đi đày, chịu tiền phạt v.v.. mà con người tưởng như tự nguyện nhượng bộ; bao giờ cũng được tăng cường bằng sự đe dọa hoặc sự thi hành trong thực tại những hình phạt thể xác.

Bao lực thể xác là cơ sở của quyền uy.

Chính tổ chức quân sự làm cho việc bắt chịu bao lực thể xác là có thể thực hiện được; cái tổ chức trong đó toàn bộ lực lượng vũ trang hành động như một người, tuân thủ một ý chí duy nhất tạo thành cái gọi là một đạo quân. Quân đội đã luôn là và vẫn là cơ sở của quyền uy, được trao cho những tướng chỉ huy; và sự quan tâm choán nhiều thì giờ nhất của mỗi ông vua, từ các Hoàng đế La Mã đến các hoàng đế Nga và Đức luôn luôn là nâng đỡ và tăng tốc quân đội vì họ nghĩ rằng khi quân đội đứng về phía họ thì quyền lực cũng nằm trong tay họ.

Chính sự rèn luyện và sự tăng thêm quân đội mà việc duy trì quyền lực đòi hỏi đã mang vào trong quan điểm đời sống của xã hội một yếu tố tan rã.

Vì sức mạnh của nó tăng lên cùng với sự tăng lên của độ dài thời gian, quyền lực của nhà nước, tuy nó có thể trừ tiết bao lực bên trong, đưa vào đời sống những hình thức bao lực mới khác, luôn tăng thêm về cường độ. Và mặc dầu bao lực của quyền lực nhà nước kém nổi bật hơn quyền lực của

những thành viên cá nhân của xã hội đối lập nhau, biểu hiện chính của nó không phải là sự xung đột mà là sự áp bức, không có cái nào kém nhất mà đều ở trình độ cao nhất.

Không thể nào khác được; bởi vì không những sở hữu quyền lực làm hỏng con người, hoặc do có ý thức hoặc vô ý thức những người cai trị luôn tìm cách hạ những người phụ thuộc mình tới mức yếu đuối nhất - vì thuộc hạ càng yếu thì càng đòi hỏi ít nỗ lực để thuần phục nó.

Vì vậy bạo lực dùng để chống lại những người bị áp bức được đẩy đến giới hạn cuối cùng, đúng là lúc chặn đứng việc giết con gà mái để trứng vàng. Nhưng nếu con gà ngừng đẻ trứng, như người da đỏ Mi, người ở đảo Figi<sup>(\*)</sup> hoặc người da đen, lúc đó con gà sẽ bị giết, mặc cho những phản đối chân thật đối với những thủ tục đó của những người theo thuyết thương người.

Chúng cứ có sức thuyết phục nhất của khẳng định đó, lúc này, là hoàn cảnh của những người lao động mà sự thực đơn thuần là những kẻ bị thất bại.

Bất chấp tất cả những cố gắng giả dối của tầng lớp thượng lưu để làm nhẹ hoàn cảnh của họ, tất cả những người lao động trên thế giới bị khuất phục dưới một quy tắc sắt không thay đổi, nó đề ra là họ hầu có vừa đủ để sống, nhằm những nhu cầu

---

(\*) Figi (tiếng Pháp *Fidgi*) quốc gia Ôxêani, quần đảo gồm những đảo chính Viti Levuy và Vanua Levay, 18000km, 700000 dân. Nói tiếng Anh. Độc lập từ năm 1970.

của họ thúc đẩy họ đến những công việc cực nhọc liên tục, mà kết quả là do các người chủ của họ, những người chiếm lĩnh họ hưởng.

Đã luôn có trường hợp là sau một sự kế tiếp lâu dài và một sự tăng trưởng quyền lực những quyền lợi dồn về phía những người đã chịu hàng phục quyền lực, đã tàn lụi dần trong khi những thiệt hại được nhân lên.

Cho đến khi cuối cùng họ không biết đến sự thật và đối với phần lớn, đã gây thơ tin rằng các chính phủ được thiết lập vì lợi ích của họ, để ngăn chặn khỏi bị hủy hoại, và để cho phép ý tưởng rằng con người có thể sống không chính phủ - một tư tưởng báng bố không thể tưởng tượng được - trở thành học thuyết của sự vô chính phủ, với tất cả những điều khủng khiếp kèm theo.

Người ta tin như tin một điều đã được hoàn toàn chứng minh đến mức không cần có bằng chứng thêm nữa rằng vì tất cả các quốc gia cho đến nay phát triển dưới hình thức nhà nước, thì điều đó phải được còn lại như là điều kiện cần thiết cho sự phát triển của nhân loại mãi mãi.

Và như vậy đã trải qua hàng trăm năm nay, không, hàng ngàn năm và các chính phủ, tức là những người đại diện của chính phủ đã nỗ lực và còn tiếp tục nỗ lực, để duy trì sự lừa bịp đó trong dân chúng.

Trong thời kì của các hoàng đế La Mã thế nào thì ngày nay cũng như thế. Mặc dù ý tưởng về sự vô bố, và thậm chí về sự có hại, của quyền lực ngày càng đi sâu vào trong ý thức của con người, nó có thể kéo

dài mãi mãi, nếu các chính phủ không nghĩ là cần thiết tăng quân đội để bảo vệ quyền lực của mình.

Đó là một niềm tin phổ biến rằng các chính phủ tăng quân đội như là một biện pháp phòng thủ chống lại các nước khác, quên rằng quân đội chủ yếu cần cho các chính phủ để che chở họ chống lại những người dân của họ đã bị nô lệ hóa.

Điều đó luôn đã là cần thiết và càng tăng sự cần thiết lên với sự truyền bá của giáo dục, sự tăng cường gặp gỡ giữa các dân tộc khác nhau, và cho đến ngày nay, với cái nhìn của người cộng sản, người xã hội, người vô chính phủ và các phong trào lao động, nó là một sự cần thiết cấp bách hơn bao giờ hết. Các chính phủ hoàn thành sự thật đó và tăng biện pháp phòng thủ chính của họ - quân đội chính quy.

Nếu một người lao động không có đất, nếu anh ta không được hưởng cái quyền tự nhiên mà mỗi người có là rút ra từ đất cái phương tiện sinh tồn cho bản thân và cho gia đình, điều đó không phải vì dân chúng chống lại mà vì quyền ban phát và rút lui quyền lợi đó đối với người lao động được trao cho một số cá nhân nào đó - tên gọi là các chúa đất. Và cái trật tự không tự nhiên đó của sự vật được duy trì bởi các đoàn quân. Nếu của cải to lớn người lao động kiếm được và để dành được không được coi là tài sản chung mà như là một cái gì chỉ số ít được chọn lựa hưởng; nếu những người nào đó được dành sức mạnh để thu thuế đánh vào lao động và quyền sử dụng số tiền đó vào bất cứ mục đích

gì họ nghĩ là cần thiết, nếu các cuộc đình công của người lao động bị đàn áp và các tư-rót của những nhà tư bản được khuyến khích, nếu một số người nào đó được phép lựa chọn trong vấn đề giáo dục tôn giáo và dân sự và trong việc học tập của con cái; nếu với một số người khác được giao quyền cấu tạo các luật mà mọi người phải tuân theo, và nếu họ được hưởng sự kiểm soát của đời sống con người và tài sản - tất cả những cái đó không phải vì dân chúng mong muốn thế hoặc vì những cái đó đến theo tiến trình của tự nhiên, mà vì các chính phủ muốn thế vì quyền lợi riêng của họ và quyền lợi của các giai cấp cầm quyền, và tất cả đều được hoàn thành bằng biện pháp bạo lực thể xác.

Nếu người nào chưa biết điều đó, người ấy sẽ tìm ra nó mỗi khi mưu toan thay đổi trật tự sự vật hiện tại.

Và vì vậy tất cả các chính phủ và các giai cấp cầm quyền cần quân đội trên tất cả mọi thứ, nhằm giữ vững một chế độ sống mà chế độ đó còn lâu mới phát triển do nhu cầu của dân chúng, lại thường tổn hại cho họ và chỉ có lợi cho chính phủ và các giai cấp cầm quyền.

Mọi chính phủ đều cần phải có đội quân để tăng cường sự vâng lời, nhờ đó mà nó có thể kiếm lợi bằng lao động của người dân. Nhưng không chính phủ nào tồn tại đơn độc. Cạnh nó có chính phủ của nước liền kề cũng đang lợi dụng sự lao động tăng cường của dân nước đó; và luôn sẵn sàng tấn công nước láng giềng và chiếm lấy tài sản mà con dân

nước này do lao động của mình mà làm ra. Do đó mỗi chính phủ cần một quân đội, không phải để đối nội mà để giữ gìn của cướp bóc được chống lại sự cướp bóc của nước ngoài. Như vậy mỗi chính phủ tự thấy bắt buộc mình phải vượt qua nước láng giềng trong việc tăng quân đội và như Môngteskiơ<sup>(\*)</sup> nói cách đây một trăm năm mươi năm: sự bành trướng quân đội là một sự truyền nhiễm thực sự.

Một nhà nước tăng quân số nhằm làm cho dân kính nể; nước láng giềng lo âu và ngay lập tức theo gương.

Các đội quân đã đạt tới hàng triệu, số lượng đó đạt tới không những do sự ngoại xâm, sự tăng đó trước hết là do nhu cầu đánh đổ mọi âm mưu nổi loạn của dân chúng. Các nguyên nhân bành trướng quân đội là đồng sinh, cái này phụ thuộc cái kia; quân đội cần để chống âm mưu bạo loạn bên trong, đồng thời để phòng thủ với bên ngoài. Cái này phụ thuộc cái kia. Chế độ chuyên chế của các chính phủ tăng lên tỉ lệ chính xác với sự tăng lên của sức mạnh chúng và cái thành công đối nội, còn sự ngoại xâm của chúng tăng cùng với sự tăng lên của chế độ chuyên chế bên trong.

---

(\*) *Môngteskiơ (Montesquieu) 1689 - 1755 tác giả của Những lá thư Ba Tư (1721), Xem xét sự vĩ đại và sự suy thoái của người Rômanh (1734), Tinh thần của luật pháp (1748).* Tác phẩm cuối cùng này gợi ý cho Hiến pháp 1791 và là nguồn gốc của những học thuyết lập hiến tự do dựa trên thuyết tam quyền phân lập.

Cưỡng bức quân sự toàn dân là bước cuối cùng trong quá trình ép buộc mà cái chính phủ cần có để giữ vững toàn bộ cơ cấu. Đối với dân chúng, đó là giới hạn cuối cùng của sự thuần phục. Đó là hòn đá tảng của cái vòm chống đỡ các bức tường, mà nếu lấy nó đi thì cả công trình sẽ sụp đổ. Đã đến lúc mà những lạm dụng lớn dần lên của các chính phủ và những cuộc giao tranh lẫn nhau đòi hỏi ở tất cả các người dân không chỉ những hi sinh vật chất mà cả những hi sinh về tinh thần, cho đến khi mỗi người ngừng lại và tự hỏi: Tôi có thể làm những hi sinh này không? Và vì lợi ích của ai tôi làm những hi sinh đó? Những hi sinh đó được đòi hỏi với danh nghĩa của nhà nước. Với danh nghĩa của nhà nước, tôi được yêu cầu từ bỏ những gì làm cho cuộc đời thân thiết với con người - hòa bình, gia đình, sự an bình, và danh dự cá nhân. Thế cái nhà nước ấy là cái gì mà vì nó những hi sinh kinh khủng như thế được đòi hỏi? Và vì lợi ích gì?

Chúng ta được báo nhà nước là cần thiết, điểm thứ nhất là vì không có nó không một ai được an toàn với sự tàn bạo và những tấn công của kẻ xấu; điểm thứ hai, vì không có nhà nước chúng ta sẽ như người dã man, không có tôn giáo, đạo đức, giáo dục, thương mại, phương tiện giao thông, cũng không có bất cứ một thiết chế xã hội nào khác; và điểm thứ ba, vì không có nhà nước chúng ta sẽ là đối tượng xâm lược của các quốc gia láng giềng.

Chúng ta được báo rằng: "Nếu không ủng hộ nhà nước, chúng ta sẽ phải chọn bạo lực và sự tấn công



của những người xấu ở ngay trên đất nước chúng ta”.

Nhưng ai là những kẻ xấu mà chính phủ và quân đội cứu ta ra khỏi bạo lực và những tấn công của chúng? Nếu những người như thế tồn tại cách đây ba bốn thế kỉ, khi con người tự hào về kĩ xảo quân sự và sức mạnh vũ khí của mình, khi con người chứng tỏ giá trị của mình bằng cách giết hại người bạn của mình, bây giờ chúng ta không tìm thấy những người như thế nữa: con người thời đại chúng ta không dùng và không mang vũ khí và tin ở các nguyên tắc nhân đạo và xót thương đối với những người láng giềng, họ cũng mong muốn hòa bình và cuộc sống yên ổn như bản thân chúng ta. Do vậy, tầng lớp đặc biệt những người kẻ cướp mà nhà nước phải bảo vệ chúng ta chống lại họ, không còn tồn tại nữa.

Ngày nay người ta có thể nói hoàn toàn ngược lại về hoạt động của các chính phủ với những phương pháp cổ lỗ và nhẫn tâm, với những thuyền gale<sup>(\*)</sup>, những nhà tù, những giá treo cổ và máy chém, rất xa dưới cái mặt bằng chung của đạo đức, có xu hướng đúng hơn là hạ thấp chứ không phải nâng cao chuẩn mực đạo đức và vì vậy đúng hơn là tăng thêm chứ không phải giảm bớt số các tội phạm.

Người ta nói rằng: “Không có xã hội sẽ không có các thiết chế giáo dục, đạo đức, tôn giáo và quốc

---

(\*)Gale (tiếng Pháp: galère): là thuyền quân sự hoặc thương mại được dùng từ thời cổ đại đến thế kỉ XVIII. Những tội phạm bị kết án khổ sai thường phải chèo thuyền gale.

tế, sẽ không có phương tiện giao tiếp nào. Nếu không do nhà nước, chúng ta sẽ không có những tổ chức cần thiết cho tất cả chúng ta”.

Một luận cứ như thế chỉ có thể có một cơ sở nhiều thế kỉ trước đây. Nếu đã có một thời con người có ít sự giao tiếp quốc tế và không dùng những cuộc gặp gỡ và trao đổi ý nghĩ đến mức họ không thể đi đến một sự đồng ý về vấn đề quyền lợi chung - thương mại, công nghiệp hoặc kinh tế - nếu không có sự giúp đỡ của nhà nước, thì ngày nay tình hình không còn như thế nữa. Những phương tiện giao tiếp và giao lưu tư tưởng được truyền bá rộng rãi đã hoàn thành kết quả này - là khi một con người hiện đại muốn lập những hội, những hội đồng, những liên đoàn, những đại hội, những thiết chế khoa học, kinh tế hoặc chính trị, không những có thể không cần đến sự giúp đỡ của chính phủ, mà trong phần lớn các trường hợp, các nhà nước là một cản trở hơn là một sự ủng hộ những theo đuổi các đối tượng như vậy.

Từ cuối thế kỉ trước, hầu như mỗi phong trào tiến bộ về phía nhân loại đều bị các chính phủ không những làm cho ngã lòng mà còn ngăn trở. Đó là trường hợp của việc loại bỏ hình phạt thể xác, sự tra tấn, và cảnh nô lệ, của việc thiết lập tự do báo chí và tự do hội họp. Hơn nữa, các quyền lực nhà nước và chính phủ ngày nay không những không cộng tác, mà trực tiếp gây trở ngại cho các hoạt động xây dựng những lối sống mới của con người. Những giải pháp về lao động và về đất đai, về các

vấn đề chính trị và tôn giáo không những không được khuyến khích mà còn bị quyền lực của chính phủ rõ rệt chống lại.

“Nếu không có nhà nước và chính phủ, các quốc gia sẽ bị các láng giềng của họ chinh phục”.

Thật không bỏ công trả lời cho luận cứ ấy. Nó sẽ tự nó bác bỏ.

Người ta nói với chúng ta rằng chính phủ và quân đội là cần thiết cho sự bảo vệ chúng ta chống lại các nhà nước láng giềng có thể chinh phục chúng ta. Nhưng tất cả các chính phủ đều nói với nhau về điều đó, và chúng ta biết rằng mỗi quốc gia châu Âu chủ trương những nguyên tắc như nhau về tự do và bác ái, và vì vậy không cần sự phòng thủ chống lại các láng giềng của nó.

Nhưng nếu người ta nói về phòng thủ chống lại những kẻ dã man thì một phần trăm số quân được vũ trang là đủ trong lúc này. Chính là không những việc tăng lực lượng vũ trang không thành công trong việc bảo vệ chúng ta chống lại sự tấn công của các láng giềng mà thực sự gây ra chính sự tấn công đó mà nó gièm pha.

Do đó không người nào khi suy nghĩ về ý nghĩa của nhà nước mà vì nó anh ta bắt buộc phải hy sinh hòa bình, sự bằng an và cuộc sống của mình, lại có thể thoát khỏi niềm tin rằng không còn có một cơ sở hợp lý nào cho những hi sinh như vậy...

Các nước Thiên-Chúa giáo của thời nay ở trong một tình thế không kém phần tàn nhẫn hơn là ở các thời tà giáo. Về nhiều phương diện, đặc biệt về

vấn đề áp bức, tình hình của họ trở nên tồi tệ hơn. Thời trước, mặt bên ngoài của sự tàn nhẫn và sự nô dịch ăn khớp với ý thức bên trong của con người; thời sau điều kiện bên ngoài của sự tàn nhẫn và nô dịch mâu thuẫn hoàn toàn với ý thức Thiên Chúa giáo của con người, một sự mâu thuẫn càng ngày càng trở nên nổi bật hơn từng năm.

Nghèo cực và đau khổ từ đấy mà ra dường như quá vô ích. Nó giống như sự đau khổ kéo dài trong lao động trẻ em. Mọi cái đều sẵn sàng cho cuộc đời đang đến, nhưng không cuộc đời nào xuất hiện cả.

Rõ ràng tình thế là không lối thoát. Quả thật nó sẽ là như vậy, nếu nó không là như vậy cho con người và do đó cho thế giới, có một trình độ đã được hạ cố cho một quan niệm cao thượng hơn về cuộc đời, nó có sức mạnh giải thoát, và ngay tức khắc, khỏi mọi gông cùm, tuy đã trát lại một cách kiên cố.

Và đó là quan niệm cuộc đời mà đạo Thiên Chúa giới thiệu cho con người 1800 năm về trước. Một người chỉ việc hiểu cuộc đời của mình như đạo Thiên Chúa dạy hiểu; đó là nó phải hình dung cuộc đời không thuộc về bản thân mình, cũng không thuộc về gia đình, không thuộc về nhà nước mà thuộc Đấng thiêng liêng đã gửi mình xuống trần gian. Vì vậy nó phải biết nó có bốn phận sống không phải phù hợp với quy tắc của bản thân nhân cách nó, với luật lệ của gia đình và của nhà nước, mà phải thực hiện luật vô thường của Đấng đã cho nó cuộc sống, để tự thấy mình hoàn toàn thoát khỏi mọi quyền uy của con người mà nó không còn coi là một

trở ngại có thể có.

Một người chỉ cần hình dung mục đích cuộc đời mình là để thực hiện luật của Đức Chúa trời; lúc đó sự ưu việt của luật ấy đòi hỏi sự trung thành hoàn toàn, tất yếu sẽ làm mất hiệu lực quyền uy và những hạn chế của mọi luật do con người đặt ra.

Người Thiên Chúa giáo chiếm ngưỡng cái luật đó của tình yêu, cắm sâu vào tâm hồn mỗi con người và được Crixl làm tươi mới lại, cái dất dấn duy nhất cho toàn nhân loại, người đó được giải thoát khỏi mọi quyền lực của con người.

Một người Thiên Chúa giáo có thể đau khổ vì bạo lực bên ngoài, có thể bị cướp đi sự tự do cá nhân của mình, có thể là một tên nô lệ của cái đam mê của mình - người phạm tội là nô lệ của tội - nhưng nó không thể bị kiểm soát hoặc ép buộc bởi sự đe dọa phạm một hành vi trái với ý thức mình. Nó không thể bị bắt buộc làm điều đó bởi vì sự thiếu thốn và cái đau khổ dần có một ảnh hưởng rất mạnh mẽ đối với những người theo quan điểm sống của xã hội không tạo ra kết quả nào đối với nó. Những thiếu thốn và đau khổ hủy hoại phúc lợi vật chất là đối tượng của những người theo quan điểm sống của xã hội không tạo ra hiệu quả nào đối với phúc lợi của đời sống người Thiên Chúa giáo dựa trên ý thức rằng nó đang thực hiện ý muốn của Chúa - không, những thiếu thốn và đau khổ đó càng có thể dùng để nâng cao cái phúc lợi đó khi chúng được đưa ra để trừng phạt nó vì đã thực hiện ý muốn của mình.

Vì vậy một người Thiên Chúa giáo phục tùng luật bên trong, luật của Chúa không những không thể thi hành những mệnh lệnh của luật bên ngoài khi chúng khác biệt với ý thức về luật tình yêu của Chúa, như ở trường hợp của những yêu cầu mà chính phủ đề ra cho nó; nhưng nó không thể thừa nhận sự bắt buộc vâng lời bất cứ cá nhân nào, không thể thừa nhận bản thân mình như là cái được gọi là thần dân (người chịu thuần phục). Đối với người Thiên Chúa giáo, hứa hẹn thuần phục một chính phủ bất cứ chính phủ nào - một sự thuần phục có thể được coi là nền tảng của đời sống nhà nước - là một sự phũ phàng Thiên Chúa giáo trực tiếp; bởi vì một cá nhân hứa hẹn trước sẽ vâng lời ngấm mỗi luật mà con người có thể đặt ra, bằng sự hứa hẹn đó đã đưa ra một lời phỉ báng mạnh mẽ đạo Thiên chúa, mà bản chất chính là sự vâng lời trong mọi hoàn cảnh bất ngờ cái luật mà nó cảm nhận ở bên trong nó - cái luật của tình yêu...

Địa vị của thế giới Thiên Chúa giáo với các pháo đài, đại bác, chất nổ, súng ống, ngư lôi, nhà tù, giá treo cổ, nhà thờ, nhà máy, hải quan và lâu đài quái dị. Nhưng cả pháo đài lẫn đại bác, súng ống tự chúng không thể làm nên chiến tranh, các nhà tù cũng không thể tự khóa các cổng, các giá treo cổ tự treo, các nhà thờ không thể tự mình dắt dẫn những người lầm đường lạc lối, hải quan không tự đòi các khoản nợ, lâu đài và nhà máy không thể tự chúng xây dựng và chống đỡ; tất cả những hoạt động đó đều do con người thực hiện. Và khi con người hiểu

ra rằng họ không cần làm những cái đó thì những cái đó sẽ thôi không tồn tại nữa.

Và con người đã bắt đầu hiểu điều đó. Nếu chưa được mọi người hiểu, nó đã được những người mà phần còn lại của thế giới cuối cùng tuân theo. Và không thể ngừng hiểu điều một lần đã hiểu; và quần chúng không những có thể không tránh khỏi phải theo tới nơi những người đã hiểu dẫn đường.

Từ đó có lời tiên tri: sẽ đến một thời mà tất cả mọi người sẽ lắng nghe lời của Chúa, sẽ quên nghệ thuật chiến tranh, sẽ nấu chảy các thanh kiếm của họ thành lưỡi cày và những cái giáo thành lưỡi hái - điều đó, nếu được dịch ra, có nghĩa là khi các nhà tù, các pháo đài, các trại lính, các nhà thờ sẽ trống trơn không người, máy chém và đại bác thành vô dụng. Điều đó không còn thuần túy là điều không tưởng, mà là một hệ thống mới và rõ ràng của đời sống mà nhân loại sẽ tiến tới đó với một tốc độ ngày càng nhanh.

Nhưng bao giờ nó sẽ đến?

Mười tám trăm năm trước đây, trả lời câu hỏi đó, Cixt nói rằng sự kết thúc của thế giới hiện nay - tức là hệ thống tà đạo - sẽ đến khi mà sự nghèo cực của con người tăng lên tới giới hạn cuối cùng và khi, đồng thời những tin vui về vương quốc của Thượng đế - tức là về khả năng của một hệ thống mới không dựa trên bạo lực - sẽ được tuyên bố khắp nơi trên trái đất. "Nhưng về ngày giờ đó, không người nào biết, các thiên thần trên trời cũng không biết, chỉ có Cha tôi biết". Cixt nói: "Vây

phải canh chừng vì người không biết Chúa sẽ đến vào lúc nào”.

Khi nào giờ khắc đó sẽ đến? Crix nói rằng chúng ta không thể biết. Và vì lí do đó, chúng ta phải giữ mình sẵn sàng để đón nó.

Không thể có câu trả lời nào khác. Ngày và giờ vương quốc của Chúa đến, con người không thể biết, bởi vì giờ khắc đó đến vào lúc nào chỉ phụ thuộc ở bản thân con người.

Câu trả lời giống câu của một con người khôn ngoan khi người du khách hỏi còn cách thành phố bao xa, trả lời: “Hãy tiếp tục!”.

Làm sao chúng ta biết còn xa mục tiêu mà nhân loại hướng tới hay không, khi chúng ta không biết cách thế nào vận động tới đó, rằng nó vận động vững chãi về phía trước hay ngưng lại, nó sẽ tăng tốc độ hay chậm bước lại đều tùy thuộc vào nhân loại.

Tất cả những gì chúng ta có thể biết là chúng ta tạo thành nhân loại. Có làm hay không làm nhằm mang lại vương quốc của Chúa. Và điều đó tất cả chúng ta đều biết vì mỗi người chỉ cần bắt đầu làm bốn phận của mình, mỗi người chỉ cần sống phù hợp với ánh sáng bên trong của mình, để đem lại sự đến tức khắc của vương quốc đã hứa hẹn, mà trái tim của mỗi người mong mỏi...



## TRIẾT HỌC LỊCH SỬ CỦA TÔN XTÔI(\*)

Vào khoảng cuối năm 1811 bắt đầu một cuộc động viên và một cuộc tập trung lực lượng ở Tây Âu; và năm 1812, những lực lượng ấy - hàng triệu người, kể cả những người làm việc vận tải và nuôi quân - được vận động từ Tây sang Đông hướng vào biên giới của nước Nga, ở đó lực lượng quân Nga đã chinh tề đội ngũ như nó đã là thế năm trước.

Ngày hai mươi tư tháng sáu, lực lượng Tây Âu vượt biên giới Nga và chiến tranh bắt đầu, nói cách khác, một sự cố xảy ra trái với lí trí và bản tính con người.

Hàng triệu con người sát phạt lẫn nhau: vô số tội ác, trò gian dối, sự lừa gạt, trộm cướp, sự giả mạo, việc phát hành tín phiếu giả, việc làm hư đồi, những đám cháy, những sự giết người, đến nỗi các biên niên sử của tất cả các triều đại trên toàn thế giới, của các thế kỉ tụ tập lại, cũng không thể bằng được; thế mà vào thời kì đó, những thủ phạm thậm chí không coi là tội ác.

---

(\*) Từ Chiến tranh và hòa bình.

Cái gì gây ra sự cố đặc biệt này?

Nguyên nhân của nó là gì?

Các nhà sử học với một sự cả tin ngây thơ, nói rằng các nguyên nhân của sự cố phải tìm ở sự xúc phạm dành cho công tước Ôndenbua<sup>(\*)</sup> trong sự coi thường "Hệ thống lục địa", trong sự tham lam của Napôlêông, trong sự kiên quyết của Alexandr<sup>(\*\*)</sup>, trong sai lầm của các nhà ngoại giao và v.. v...

Dĩ nhiên trong trường hợp này, để ngăn chặn chiến tranh chỉ cần đơn giản bắt Metternich<sup>(\*\*\*)</sup>, Rumiansor<sup>(\*\*\*\*)</sup> hoặc Talêyrăng<sup>(\*\*\*\*\*)</sup> giữa một cuộc chiêu đãi và một cuộc hội họp lớn, có một chút cố gắng và khéo léo viết một văn bản nhà nước hoặc Napôlêông viết thư cho Alêxandr: Thưa ngài, ông anh của tôi, tôi đồng ý trả lại khoản đất công tước

---

(\*) Đất đại công tước thuộc lãnh thổ Đức bị Napôlêông chiếm vào năm 1808. Vì đại công tước cuối cùng thoái vị năm 1819.

(\*\*) *Alexandra* (Alexandr) (1777-1825). Hoàng đế Nga 1801-1825, tham gia liên minh thứ ba chống Napôlêông Đệ nhất, sau đó kí với Áo các Hiệp ước Tilsit (1807), Erfurt (1808). Sau thắng lợi chống quân Napôlêông xâm lược (1812) ông tham gia vào công việc giải phóng châu Âu.

(\*\*\*) *Metternich* (1773-1853) chính khách Áo Đại sứ ở Pari rồi bộ trưởng bộ ngoại giao.

(\*\*\*\*) *Rumiansor* là đại sứ Nga thời hoàng đế Alêxandr I.

(\*\*\*\*\*): Talêyrăng (Talleyrand) chính khách Pháp. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao dưới thời chấp chính, thời ban tổng tài và dưới chế độ Napôlêông. Đây là ba nhà ngoại giao có ảnh hưởng đến chính trường châu Âu đầu thế kỉ XIX.

cho công tước Ôđենbua<sup>(\*)</sup>

Dễ dàng hiểu được rằng vấn đề hiện ra dưới ánh sáng đó đối với những người thời bấy giờ. Dễ dàng hiểu được rằng Napôlêông gán nguyên nhân chiến tranh cho những thủ đoạn của nước Anh (quả là ông đã nói như vậy trên đảo Xanh Hêlen<sup>(\*\*)</sup>). Dễ dàng hiểu rằng các nghị sĩ quốc hội Anh gán nguyên nhân chiến tranh cho sự tham lam của Napôlêông, rằng hoàng tử Ôđենbua coi chiến tranh xảy ra do sự lảng mạ mà ông phải chịu, rằng các thương nhân coi hệ thống lục địa đang tàn phá châu Âu phải chịu trách nhiệm, những cựu chiến binh già và các tướng lĩnh thấy nguyên nhân chính của chiến tranh là tìm cho họ những việc để làm. Những người theo chủ nghĩa chính thống thời ấy do nhu cầu đề cao các nguyên tắc lành mạnh; và các nhà ngoại giao do sự việc Nga liên minh với Áo năm 1809 đã không khéo léo đủ để đừng cho Napôlêông biết và bị vong lục số 178 diễn đạt vụng về.

Dễ hiểu rằng những lí do đó và vô số những lí do khác - mà sự đa dạng là tỉ lệ thuận với sự đa dạng vô hạn về quan điểm - làm hài lòng những người sống thời đó. Nhưng đối với chúng ta, người hậu thế được chuyển ra xa đủ để ngắm nhìn tầm to

---

(\*) Bằng tiếng Pháp trong nguyên tác: *"Monsieur, mon frere, je consens à rendre le duché au duc d'Oldenburg"*

(\*\*) Xanh Hêlen (tiếng Pháp Saint Hélène): thủ phủ một đảo Ănglô Normăng lớn nhất (116km<sup>2</sup>) và đông dân nhất. Napôlêông bị đày lần đầu ra đảo này.

lớn của một sự kiện từ một phối cảnh rộng rãi hơn và thăm dò ý nghĩa đơn giản và dữ dội của nó, những nguyên nhân như trên tỏ ra không đủ. Chúng ta không thể hiểu nổi tại sao hàng triệu người Thiên Chúa giáo chém giết và hành hạ nhau vì Napolêông tham lam, Alêcxanđơ kiên quyết, chính sách của nước Anh thủ đoạn, và công tước Ôđենbua bị xúc phạm. Không thể hiểu mối liên hệ gì những hoàn cảnh đó có với bản thân sự chém giết và bạo lực: tại sao do hậu quả của sự xúc phạm đối với một công tước, hàng triệu người ở đầu mút kia của châu Âu lại đi chém giết và cướp bóc dân chúng của các chính phủ Xmôlenxơ<sup>(\*)</sup> và Matxcơva, và họ bị sát hại.

Đối với chúng ta, hậu thế, chúng ta không phải là nhà sử học, và không bị lôi cuốn bởi những quá trình lập luận gượng gạo và là những người có thể vì vậy ngấm nhìn hiện tượng với cái nhìn sáng sủa và lạnh mạnh, các nguyên nhân do thế dấy lên trước mắt chúng ta thành một số lượng không thể tính được. Chúng ta càng đào sâu vào nguyên nhân thì chúng hiện ra trước mắt chúng ta càng nhiều; và mỗi nguyên nhân được xem xét riêng lẻ, hoặc toàn bộ một loạt nguyên nhân, hiện ra có hiệu lực như nhau trong bản chất riêng của nó và cũng giả dối như nhau bởi sự vô nghĩa hoàn toàn của nó so với sự kì diệu của các sự kiện; và cùng giả dối như

---

(\*) Xmôlenxơ: thành phố Nga trên sông Đniep, 380000 dân, trung tâm công nghiệp. Năm 1812, đã xảy ra trận đánh giữa quân Napolêông và quân Nga.

thau bởi sự bất lực của nó, không có sự hợp tác của các nguyên nhân khác kết hợp lại để gây ra những sự cố đang được bàn tới.

Một nguyên nhân như sự từ chối của Napôlêông rút quân về bên này sông Vistula<sup>(\*)</sup> và khôi phục đất công tước Ôđենbua có nhiều trọng lượng trong sự xem xét này như sự bằng lòng hay không bằng lòng của một hạ sĩ Pháp đơn thuần tham gia vào chiến dịch thứ hai, bởi vì nếu anh ta từ chối, và người thứ hai, người thứ ba, và một ngàn hạ sĩ và lính cũng từ chối như vậy, quân đội của Napôlêông sẽ bị thu hẹp lại một cách đáng kể, tới mức chiến tranh không thể xảy ra.

Nếu Napôlêông không bị xúc phạm do yêu cầu rút quân về bên kia sông Vistula, và không phát lệnh cho quân đội xuất chiến, sẽ không có chiến tranh; nhưng nếu tất cả các thượng sĩ từ chối đi vào hoạt động, càng sẽ không có chiến tranh. Và cũng sẽ không có chiến tranh nếu không có những thủ đoạn của nước Anh và không có Hoàng tử Ôđենbua, và nếu Alêxanđơ không cảm thấy bị sỉ nhục và nếu không có chế độ chuyên quyền ở Nga; và nếu không có cách mạng Pháp và chế độ độc tài và để chế tiếp theo sau nó; và không gì cả dẫn đến cách mạng và v.v...

---

(\*) Vistula (tiếng Pháp Vistule), sông chính của nước Ba Lan, bắt nguồn từ dãy Cácpát, chảy qua Cracovie và Varsova và đổ ra biển Ban Tích. Năm 1812, Napôlêông tập trung một đội quân lớn trên bờ Tây sông này và chuẩn bị đại chiến dịch tấn công nước Nga.

Bất cứ một cái nào trong số các nguyên nhân đó thiếu đi, chiến tranh không thể xảy ra. Bởi thế, tất cả chúng - ngàn triệu nguyên nhân - phải cùng hợp tác làm xảy ra cái đã xảy ra.

Và như một hệ quả, không thể có một nguyên nhân cuối cùng riêng biệt nào cho các sự kiện ấy và sự kiện lớn xảy ra đơn giản vì nó đã xảy ra. Hàng triệu con người, từ bỏ cảm giác người của họ, và lí trí của họ, đã hành quân từ Tây sang Đông, và giết bạn bè của mình, hoàn toàn giống như mấy thế kỉ trước, hàng đàn người đã lướt nhanh từ Đông sang Tây, và cũng giết bạn bè như vậy.

Những chiến tích của Napôlêông và Alêcxandrơ, mà sự đồng ý của họ bề ngoài quyết định sự việc này hoặc sự việc khác, đúng là còn xa mới hỗn nhiên và tự do bằng hành động của bất cứ người lính nào tham gia chiến dịch, dù là bị bắt buộc hoặc được tuyển mộ. Đó là trường hợp không tránh khỏi vì để Napôlêông hay Alexandơ thực hiện được ý muốn của mình - bề ngoài họ có vẻ là người quyết định sự việc - bắt buộc phải có sự hợp tác của vô số nhân tố, mà thiếu một trong những nhân tố đó, sự việc không thể xảy ra. Cần thiết phải có hàng triệu người, mà tất cả quyền lực thực sự là trong tay họ, những người lính đánh trận, và những người chuyên chở vũ khí, đạn dược và đại bác, thực hiện ý muốn của hai đơn vị người yếu ớt ấy; và họ được dẫn đến đó bởi vô số những nguyên nhân phức hợp và khác biệt.

Thuyết định mệnh trong lịch sử là không tránh

khỏi nếu chúng ta muốn giải thích những hiện tượng và nghĩa lí của nó (ý muốn nói, những sự việc mà lí do của nó là bên kia sự hiểu biết của chúng ta). Chúng ta càng cố gắng bằng lí trí của chúng ta lí giải các hiện tượng đó trong lịch sử thì chúng càng trở thành phi lôgic và không thể hiểu nổi đối với chúng ta.

Mỗi người sống cho bản thân mình, và hưởng sự tự do khá đủ để đạt những mục đích riêng của cá nhân mình và ý thức được trong toàn bộ sự tồn tại của mình rằng nó có thể tức thì thực hiện hay từ chối không thực hiện một hành động nào đó; nhưng ngay sau khi thực hiện nó, hành động đó được thực hiện trong một khoảng thời gian xác định, trở thành không thể hủy bỏ được và hình thành một yếu tố trong lịch sử, ở đó nó giữ một vị trí với một ý nghĩa hoàn toàn tiền định và không còn ngẫu nhiên nữa.

Mỗi người có một cuộc sống hai mặt: một mặt là cuộc sống cá nhân của mình, nó là tự do trong chừng mực các lợi ích của cuộc sống đó là trừu tượng; mặt khác là cuộc sống như là một yếu tố, một con ong trong đàn ong, và ở đây, con người không có cơ hội coi thường những quy luật áp đặt cho nó.

Con người sống một cách có ý thức cho bản thân mình; nhưng, cùng lúc đó, nó phục vụ như một công cụ vô ý thức cho sự thực hiện các mục đích lịch sử và xã hội. Một hành động mỗi khi để được thực hiện là cố định, và khi hoạt động của con người trùng khớp với những hoạt động khác, với hàng triệu hành động của người khác, và đạt được ý

nghĩa lịch sử. Một người đứng ở bậc thang xã hội càng cao, càng được nối liền với càng nhiều người, ảnh hưởng tỏa ra với những người khác càng lớn - sự cần thiết tiền định và không tránh được của mỗi hành động của anh ta càng hiển nhiên.

“Trái tim của quốc vương là ở trong tay Chúa”.

Quốc vương là nô lệ của lịch sử.

Lịch sử, tức là cuộc sống vô thức, phổ biến của nhân loại, trong khối tập hợp, từng lúc lợi dụng cuộc sống của các quốc vương cho bản thân nó, như một công cụ để thực hiện những mục đích riêng của nó.

Mặc dầu việc không bao giờ trước đó Napôlêông cảm thấy hiển nhiên bằng lúc này vào năm 1812 rằng việc đổ máu hay không đổ máu dân chúng - *verser le sang de ses peuples*<sup>(\*)</sup>, như đã diễn đạt trong thư của Alêcxandơ gửi Napôlêông - tùy thuộc ở ông, trên thực tế ông không bao giờ phụ thuộc đến thế vào những quy luật không tránh được, chúng bắt buộc ông, - cả trong khi ông nghĩ là hành động phù hợp với ý muốn tự do của riêng ông - thực hiện cho thế giới nói chung, cho lịch sử, cái dự định thực hiện.

Những người ở phía Tây chuyển động về phía Đông để giết hại nhau. Và do luật của sự trùng hợp, hàng ngàn nguyên nhân lật vấp nấp dưới chiêu bài của những nguyên nhân cuối cùng, và trùng khớp với sự cố đó, có vẻ như giải thích sự chuyển động đó và chiến cuộc đó: sự không hài lòng về

---

(\*) Tiếng Pháp, có nghĩa là: làm đổ máu các dân tộc của mình.



việc không tuân thủ “Hệ thống lục địa”; và công tước Ôndenbua; và sự xâm chiếm nước Phổ đơn giản vì mục đích đưa đến một nền hòa bình vũ trang (theo như Napôlêông tưởng); và lòng yêu thích và thói quen chiến tranh của Hoàng đế nước Pháp trùng khớp với tâm tính của dân tộc ông; sự hấp dẫn của những sửa soạn lớn hơn, và tiền chi tiêu cho những sửa soạn đó, và sự cần thiết phải có những khoản bảo đảm để ứng đáp những chi phí đó, và những vinh dự làm say sưa được đền đáp ở Dresden; và những thương lượng ngoại giao mà dư luận người đương thời cho là được dắt dẫn với một ý muốn chân thật cứu vãn hòa bình, nhưng lại đơn giản xúc phạm đến lòng kiêu hãnh của cả hai bên; và triệu triệu nguyên nhân khác phải xảy đến và trùng khớp với sự cố.

Khi một quả táo chín và rụng, cái gì làm nó rụng? Đó là sự lôi cuốn của sức hút? Hoặc là do cuống của nó đã héo? Hoặc do mặt trời làm khô nó? Hoặc vì nó nặng? Hoặc vì gió làm lung lay nó? hoặc do đứa bé đang đói đứng dưới gốc thềm nó?

Không có một nguyên nhân gần đúng như vậy. Toàn bộ sự việc là kết quả của tất cả những điều kiện đó, mà phù hợp với những điều kiện đó mỗi sự cố sống còn, cơ bản, phức hợp xảy ra. Và nhà thực vật học, người đưa ra luận cứ rằng quả táo rụng do kết quả của sự phân hủy các mô thực vật, thì hẳn là cũng đúng như đứa bé đứng bên dưới, tuyên bố rằng quả táo rụng vì nó cũng muốn ăn quả táo, và cầu mong nó rụng.

Cũng đúng ngang nhau và cũng sai ngang nhau người sẽ nói rằng Napôlêông đến Matxcova vì ông muốn đến và bị tiêu diệt vì Alêxandơ mong ông bị tiêu diệt; cũng đúng như nhau và sai ngang nhau sẽ là một người tuyên bố rằng một quả núi nặng hàng triệu tấn và bị xói mòn chân, sụp đổ do hậu quả của cú đập cuối cùng mà người lao động cuối cùng giáng xuống. Trong các sự kiện lịch sử, những người gọi là vĩ nhân chỉ đơn thuần là những mảnh buộc lòng thông cung cấp một cái tên cho sự kiện và hoàn toàn ít có liên hệ với bản thân sự kiện cũng như cái mẫu lòng thông ấy vậy.

Mỗi một trong những hành động của các vĩ nhân này mặc dầu bên ngoài được thực hiện do ý muốn tự do của riêng họ, là, trong ý nghĩa lịch sử của nó, ở ngoài phạm vi của ý muốn, và có liên quan đến toàn bộ khuynh hướng của lịch sử, và là do vậy được tiên định từ muôn đời.

Như mặt trời và mỗi nguyên tử êthe là một hình cầu hoàn chỉnh trong bản thân nó, và cùng lúc đó, chỉ một nguyên tử của cái toàn thể hùng cường con người không với tới được, như vậy mỗi cá nhân có ở bên trong mình những đối tượng của riêng mình, và đồng thời phục vụ đối tượng chung con người không với tới được.

Con ong, lơ lửng trên cái hoa, đốt đứa bé. Và đứa bé sợ những con ong và tuyên bố rằng mục đích của con ong là chích đứa bé.

Nhà thơ ngắm nghía con ong hút mật trong đài hoa, và tuyên bố với chúng ta rằng mục đích của

con ong là hấp thụ vào trong bản thân nó hương vị của cái hoa.

Người nuôi ong, quan sát thấy con ong thu thập phấn hoa và đem về tổ, tuyên bố rằng mục đích của con ong là chế tạo mật ong.

Người nuôi ong khác, quan sát gần gũi hơn những thói quen của đàn ong, tuyên bố rằng con ong thu thập phấn hoa để nuôi những con ong con và dành cho sự khai thác của ong chúa và mục đích của những con ong là sự truyền giống.

Một nhà thực vật học quan sát thấy rằng con ong trong khi bay với phấn hoa của một cái hoa khác gốc sang nhụy của một cái hoa khác làm cho nhụy này sinh sôi. Và nhà thực vật học thấy ở đó mục đích của con ong.

Một nhà thực vật khác quan sát sự di cư của các cây thấy con ong tham dự vào sự di cư này và nhà quan sát này có thể nói rằng ở đó bao gồm mục đích của con ong.

Nhưng mục đích cuối cùng của con ong không hoàn toàn bao gồm trong cái thứ nhất hoặc cái thứ hai hoặc cái thứ ba của những mục đích mà trí tuệ con người có thể khám phá ra.

Trí tuệ con người nâng cao những nỗ lực của nó để khám phá những mục đích đó, càng hiển nhiên là mục đích cuối cùng con người không thể với tới được.

Con người chỉ có thể quan sát mối liên hệ tồn tại giữa đời sống con ong và những hiện tượng khác của cuộc sống. Đối với những mục đích của các nhân vật lịch sử và các quốc gia, sự thật cũng là như vậy.

TƯ TƯỚNG ĐẠO ĐỨC  
CỦA TÔI  
DƯỚI HÌNH THỨC TƯỚNG TƯỢNG  
(Truyện ngắn)

NICOLAI BIGSTICK  
(NICOLAI PALKIN)

Chúng tôi ở lại đêm trong một ngôi nhà của một người lính chín mươi lăm tuổi. Ông đã phục vụ dưới thời Alêcxandrơ I và Nicolai I.

“Sao, lão già, lão muốn chết ư?”

“Chết? Làm sao tôi mong tôi có thể! Trước kia tôi đã sợ, nhưng bây giờ tôi xin Chúa mỗi một điều - rằng Chúa cho phép tôi xưng tội và chịu lễ ban thánh thể. Tôi có nhiều tội.”

“Chúng có thể là những loại tội nào?”

“Ông hỏi tôi điều đó ư? Ông không biết tôi phục vụ quân đội lúc nào ư? Thời Nicolai. Quân đội lúc đó có giống ngày nay không? Mọi cái lúc đó giống cái gì? Khi ông nghĩ đến điều đó, nó làm ông rùng

mình. Tôi có thể nhớ cả thời Alêxandơ. Những người lính nói tốt về Alêxandơ. Ngài hiền dịu, dân chúng nói vậy”.

Tôi nghĩ lại những ngày cuối cùng của Alêxandơ, khi cứ một trăm người, hai mươi bị quất đến chết. Nicolai quả phải là dịu hiền nếu Alêxandơ được gọi là dịu hiền so với Nicolai.

“Và thế là tôi đã phục vụ dưới thời Nicolai”, ông lão nói rồi trở nên sôi động, bắt đầu kể:

“Những ngày ấy sự tình ra sao? Trong những ngày ấy thật không bỏ công để người ta tụt quần ống túm xuống mà lính năm mươi roi. Một trăm năm mươi, hai trăm, ba trăm - chúng đánh đến chết.

Ông lão nói điều đó với nỗi khiếp sợ và lòng căm ghét, và không phải không có chút tự hào về những thành tích của quá khứ. Và khi chúng dùng cái gậy - không tuần nào trôi qua mà chúng không đánh đến chết một hay hai người của trung đoàn. Ngày nay không ai thực sự biết cái gậy là cái gì. Những ngày đó, từ ấy luôn luôn ở cửa miệng mọi người. Cái gậy! Cái gậy!”

“Binh lính chúng tôi dành cho Nicolai cái tên đặt theo tên cha Bigstick<sup>(\*)</sup>. Nicolai Parlovich - nhưng người ta luôn gọi Nicolai Bigstick. Đó là tên thứ hai của Hoàng đế. Khi ông nghĩ lại những ngày ấy,” ông già kể tiếp, “- một người đã sống sót cuộc đời mình, và đã đến lúc chết - khi ông nghĩ lại, chuyện đó làm trái tim ông nặng nề.

---

(\*) *Bigstick* (tiếng Anh): có nghĩa là gậy to.

“Một người mang nhiều tội trong tâm hồn! Sự tuân thủ là vấn đề ở đây. Anh nhận một trăm năm mươi cái gậy khi anh làm lính (người ấy đã là một thuộc hạ và một trung sĩ, và bây giờ là một người đang chờ đợi thăng chức) và anh cho nó hai trăm. Điều đó không làm lành các vết thương của anh, những anh hành hạ nó - tội lỗi nhường nào!

“Những kẻ thuộc hạ đánh những lính mới đến chết. Với cái báng súng hoặc với nắm tay chúng nện vào chỗ hiểm, vào ngực hoặc vào đầu và người bị đánh chết. Và không có ai điều tra. Người đó chết vì những cú đấm, và cấp trên phê: “Bị chết do chứng thư của Chúa” và thế là chấm hết và lúc đó tôi có hiểu không? Một người chỉ nghĩ về bản thân. Và bây giờ đúng là người ta lân quanh cái đỉnh của lò, ban đêm không ngủ được, suy nghĩ và suy nghĩ và lại thấy mọi cái rõ ràng trước mắt mình. Một người là hạnh phúc nếu gặp dịp chịu lễ ban thánh thể theo các điều răn của Chúa, và được xá tội. Không thế thì nỗi kinh hoàng xâm chiếm lấy anh. Khi anh nghĩ lại những điều anh đã chịu đựng và những gì người khác chịu đựng thông qua anh, anh không cần đến địa ngục nào cả, nó đã là xấu hơn Địa ngục và quỷ dữ”.

Tôi hình dung một cách sâu sắc hồi ức nào ông lão, một người đang chết, phải có trong cảnh cô đơn và trái tim tôi đau nhói. Tôi nghĩ về những điều khủng khiếp ngoài việc đánh bằng gậy tày mà lão có tham gia - cách thế nào lão đã truy lùng người đến chết bằng cách quất xuyên hàng, bắn, chém giết và cướp

phá các thành phố trong chiến tranh (lão đã có mặt trong chiến dịch Ba Lan) và tôi hỏi lão về mọi chi tiết. Tôi hỏi lão về việc quất xuyên hàng.

Lão nói dài dòng về cách thực hành ghê sợ này. Con người, bị buộc vào những cây súng, bị dắt như thế nào xuyên giữa những người lính được xếp ở một con đường hẹp với cây gậy mềm trong tay, và tất cả họ đánh phải, đánh trái túi bụi như thế nào; các sĩ quan bước sau những người lính, hét to “Đánh mạnh hơn! Đánh mạnh hơn!”

Ông lão hét điều đó với một giọng chỉ huy, và người ta có thể nói rằng hồi ức về giọng hét đó và việc lão tái hiện lại đã gây cho lão một sự thỏa mãn nào đó.

Lão kể tất cả các chi tiết mà không gợn một vết hối hận nào, như thể lão đang giải thích những con bò bị mổ và thịt của chúng được bày biện như thế nào.

Và khi tôi thử đánh thức một cảm giác hối hận ở lão về tất cả những hồi ức ấy, lúc đầu lão lấy làm bối rối sau đó lấy làm kinh hoàng.

Lão nói: “Không một chút nào; sao lại thế? Tất cả đều được tiến hành theo đúng tiến trình. Là lỗi tại tôi ư? Nó là đúng luật pháp.”

Lão tỏ ra cùng một sự bình tĩnh và cùng một sự thiếu hối tiếc đối với những điều khủng khiếp nhất của chiến tranh mà lão đã tham gia và đã mục kích hàng ngàn lần ở Thổ Nhĩ Kỳ và ở Ba Lan.

Ông lão phải cảm thấy gì nếu lão hiểu ra rằng sự tình phải rõ ràng đối với lão ở ngưỡng cửa của cái chết - rằng không có và không thể có sự trung

gian nào giữa lương tâm lão và Chúa vào lúc đó, ngày hôm trước cái chết; rằng cũng giống như vậy không có và không thể có sự trung gian vào lúc lão được lệnh hành hạ và chém giết dân chúng! Lão phải cảm thấy gì nếu lão hiểu ra rằng không gì có thể chuộc được những điều ác mà lão đã làm cho con người khi lão có quyền không làm những điều đó! Nếu lão hiểu ra rằng có một luật vĩnh cửu mà lão luôn biết và bị bắt buộc phải biết, cái luật khuyên răn tình yêu và sự tử tế đối với con người; còn cái mà lão gọi luật là một sự lừa đảo vô liêm sỉ và độc ác mà lẽ ra lão không nên tuân thủ. Thật là khủng khiếp nghĩ về những hình ảnh đi qua tâm trí lão trong những đêm ở trên nóc lò và sự thất vọng của lão đến như thế nào nếu lão hiểu rằng khi lão có năng lực làm điều thiện và điều ác cho người đời, lão chỉ làm điều ác, và bây giờ khi lão hiểu cái thiện và cái ác bao gồm cái gì, lão không thể làm gì khác ngoài việc cảm nhận những sự hành hạ của nỗi tiếc. Sự giày vò của lão là kinh khủng.

Nhưng sao chúng ta lại muốn hành hạ lão? Tại sao quấy rầy lương tâm của một ông lão đang chết? Làm dịu tâm hồn đó có hơn không? Tại sao khuấy đảo người ta và nhắc lại những gì từ lâu đã đi qua và đã mất hút!

Đi qua và mất hút? Cái gì đã đi qua và mất hút? Có thể chẳng một cái gì đó mà chúng ta đã không bao giờ bắt đầu tiêu diệt và chữa trị, mà thậm chí chúng ta ngần ngại gọi bằng tên thật của nó lại đã mất hút?



Đối với chúng ta, sự tàn nhẫn và sự vô cảm của những kẻ theo tà giáo là mãnh liệt và của sự hành hạ với tính cách là một biện pháp điều tra có suy xét là tuyệt đối rõ ràng. Mỗi đứa trẻ công nhận sự vô bố của chúng. Nhưng những người của thời đó không thấy điều ấy. Những người thông minh, có học thức giữ vững ý kiến rằng hành hạ tra tấn là một bộ phận cần thiết của xã hội loài người, là một cái ác cần thiết. Và đối với sự đánh đập và sự nô dịch thì cũng như vậy. Thời gian đó đã qua và chúng ta khó lòng hình dung tâm trạng những người mà ở họ những lầm lạc như vậy là có thể được. Nhưng đã là như thế ở mọi thời đại và vì vậy cũng phải như vậy trong thời đại của chúng ta, và chúng ta cũng phải mù quáng như vậy đối với sự hung bạo riêng của chúng ta.

Sự hành hạ của chúng ta, sự nô dịch của chúng ta, cái gây của chúng ta ở đâu? Đối với chúng ta, dường như chúng không hiện diện, dường như chúng đã một lần tồn tại và đã biến mất hút. Nhưng chỉ là có vẻ như vậy thôi, bởi vì chúng ta không muốn hiểu quá khứ và cẩn thận nhắm mắt lại để không thấy chúng.

Nhưng nếu chúng ta quay lại nhìn quá khứ với cặp mắt sắc bén, hoàn cảnh riêng hiện tại của chúng ta và các nguyên nhân của nó sẽ tự chúng hiện ra. Nếu chúng ta chỉ gọi sự hành tội hỏa thiêu, việc đóng dấu bằng sắt nung, sự tra tấn, nơi hành hình, chế độ cưỡng bức tòng quân bằng những cái tên đúng của chúng, chúng ta sẽ tìm ra các thuật ngữ đúng cho nhà tù, trại cải tạo, chiến tranh với cưỡng

bách tòng quân phổ biến, cho người khởi tố và cảnh sát. Khi chúng ta không nói nữa, tại sao nhớ lại những ngày qua, chúng ta sẽ thấy và hiểu cái gì đang xảy ra ngày nay.

Khi chúng ta thấy vô cảm và tàn nhẫn việc chặt đầu dân, việc bắt đầu nói ra sự thật bằng cách bẻ gãy các khớp của họ, chúng ta cũng thấy rằng cũng vô cảm và tàn nhẫn như vậy, nếu không là hơn vậy nữa, việc treo cổ dân hoặc đẩy họ vào những nơi giam cầm cô vắng tối tẻ như cái chết hoặc hơn cái chết, và tìm sự thật thông qua những luật gia được trả tiền hoặc những người khởi tố công.

Khi chúng ta đã hiểu là vô cảm và tàn nhẫn việc giết một người bị lâm đường lạc lối, chúng ta cũng hiểu là còn vô cảm nhiều hơn khi đưa người đó vào trại cải tạo để hoàn toàn tiêu diệt anh ta. Khi chúng ta hiểu rằng thật là vô cảm và nhẫn tâm khi tập hợp nông dân lại thành bầy để đưa họ đi quân dịch và đốt họ bằng dầu sắt nung như trâu bò, chúng ta sẽ nghĩ cũng vô cảm và tàn nhẫn như vậy khi gọi vào lính những người hai mươi mốt tuổi. Khi chúng ta hình dung được xiết bao vô cảm và tàn nhẫn là những người bảo vệ già, chúng ta sẽ thấy càng rõ ràng hơn sự vô cảm và tàn nhẫn hoàn toàn của những người canh gác và tuần tra.

Khi cuối cùng chúng ta ngưng nhắm mắt lại với quá khứ và nói: Tại sao nhớ lại những ngày qua, chúng ta sẽ thấy rằng thời đại của bản thân chúng ta có những tàn bạo của nó chỉ là ở những hình thức khác.

Chúng ta nói: Tất cả những thứ đó đã qua rồi,

không còn sự hành hạ nữa, không còn có những Cathêrin<sup>(\*)</sup> dâm dăng với những người yêu đầy quyền lực, không còn cảnh nô lệ, không còn cảnh đánh người đến chết. Nhưng tất cả đơn thuần trông giống như vậy đối với chúng ta. Có ba trăm ngàn người trong nhà tù và ở các trung đoàn trừng giới, chen chúc trong những căn phòng hẹp và hôi thối, chết một cái chết dần mòn cả thể chất lẫn tâm hồn. Vợ con họ bị bỏ chết đói và những người này bị nhốt trong những căn phòng chật hẹp bẩn thỉu của sự bất công, trong các nhà tù và trong các trại cải tạo; và chỉ những người canh gác, những người chủ đầy quyền lực của những nô lệ đó có được mọi quyền lợi do tình trạng bị giam cầm đó.

Hàng chục nghìn người với “tư tưởng nguy hiểm” bị đi đày, và bằng cách đó đưa những tư tưởng ấy đến những góc xa nhất của nước Nga; họ đi trong sự rò dại và tự treo cổ mình. Hàng ngàn người ngồi trong các pháo đài, và bị bọn cai tù bí mật sát hại hoặc bị sự giam cầm tách biệt đưa đến sự mất trí. Hàng triệu người bị hủy hoại thể xác và tâm hồn trong cảnh nô lệ do các nhà công nghiệp tạo nên. Hàng trăm ngàn người mùa thu này tiếp mùa thu khác rời bỏ gia đình và những người vợ trẻ, tập giết người và hư hỏng một cách triệt để.

Không cần có sự sắc bén đặc biệt để thấy rằng

---

(\*) *Cathêrin* (Catherine) ở đây hình như muốn nói đến Cathêrin Howard vợ thứ 5 của vua Henri VIII, bị chặt đầu về tội dâm dăng và lố lằng.

bách tông quân phổ biến, cho người khởi tố và cảnh sát. Khi chúng ta không nói nữa, tại sao nhớ lại những ngày qua, chúng ta sẽ thấy và hiểu cái gì đang xảy ra ngày nay.

Khi chúng ta thấy vô cảm và tàn nhẫn việc chặt đầu dân, việc bắt đầu nói ra sự thật bằng cách bẻ gãy các khớp của họ, chúng ta cũng thấy rằng cũng vô cảm và tàn nhẫn như vậy, nếu không là hơn vậy nữa, việc treo cổ dân hoặc đẩy họ vào những nơi giam cầm cô vắng tối tẻ như cái chết hoặc hơn cái chết, và tìm sự thật thông qua những luật gia được trả tiền hoặc những người khởi tố công.

Khi chúng ta đã hiểu là vô cảm và tàn nhẫn việc giết một người bị lầm đường lạc lối, chúng ta cũng hiểu là còn vô cảm nhiều hơn khi đưa người đó vào trại cải tạo để hoàn toàn tiêu diệt anh ta. Khi chúng ta hiểu rằng thật là vô cảm và nhẫn tâm khi tập hợp nông dân lại thành bầy để đưa họ đi quân dịch và đốt họ bằng dầu sắt nung như trâu bò, chúng ta sẽ nghĩ cũng vô cảm và tàn nhẫn như vậy khi gọi vào lính những người hai mươi mốt tuổi. Khi chúng ta hình dung được xiết bao vô cảm và tàn nhẫn là những người bảo vệ già, chúng ta sẽ thấy càng rõ ràng hơn sự vô cảm và tàn nhẫn hoàn toàn của những người canh gác và tuần tra.

Khi cuối cùng chúng ta ngừng nhắm mắt lại với quá khứ và nói: Tại sao nhớ lại những ngày qua, chúng ta sẽ thấy rằng thời đại của bản thân chúng ta có những tàn bạo của nó chỉ là ở những hình thức khác.

Chúng ta nói: Tất cả những thứ đó đã qua rồi,

ngày nay giống những ngày qua, và thời đại của chúng ta đầy rẫy cùng những sự tàn bạo ấy, cùng những sự hành hạ ấy, và một ngày kia sự tàn nhẫn và vô cảm cũng giống như vậy dấy lên sự kinh ngạc của các thế hệ sắp đến. Cũng là nỗi đau đó, và không phải nỗi đau của những người kiếm được lợi lộc bằng những sự tàn bạo đó.

Hãy để họ kiếm lợi lộc hàng trăm, hàng ngàn lần đi. Hãy để họ xây tháp, xây nhà hát, mở những buổi khiêu vũ hút máu dân; hãy để Bigstick đánh dân đến chết. (Pobiêđônotsiep<sup>(\*)</sup> và Oredepksi<sup>(\*\*)</sup>) bí mật treo cổ hàng trăm người trong các pháo đài; nhưng *chỉ để chúng làm thế thôi*, và đừng để chúng hủy hoại đạo đức của dân chúng; đừng để chúng lừa đảo dân bằng cách ép buộc dân tham gia vào mọi thứ như người lính già của tôi ở đây đã làm.

Nỗi đau khủng khiếp bao hàm điều yêu sách có tính lừa lọc rằng có thể có cái gì đó thiêng liêng hơn, có luật cao hơn cho con người là sự thiêng liêng và luật yêu thương người láng giềng; trong sự lừa lọc che giấu một người rằng anh ta được phép làm nhiều việc để thỏa mãn những yêu cầu của những người khác, nhưng rằng là một con người, có một điều anh ta không bao giờ được làm vì ý muốn của người khác: hành động chống lại ý nguyện của Chúa, và hành hạ và giết người bạn mình.

---

(\*) và (\*\*): chính trị gia Nga, giữ những chức vụ quan trọng dưới thời Nicolai và Alêxandro; góp phần củng cố chế độ chuyên chế của Nga hoàng, tiến hành một sự áp bức khủng bố dân chúng rất tàn bạo.

Cách đây một ngàn tám trăm năm, câu hỏi của người Pharidiêng<sup>(\*)</sup> xem họ có phải nộp thuế cho Xêda<sup>(\*\*)</sup> không, họ được trả lời bằng câu nói sau đây: Hãy trả cho Xêda những gì thuộc về Xêda và hãy trả cho Chúa những gì thuộc về Chúa.

Nếu có một niềm tin nào đó ở con người, nếu con người cảm nhận dù chỉ là một bốn phần bé nhỏ nhất với Chúa, thì họ sẽ cảm nhận bốn phần trên hết với những gì mà Chúa đã dạy bằng lời cho họ khi Chúa nói: Con không được giết, khi Chúa nói: bất cứ cái gì con muốn người khác làm cho con, con hãy cũng làm cho họ, khi Chúa nói: hãy yêu người láng giềng của con như bản thân con vậy; những điều mà Chúa ghi không thể xóa được ở trái tim mỗi người: Tình yêu đối với người láng giềng; sự tử tế với anh ta; ghê tởm sự chém giết và sự hành hạ người bạn mình.

---

(\*) *Pharidiêng* (Pharisiens) thành viên của một giáo phái Do Thái xuất hiện vào thế kỉ II trước Công nguyên, tự cho là tuân thủ nghiêm túc và chặt chẽ luật của Moïse (Môisê), nhưng trong Phúc Âm bị coi là giả dối và hình thức.

(\*\*) *Xêda* (César) 101 - 44 trước Công nguyên quý tộc nhưng gần bó với giới bình dân, ông chống lại độc tài Sulla và tị nạn ở châu Á (82 - 78); sau đó hoạt động chính trị, giao du với những giới hữu sản và khai thác những bất bình của dân chúng. Năm 59 làm quan chấp chính và 56 đánh chiếm xứ Gôl, nhờ đó danh tiếng lừng lẫy và có đội quân trung thành! Với đội quân đó ông quay về Rôma. Nội chiến nổ ra chống Pompée và nghị viện ông trở thành quan chấp chính suốt đời. Ông bị giết giữa nghị viện năm 44. Là sử gia, ông đã để lại hồi kí: Răn luận về chiến tranh ở xứ Gôl và nội chiến.

Nếu con người tin ở Chúa, nó không thể từ chối bốn phần đầu tiên đối với Người - không hành hạ và không chém giết. Các từ: trả cho Xêda những gì thuộc về Xêda, và trả cho Chúa những gì thuộc về Chúa sẽ có một ý nghĩa rõ ràng và xác định.

Nếu Hoàng đế cần tiền của tôi, xin cứ lấy; cần nhà của tôi, lao động của tôi, xin cứ lấy, cần vợ tôi, con tôi, cuộc sống của tôi, xin cứ lấy. Không cái nào trong những thứ ấy là của Chúa. Nhưng nếu Hoàng đế yêu cầu tôi đưa cây roi lên và đánh vào lưng người láng giềng của tôi, cái đó thuộc về Chúa. Hành vi của tôi là cuộc đời tôi, là cái mà tôi phải tính toán với Chúa. Và điều gì Chúa cấm tôi làm, tôi không thể làm điều đó, thậm chí khi Hoàng đế yêu cầu. Tôi không thể trói một người, bỏ tù nó, hành hạ nó, giết nó. Tất cả những cái đó là cuộc sống của tôi, mà cuộc sống của tôi là thuộc về Chúa, và tôi có thể hiến nó cho không một ai ngoài Chúa.

Các từ "Hãy trả cho Chúa những gì thuộc về Chúa" đối với chúng ta có nghĩa là chúng ta dâng cho Chúa cây nến và kinh cầu nguyện, tất cả những gì không ai cần đến, Chúa lại cần ít nhất. Và tất cả những cái còn lại, toàn bộ cuộc sống của chúng ta, khám thờ của tâm hồn chúng ta, là những cái thuộc về Chúa. Chúng ta đã đem cho Xêda tức là "Như người Do Thái nhìn nhận Xêda" cho một con người khả ố đến từ xa.

Điều đó không đáng sợ ư? Con người ơi, hãy tự suy nghĩ lấy.

## BA BÀI NGỤ NGÔN

### Bài ngụ ngôn thứ nhất

Có một bãi cỏ rất đẹp, và cỏ dại đã mọc lên ở đó. Những chủ nhân của bãi cỏ cắt cỏ dại đi, nhưng cỏ dại chỉ mọc thêm càng nhiều hơn. Thế là một ngày nọ, một người nông dân khôn ngoan và tốt bụng đến thăm những chủ nhân của bãi cỏ và đưa ra nhiều lời khuyên bổ ích. Và anh cũng nói với họ rằng không được cắt cỏ dại vì càng cắt nó càng tràn lan ra thôi. Phải nhổ nó lên với rễ.

Lúc này hoặc vì trong số nhiều lời khuyên bác nông dân đưa ra, các chủ nhân của bãi cỏ bỏ qua lời chỉ dẫn không được cắt cỏ dại mà phải nhổ nó lên với rễ hoặc vì qua lập luận của bản thân, họ không muốn làm theo lời chỉ dẫn đó. Trong bất kì trường hợp nào, họ coi thường lời khuyên đừng cắt cỏ dại mà phải nhổ nó lên với rễ; họ hành động như chưa bao giờ nghe lời khuyên đó và tiếp tục cắt cỏ dại và như vậy giúp cho cỏ dại càng lan tràn. Và mặc



dầu trong những năm tiếp theo, nhiều người vẫn đến và nhắc lại lời khuyên của bác nông dân khôn ngoan và tốt bụng với những chủ nhân của bãi cỏ, nhưng họ vẫn chưa ngừng cắt cỏ. Họ tiếp tục như trước cho nên việc cắt cỏ đại mỗi khi chúng hiện ra trở thành một tục lệ đều đặn, không, hơn thế, một truyền thống thiêng liêng, và bãi cỏ ngày càng tắc nghẽn vì cỏ đại và đến mức cỏ đại lan tràn khắp bãi. Dân chúng phàn nàn và nghĩ ra nhiều cách sửa chữa. Phương pháp độc nhất mà họ không dùng là điều mà người nông dân tốt bụng đã khuyên nhiều năm dài trước đó. Lúc này xảy ra việc là cuối cùng một người chú ý đến điều kiện tồi tệ của bãi cỏ và khám phá ra trong lời chỉ dẫn bị bỏ quên của bác nông dân sự khẳng định rằng không được cắt cỏ đại mà phải nhổ hẳn lên với cả rễ, - và xảy ra việc con người này trình bày với các chủ nhân bãi cỏ rằng họ đang hành động phi lí, và người nông dân khôn ngoan và tốt bụng từ lâu đã chỉ cho họ sự phi lí của cách làm của họ.

Cái gì diễn ra?

Thay vì kiểm tra sự đúng đắn của lời dặn dò của người nông dân, và (nếu nó là đúng) ngừng cắt cỏ đại từ đó về sau; hoặc (nếu nó là sai) chứng tỏ cho anh ta sự thiếu cơ sở của lời dặn của anh, hoặc thừa nhận những chỉ dẫn của người nông dân khôn ngoan và tốt bụng là không có căn cứ, hoặc nói rõ rằng các chỉ dẫn không trói buộc họ. Các chủ nhân bãi cỏ không hề làm một trong hai điều đó. Trái lại họ cảm thấy bị xâm phạm bởi những lời dặn dò của

người đã nhắc lại lời người nông dân và giận anh ta. Một vài người gọi anh là điên rồ và kiêu ngạo vì anh ta tưởng mình là người duy nhất trong loài người hiểu rõ những chỉ dẫn của người nông dân. Vài người khác gọi anh là một người tiên tri rầm xảo quyết, một người phỉ báng; còn những người khác nữa, hoàn toàn quên rằng anh ta không biểu đạt ý kiến của riêng anh, mà chỉ nhắc lại những chỉ dẫn của người làm ruộng khôn ngoan được mọi người kính trọng, gọi anh ta là một nhân vật nguy hiểm có ý đồ gieo rắc cỏ dại, và tước đoạt bãi cỏ của họ. Không được cắt cỏ dại, anh ta nói, và nếu chúng tôi không hủy hoại - dân chúng nói vậy, cố tình quên rằng người đó đã không nói cỏ dại phải bị hủy hoại, mà chỉ nói không nên cắt cỏ dại mà phải nhổ tận rễ - cỏ dại sẽ lan tràn và hủy hoại bãi cỏ hoàn toàn. Và tại sao người ta cho chúng tôi bãi cỏ, nếu chúng phải trồng cỏ dại vào đó.

Và dư luận cho rằng con người đó là một người điên và một người tiên tri rầm hoặc có ý đồ làm hại loài người, đã phát triển vững chắc tới mức mọi người lắng mạ anh và cười chế nhạo anh. Con người đó có thể tuyên bố luôn luôn rằng anh ta không chỉ không muốn làm cho cỏ dại lan tràn, mà trái lại coi việc hủy hoại cỏ dại như là một trong những công việc chính của người làm ruộng như người nông dân khôn ngoan và tốt bụng đã dạy, mà anh chỉ nhắc lại lời của ông ta thôi. Anh ta có thể nhắc lại điều đó nhiều lần như anh muốn, nhưng dân chúng không nghe anh vì một lần cuối cùng

người ta biết rằng anh đang giải thích sai lời nói của người nông dân khôn ngoan và tốt bụng hoặc anh là một người khuyến khích con người không phải tiêu diệt cỏ dại mà bảo vệ vun trồng nó.

Số phận như vừa trình bày cũng là số phận của tôi khi tôi hướng vào lời răn của Phúc Âm: Đừng chống lại cái xấu bằng bạo lực. Crixl truyền giáo lời răn này, và sau ngài là các tông đồ chân chính của Ngài. Nhưng hoặc người đời coi nhẹ lời răn, hoặc không hiểu nó hoặc nghĩ rằng tuân thủ nó quá nặng nề nên thời gian càng trôi đi nhiều hơn, lời răn càng bị quên đi hoàn toàn hơn. Cuộc sống con người càng phát triển ra xa hơn khỏi lời răn đó và cuối cùng sự thể đi đến tình trạng ngày nay khi lời răn hình như mới mẻ, không được nghe thấy, kì quặc, thậm chí điên rồ. Và tôi phải chịu cùng số phận như người đã nhắc lại cho dân chúng lời chỉ bảo xưa cũ của người nông dân khôn ngoan và tốt bụng, không được cắt mà phải nhổ cỏ dại cả rễ.

Đúng như các chủ nhân của bãi cỏ cố tình quên lời khuyên không phải là họ không được hủy hoại cỏ dại mà họ phải hủy hoại theo một cách thức hợp lí, và nói: Chúng tôi không nghe lời người ấy, hấn là một thằng điên; hấn nói với chúng tôi không được cắt cỏ dại, hấn nói cứ để cho cỏ dại mọc. Đúng như vậy, đúng như đáp lại lời chỉ dẫn của tôi rằng phù hợp với lời dạy của chúa không được chống lại cái ác bằng bạo lực, mà phá hủy rễ và canh bằng tình thương, người ta nói; Chúng tôi không nghe lời ông ấy nói. Ông ấy là một người điên; ông

khuyên chúng tôi không được chống lại cái ác, rằng cái ác có thể khống chế chúng tôi.

Tôi đã nói rằng theo lời Crixl dạy cái ác không được xóa đi bằng cái ác, rằng tất cả sự chống lại bằng bạo lực chỉ đơn giản làm tăng cái ác, rằng theo lời Crixl dạy cái ác chỉ có thể bị tiêu diệt bằng cái thiện. Hãy ban phúc cho những người nguyên rủa anh; hãy cầu nguyện cho những ai đối xử hiểm khích với anh; hãy làm cái thiện cho những ai ghét anh; hãy yêu kẻ thù của anh: và *lúc đó anh sẽ không có kẻ thù nào.*

Tôi đã nói rằng theo lời Crixl dạy toàn bộ cuộc đời con người chỉ là một cuộc đấu tranh với cái ác, đấu tranh chống lại cái ác bằng lí trí và tình yêu. Nhưng trong số tất cả các biện pháp đấu tranh, Crixl loại trừ biện pháp đấu tranh với cái ác bằng bạo lực.

Những lời đó của tôi được hiểu như là tôi đã nói rằng Crixl dạy chúng ta không được chống lại cái ác. Và tất cả những gì mà cuộc đời được xây dựng bằng bạo lực vì vậy với họ bạo lực là quý giá, họ vui vẻ tiến hành bóp méo lời của tôi như vậy và thế là bóp méo cả lời của Crixl; người ta giữ vững ý kiến cho rằng lời dạy đừng chống cái ác là một lời dạy sai, điên rồ, phỉ báng Chúa và hoàn toàn nguy hiểm. Con người vẫn tiếp tục bình tĩnh gây ra tội ác với lí do là tiêu diệt nó.

## Bài ngụ ngôn thứ hai

Người ta phân phối bột, bơ sữa và tất cả các thức ăn khác. Mỗi người muốn kiếm lời được nhiều hơn người tiếp theo và trở nên giàu có càng nhanh càng tốt. Và thế là họ bắt đầu trộn mọi thứ thành phần rẻ tiền và độc hại vào các hàng hóa của họ. Họ trộn đất sét và vôi vào bột, đổ macgarin<sup>(\*)</sup> vào bơ, nước và vôi vào sữa. Miễn là các thức ăn chưa đến tay người mua để tiêu dùng, mọi việc đều êm thấm; người lái buôn bán hàng hóa cho người chủ cửa hiệu và người chủ cửa hiệu cho những người bán hàng rong.

Có nhiều kho hàng, nhiều cửa hiệu, việc buôn bán có vẻ thành công, và các thương nhân hài lòng. Nhưng những người mua trong thành phố là những người không tự mình sản xuất những thứ mình cần và do vậy mua mọi thứ, thì có ý không bằng lòng và thấy mình có chuyện phiền muộn.

Bột xấu, cả bơ và sữa cũng xấu. Nhưng vì không có thức ăn khác ở các chợ trong thành phố ngoài những thứ đã bị giả mạo này, người mua của thành phố đành nhận những hàng hóa này và gán cái vị

---

(\*) Macgarin (tiếng Pháp *Magarine*) chất béo ăn được, mềm, làm bằng các loại dầu hoặc mỡ thực vật (lạc, đậu nành, dừa) thường rẻ tiền hơn bơ.

khó chịu và sự độc hại của thức ăn cho chính các thức ăn ấy và việc chế biến kém những gì họ ăn. Nhưng các chủ hiệu lại tiếp tục ngày càng bỏ thêm nhiều chất rẻ tiền vào hàng hóa của họ.

Điều đó tiếp tục trong một thời gian khá lâu. Các cư dân thành phố tất cả đều chịu đựng điều đó nhưng không một ai dám nói nên lời sự không hài lòng của mình.

Thế rồi một người phụ nữ từ nông thôn đến; Người này luôn cung cấp cho gia đình mình những thức ăn tự làm lấy ở nhà. Người phụ nữ đó đã sống cuộc đời sửa soạn thức ăn và nếu bà không phải là người nấu ăn xuất sắc thì dù sao đi nữa bà ta cũng biết nướng bánh và sửa soạn một bữa ăn ngon.

Người phụ nữ này mua thức ăn trong thành phố và bắt đầu nấu nướng. Bánh mì không chín đúng như thường ngày và rời ra từng mảnh; bánh kẹp nướng bằng macgarin có vị tồi, khi người phụ nữ lóng cho sữa đứng, không có tí kem nào nổi lên. Bà nghi ngay rằng các vật liệu là xấu, nên xem xét chúng cẩn thận hơn; và sự nghi ngờ của bà được chứng thực: trong bột, bà tìm thấy vôi, trong bơ macgarin và trong sữa có phẩn. Khi bà đã chắc chắn rằng tất cả các thức ăn đều giả, bà đi ra cửa hiệu, mắng các chủ hiệu té tát và yêu cầu họ hoặc giữ các hàng hóa cho tốt, lành và không hỏng, hoặc bỏ kinh doanh và đóng cửa tiệm. Nhưng các chủ cửa hiệu không để ý đến người phụ nữ, nói rằng cả thành phố đã mua hàng của họ trong nhiều năm và thậm chí họ còn nhận được những sự biệt đãi đối

với hàng hóa họ; và họ chỉ vào những huân chương trên các biển hiệu.

Người phụ nữ không nhượng bộ. Bà nói: “Tôi không cần huân chương. Chúng tôi chỉ cần thức ăn tốt sao cho khi các con tôi và tôi ăn, chúng tôi không bị đau bụng”.

“Sao? Bà già, chắc bà chưa bao giờ trong đời mình thấy bột thật và bơ thật,” các chủ cửa hiệu nói và chỉ cho bà xem bột trong và có vẻ trắng trong một cái thùng sơn bóng nhoáng, xem bơ giả tồi tệ đựng trong những đĩa đẹp, xem chất lỏng trắng trong những đồ chứa chói lọi, trong suốt.

“Tôi biết tổng đó là những gì” người phụ nữ nói, “vì suốt đời tôi không làm gì khác ngoài sửa soạn thức ăn của riêng tôi và ăn với các con tôi. Hàng của các người hồng. Đây là chứng cứ”. Bà đưa cho họ xem chiếc bánh bị hồng, chất macgarin trong các bánh kẹp và cái đọng lại ở đáy sữa. “Hàng hóa các người phải bị ném xuống sông và những hàng thật phải được đưa bán thay”.

Và người phụ nữ đứng trước cửa hiệu và không ngừng la toáng lên. Bà nói cùng một điều ấy với một người mua hàng đi qua, và các khách hàng bắt đầu nghi ngờ.

Các chủ cửa hiệu thấy rằng người phụ nữ can đảm có thể làm nguy hại sự buôn bán của họ, họ bèn nói với các khách hàng: Hỡi những người tốt bụng, hãy nhìn người đàn bà điên dại này; hấn muốn dân chết đói. Hấn muốn tất cả các thực phẩm này bị đổ xuống sông hoặc đốt cháy. Điều gì sẽ xảy

ra nếu chúng tôi làm như hấn nói, không bán thức ăn cho các bạn nữa. Đừng nghe hấn nói; hấn là một người nhà quê dốt nát, không biết gì về thực phẩm và đang tấn công chúng tôi vì ganh tị. Vì hấn nghèo nên hấn muốn mọi người nghèo như hấn”.

Các chủ cửa hiệu nói như vậy với đám đông đang tụ tập lại, che giấu sự việc là người phụ nữ không phải muốn hủy hoại thực phẩm, mà muốn có thực phẩm tốt thay thế hàng xấu.

Thế là đám đông tấn công người phụ nữ và bắt đầu sỉ nhục bà. Người phụ nữ có thể lặp lại nhiều lần như bà giải thích rằng không phải bà muốn hủy hoại việc cung cấp thức ăn mà trái lại, là người suốt đời sửa soạn thức ăn cho người khác và cho bản thân, bà chỉ yêu cầu những người đảm nhiệm việc cung cấp thức ăn cho dân sẽ không đầu độc họ bằng hàng hóa độc hại. Không kể bà nói nhiều bao nhiêu và nói những gì đi nữa, người ta không nghe bà, vì đã chắc chắn là bà muốn cướp đi của họ những thức ăn cần thiết của họ.

Cũng một số phận như vậy rơi vào tôi và các quan điểm của tôi về khoa học và nghệ thuật thời đại ngày nay. Tôi đã cung cấp suốt đời thức ăn đó và đã bỏ công sức khi tôi có thể cung cấp nó cho người khác, tốt hoặc xấu. Và vì đối với tôi nó là thức ăn chứ không phải một vật để buôn bán hoặc để chơi bời. Tôi biết chắc khi nào thức ăn đó là thức ăn, và lúc nào nó chỉ đơn giản trông có vẻ như thức ăn. Và khi tôi đã ném thức ăn bán ở thị trường khoa học và nghệ thuật ở thời đại chúng ta, và đã



thử nuôi những người thân của tôi bằng thức ăn đó, tôi biết rõ rằng phần lớn thức ăn đó là rơm. Và khi tôi nói rằng khoa học và nghệ thuật mà những người buôn bán ở chợ trí tuệ đều là macgarin hoặc ít nhất là trộn lẫn với những thứ xa lạ với khoa học thực và nghệ thuật thực, và rằng tôi biết điều đó vì sản phẩm tôi đã mua ở chợ trí tuệ đó là không tiêu hóa nổi, hơn thế, đích thực là độc hại, cho tôi và những người thân của tôi - khi tôi nói thế, người ta bắt đầu mắng mỏ tôi và sỉ nhục tôi và nói lải nhải làm rác tai tôi rằng tôi vô học, và không biết đối xử với những thứ cao quý đó. Nhưng khi tôi bắt đầu chứng minh rằng những người buôn bán những hàng hóa trí tuệ đó đều thường xuyên buộc tội lẫn nhau là gian lận, khi tôi nhắc họ rằng mọi thứ độc hại và xấu luôn luôn được dành cho người ta dưới cái tên khoa học và nghệ thuật, và có một mối nguy lớn từ đó cho đến cả ngày nay, rằng đó là một thứ nghiêm trọng chết người - rằng chất độc trí tuệ ngàn lần nguy hiểm hơn chất độc thể chất, và rằng do vậy những sản phẩm trí tuệ cung cấp cho chúng ta như thức ăn phải được kiểm tra với sự cẩn thận tối đa; và những gì giả và độc hại phải được cẩn thận loại bỏ - khi tôi nói những điều đó ra, không một ai, không một người nào viết một tuyên bố đơn giản hay một cuốn sách để bác bỏ những lời tôi nói. Nhưng những người ở các cửa hiệu thét lên với tôi cũng như với người phụ nữ nọ: Hấn là một thằng điên. Hấn muốn phá hủy khoa học và nghệ thuật, những thứ nuôi sống chúng ta.

Hãy chú ý đến hấn và đừng nghe hấn! Hãy đến với chúng tôi, với chúng tôi! Chúng tôi có những hàng hóa ngoại mới nhất!

### **Bài ngụ ngôn thứ ba**

Những người đi đường đang chu du trên đường. Rồi xảy ra việc họ ra khỏi đường chính, và con đường bây giờ họ phải đi không còn trơn tru nữa; nó đi qua những đầm lầy, những bụi rậm, giữa gai góc, có những khúc gỗ mới xẻ làm nghẽn con đường; và việc tiến lên ngày càng khó khăn hơn.

Lúc đó, những người đi đường tách ra làm hai nhóm: một nhóm quyết định đi gấp, luôn theo hướng họ đang đi. Họ nói với mình và với những người khác rằng họ không bao giờ đi lạc khỏi hướng đúng, và chắc chắn sẽ đi đến mục tiêu của cuộc đi. Nhóm thứ hai quyết định, vì hướng họ đang chuyển vào rõ ràng là sai - nếu không họ đã đi từ lâu đến nơi họ định đến -, họ lùng tìm đường. Nhưng để tìm ra đường, họ phải tiếp tục đi càng nhanh càng tốt về mọi hướng. Vì vậy những người đi đường được chia theo hai ý kiến: một số quyết định đi gấp về phía trước, một số quyết định tỏa ra mọi hướng. Có một người không đồng ý với ý kiến nào. Anh

nói trước khi tiếp tục đi theo cùng hướng như trước hoặc bắt đầu đi gấp về mọi hướng hi vọng tìm ra con đường đúng, họ phải đứng im, suy nghĩ kĩ tình hình và sau khi suy nghĩ kĩ, đi theo đường này hay đường kia. Nhưng những người đi đường quá bị kích thích bởi sự lạc đường và quá lo lắng về hoàn cảnh của mình, họ rất mong tự an ủi bằng hi vọng không bị lạc, nhưng mới chỉ đi chệch một đoạn ngắn sẽ tìm ngay được đường đúng thôi. Và trên hết họ rất muốn làm vơi nỗi lo sợ của mình bằng cách tiếp tục đi, đến mức cả hai nhóm thường tiếp nhận ý kiến người khác với sự bức tức, những lời chê trách và sự khinh bỉ. Một nhóm nói: lời khuyên này là sản phẩm của sự yếu đuối, sự hèn nhát, sự lười biếng.

Một cách tốt đến được nơi ta đang định đến là dừng lại đây không đi tiếp nữa! Những người khác nói. Đó là điều làm người có nghĩa là gì; đó là tại sao chúng ta được cung cấp sức mạnh để đấu tranh và thành công, để vượt qua trở ngại thay vì nhút nhát chịu thua; những người khác lại nói.

Người duy nhất tách ra khỏi số đông có thể tuyên bố dù có luôn luôn thế nào đi nữa rằng đi lên về hướng sai chắc chắn sẽ không đưa lại gần hơn mà xa hơn mục tiêu của họ, và dao động giữa phía này và phía kia cũng không đưa họ tới đó; và cách duy nhất đạt mục tiêu là tìm hiểu hành trình của mình qua mặt trời và sao, và sau đó đi theo hành trình đúng; và để làm điều đó, trước hết họ phải dừng lại - dừng lại không phải để đứng im, mà để tìm ra

con đường đúng và sau đó kiên quyết đi về phía trước theo con đường đó -; mà việc phải làm là cả hai nhóm trước hết phải dừng lại và suy nghĩ. Nhưng dù anh có nói đến thế nào đi nữa, không một người nào nghe anh.

Và nhóm đầu những khách đi đường tiếp tục đi theo hướng họ đã đi. Nhóm thứ hai đi không mục đích về phía này rồi về phía khác, nhưng cả hai nhóm không nhóm nào đến gần mục tiêu chung. Thực ra họ không bao giờ đi ra khỏi các bụi rậm và cây gai, mà còn bị lạc nhau nữa.

Số phận của tôi cũng hoàn toàn như thế khi tôi thử diễn đạt sự hoài nghi của tôi rằng con đường đã đưa chúng ta vào rừng tăm tối của vấn đề lao động và vùng bùn lầy của sự vũ trang không cùng đang đe dọa nhấn chìm chúng ta có thể là con đường chúng ta phải đi, và sự tin tưởng của tôi rằng rất có khả năng chúng ta đã đi khỏi con đường đúng và do vậy chúng ta phải ngưng cuộc lang thang của chúng ta để tự hỏi xem, phán đoán theo cơ sở phổ biến và vĩnh cửu của sự thật đã được tiết lộ, chúng ta có đang đi theo hướng đã dự định không.

Không một người nào có câu trả lời cho câu hỏi đó. Không ai nói: "Chúng ta không sai lầm trong hướng đi của chúng ta, chúng ta không phải đang lang thang không mục đích; chúng ta tin chắc điều đó vì lí do này nọ". Không một người nào nói: "Có thể chúng ta đã đi lạc; nhưng chúng ta có một biện pháp không thể nhầm lẫn sửa lại sai lầm mà không phải ngừng lại". Không ai nói những điều như vậy

cả. Nhưng tất cả họ lao vào một cơn thịnh nộ, và cho rằng mình bị xúc phạm sâu sắc, và vội vàng la hét to lên để nhấn chìm tiếng nói đơn độc của tôi. “Chúng tôi đã mệt mỏi và chán ngán lắm rồi”, họ nói, “và đây, một người lại đến gieo rắc sự vô công rồi nghề, sự lừa dối, sự vô vị!” Một số còn nói thêm: “Vô công rồi nghề!” “Đừng nghe hắn - tiến lên, theo chúng tôi!” cả hai nhóm đều cùng kêu lên - những người tin ở một sự thoát nạn đang tiếp tục đi về cùng một hướng, hướng nào thì không quan trọng lắm; cũng giống như những người thấy sự thoát nạn ở sự tiến lên không mục đích về mọi hướng.

Nhân loại đã để lạc mất con đường và đang đau khổ. Bạn sẽ nghĩ rằng sự cố gắng đầu tiên và quan trọng nhất phải tỏ ra không phải là vội vàng tiến theo hướng đã đưa ta đến hoàn cảnh xấu hiện nay, mà phải dừng lại. Bạn sẽ nghĩ rằng sẽ đơn giản là chỉ có ngừng lại mới có thể cho phép chúng ta hiểu tình hình của chúng ta và tìm ra hành trình của chúng ta phải theo để đạt đến hạnh phúc chân chính không phải của một người, một nhóm, mà hạnh phúc chân chính chung của nhân loại, mà trái tim của tất cả mọi người và của mỗi người đều đang phấn đấu hướng tới.

Và điều gì xảy ra?

Con người coi trọng một ý tưởng có thể hành động trừ một điều duy nhất có thể cứu vãn họ - hoặc nếu không cứu được họ thì ít nhất cũng làm cho họ thoát hoàn cảnh của họ - tức là họ ngừng lại rồi chờ.

trong giây lát, chứ không tiếp tục tăng thêm sự bối rối bằng hoạt động sai hướng. Con người cảm nhận sự bất hạnh của hoàn cảnh mình và đang tìm mọi cách thoát ra. Nhưng điều duy nhất chắc chắn có thể làm khuấy khỏa họ, họ không làm với mọi giá và lời khuyên làm điều đó làm họ lực bội hơn bất cứ điều nào khác.

Nếu còn có một thoáng nghi ngờ rằng chúng ta đã đi lạc đường, thái độ của con người đối với lời báo rằng họ phải nhớ ra, sẽ chứng tỏ rõ ràng hơn bất cứ cái gì khác là chúng ta xiết bao bơ vơ không nơi nương tựa khi lạc đường và nỗi thất vọng của chúng ta to lớn biết dường nào.

## VUA ASARADÔNG<sup>(\*)</sup>

Asaradông, vua của Atxiri, chiếm vương quốc của vua Lailiê, cướp phá và thiêu đốt tất cả các thành phố, cưỡng bức tất cả dân cư về xứ ông, giết những chiến binh và nhốt vua Lailiê vào một cái chuồng.

Trong khi đang nằm trên giường ban đêm, vua Asaradông cân nhắc cách sát hại Lailiê. Bỗng ông nghe một tiếng động bên ông. Ông mở mắt, và nhìn thấy một người cổ xưa có râu dài hoa râm và cặp mắt dịu hiền.

Con người cổ xưa hỏi: “Ông muốn hành hình Lailiê?”

“Vâng”, nhà vua trả lời. “Chỉ có điều là tôi chưa nghĩ ra cách sát hại ông ấy”.

“Nhưng bản thân ông là Lailiê.”, người cổ xưa nói.

“Không đúng” nhà vua nói. “Tôi là tôi và Lailiê là Lailiê.”

“Ông và Lailiê là một”, người cổ xưa nói. “Ông

---

(\*) Asaradông (tiếng Pháp Assurhaddon) Vua Atxiri (780 - 669 trước Công nguyên). Ông mở rộng và tăng sự hùng cường của đất nước bằng cách đánh chiếm miền Bắc Ai Cập

nhằm nếu ông nghĩ rằng ông không phải là Lailiê và Lailiê không phải là ông.”

Nhà vua nói: “Tôi nhằm?” Không phải là tôi đang nằm đây trên giường đệm êm ư, các nô lệ không vây quanh tôi và đang thi hành các mệnh lệnh của tôi ư? Không phải là ngày mai tôi tiệc tùng với các bạn bè như hôm nay. Trong khi Lailiê ngồi như con chim trong lồng, và ngày mai sẽ quần quai bên cái cọc với cái lưỡi cưa dài ra cho đến khi chết và bây chớ sẽ xé xác hấn ra hay sao?

Con người cổ xưa nói: “Ông không thể hủy hoại cuộc đời của ông ta”.

Nhà vua nói: “Và bốn mươi nghìn chiến binh tôi sát hại và chất thành núi thì sao? Tôi sống, và họ không còn nữa. Nhà người thấy ta có khả năng hủy hoại sự sống.”

“Làm sao ông biết là họ không còn nữa?”

“Tôi không thấy họ. Nhưng điều chủ yếu là họ đau đớn trong cơn hấp hối, còn tôi thì không. Số phận họ xấu, số phận tôi tốt”.

“Cả ở đây nữa, ông cũng sai lầm. Ông tự gây nên cơn hấp hối của mình, không phải họ”.

“Tôi không hiểu nhà người”, nhà vua nói.

“Ông muốn hiểu không?”

“Vâng, có.”

“Hãy đi nhanh sang đây”, người cổ xưa nói và chỉ một cái bể nước”.

Asaradông làm như người cổ xưa bảo.

“Và bây giờ, ngay khi tôi bắt đầu dội nước này vào ông”, người cổ xưa nói, vừa múc một bát nước



dây, “hãy nhào đầu ông xuống đó”.

Người cổ xưa lật nghiêng cái bát bên trên đầu vua và nhà vua nhào đầu vào dưới đó.

Nhà vua vừa mới nhào đầu vào thì cảm thấy mình không phải là Asaradông, mà một người nào khác; và vào lúc ông cảm nhận bản thân mình là một người nào khác, ông thấy mình nằm trong một cái giường sang trọng với một người đàn bà đẹp bên cạnh. Trước đây ông chưa thấy người đàn bà này bao giờ, nhưng ông biết đó là vợ ông và người đàn bà trở dậy và nói với ông: “Lailiê, chồng yêu dấu của em, người mệt vì những thử thách gay go mấy ngày qua, vì vậy người đã ngủ lâu hơn mọi khi, nhưng em đã canh chừng giấc ngủ của phu quân và không đánh thức người dậy. Nhưng bây giờ các hoàng tử đang đợi người ở đại sảnh. Xin người mặc áo quần vào và ra tiếp họ”.

Nghe những lời đó, Asaradông thấy rõ mình là Lailiê. Ông không ngạc nhiên, ông chỉ ngạc nhiên là đã không biết điều đó trước đây. Và ông trở dậy, mặc áo quần vào đi ra đại sảnh, ở đó các ông hoàng đang đợi ông.

Các hoàng tử chào mừng Lailiê, nhà vua của họ, với một lòng tôn sùng sâu sắc, lúc đó họ đứng nghiêm và qua lệnh của Lailiê, ngồi xuống trước mặt ông. Hoàng tử lớn tuổi nhất lên tiếng: “Những lời lăng mạ của nhà vua độc ác Asaradông không còn có thể tha thứ được nữa và ta phải tuyên chiến.”

Nhưng Lailiê không đồng ý. Ông ra lệnh gửi phái viên tới Asaradông để thức tỉnh lương tâm ông ta.

Và Lailiê cho các hoàng tử rút lui. Rồi ông cử một vài nhà quý tộc làm phái viên, và khắc sâu vào tâm trí họ tất cả những chi tiết của thông điệp mà họ phải lấy ở ông để trao cho vua Asaradông.

Khi đã làm xong điều đó, Asaradông - mà cứ nghĩ mình là Lailiê đi vào núi để săn lừa. Bản thân ông giết hai con lừa, sau đó ông quay về nhà, tiệc tùng cùng bạn bè và xem những cô gái nô lệ nhảy múa.

Ngày hôm sau, đúng theo tục lệ, ông đi xuống cái sân trong, ở đó những người thỉnh cầu, những bị cáo, những nguyên cáo đang chờ đợi ông và ông xử kiện. Rồi ông lại đi săn, thú vui mà ông yêu thích hơn cả; và ngày hôm đó ông lại giết một sư tử cái già và lấy đi hai con sư tử con.

Sau một cuộc săn, ông lại dự tiệc với các bạn bè, hưởng âm nhạc và khiêu vũ, và sống buổi tối với người vợ yêu quý.

Các phái viên cuối cùng trở về sau một tháng, mũi và tai bị cắt.

Vua Asaradông gửi cho Lailiê mấy chữ nói rằng những gì đã xảy ra với các phái viên cũng sẽ xảy ra với ông nếu ông không gửi ngay lập tức một số cống phẩm như bạc, vàng, gỗ bách và nếu ông không thân hành đến để tỏ lòng kính trọng ông ta.

Lailiê, đã một lần là Asaradông, lại triệu tập các hoàng tử, và hỏi ý kiến họ xem phải làm gì. Tất cả đều đồng ý không phải đợi Asaradông tấn công mà phải đánh chiếm nước của ông ta. Nhà vua đồng ý, đặt mình đứng đầu đội quân và ra trận. Họ

đi bảy ngày; hàng ngày nhà vua duyệt đội quân của mình và động viên tinh thần các binh sĩ.

Ngày thứ tám đội quân của Lailiê gặp đạo quân của Asaradông trong một thung lũng rộng dọc bờ một con sông. Các toán quân của Lailiê chiến đấu dũng cảm, và Lailiê (một lần đã là Asaradông) thấy quân thù từ núi tràn xuống như ong, tràn lan khắp thung lũng và áp đảo đạo quân của ông. Trong chiếc chiến xa, ông lao vào chỗ hiểm nguy nhất của trận đánh, công kích và đả kích quân thù. Nhưng binh sĩ của Lailiê chỉ là hàng trăm, mà binh sĩ của Asaradông là hàng nghìn và bản thân Lailiê bị thương và bị cầm tù.

Lailiê đi trong chín ngày, bị xích với các tù binh khác, giữa các chiến binh của Asaradông.

Đến ngày thứ mười, ông bị đem đến Ninêvê<sup>(\*)</sup>, nhốt trong một cái lồng. Lailiê chịu đựng những hành hạ về đói và vết thương, nhưng lớn hơn là sự hành hạ vì nhục nhã và sự tức giận bất lực. Ông cảm thấy không có khả năng trả đũa kẻ thù vì những điều ác độc ông ta phải chịu.

Ông chỉ có thể làm được một điều: ông liên không để kẻ thù của ông vui sướng thấy ông phải đau khổ, và thế là ông có một ý định rất đàn ông là dù cái gì đến với ông, vẫn chịu đựng không kêu ca phàn nàn.

---

(\*) Ninêvê (tiếng Pháp *Ninève*) - Thành phố trên sông Tigơ; thành lập vào thế kỉ thứ VI trước Công nguyên, trở thành Thủ đô của Axiri dưới thời Semasorit. Sự hủy diệt của thành phố này năm 612 trước Công nguyên đánh dấu sự cáo chung của Đế chế Axiri.

Hai mươi ngày sau, ông ngồi trong lồng chờ đợi bị hành hình. Ông nhìn thấy các người thân và bạn bè bị dẫn đến pháp trường, ông nghe thấy tiếng kêu rên của những người mà tay và chân bị chặt đứt hoặc bị lột da sống, và ông không tỏ ra bức bối hoặc thương xót hoặc lo sợ. Ông thấy những quan hoạn dẫn người vợ thân yêu của mình đi trong xích xiềng; ông biết rằng họ đang biến vợ ông thành nô lệ của Asaradông. Và cả việc này nữa, ông cũng chịu đựng không kêu ca.

Lúc này, hai người hành hình mở lồng, trói tay Lailiê ra đằng sau với một sợi dây da và dẫn ông đến chỗ hành hình đã đầm máu. Ông thấy cái cọc nhọn còn đầy máu từ cơ thể của người bạn ông vừa bị tách ra và ông biết rằng người ta làm cho cái cọc được rồi chỉ để hành hình ông.

Ông bị lột hết áo quần. Lailiê rùng mình về sự gầy mòn của cơ thể, đã một thời cường tráng và đẹp đẽ đến thế!

Hai đao phủ chop lấy cơ thể ông ở ngang hông, nâng nó lên và làm cho sẵn sàng để ném lên cọc.

Cái chết trước mắt ta, hủy diệt! Lailiê suy nghĩ. Ông đấu tranh nâng cao quyết tâm để giữ vững đến cùng một sự bình tĩnh dần ông. Ông khóc thổn thức và yêu cầu được tha. Nhưng không ai nghe ông.

Nhưng điều này là không thể được, ông nghĩ, đúng là ta đang ngủ. Điều này là một giấc mơ. Và ông làm một cử động mạnh để thức giấc. Ông nghĩ: xét cho cùng ta không phải là Lailiê, ta là Asaradông.

“Ông là Lailiê và anh là Asaradông,” ông nghe

một tiếng nói cất lên, và ông cảm thấy sự hành hình đang bắt đầu. Ông la lên và ngẩng đầu lên bên trên cái bể. Người cổ xưa đang cúi xuống phía trên ông, dội phần nước cuối cùng của cái bát lên trên đầu ông.

Tôi đã chịu đựng những cực hình đáng sợ biết bao! Và lâu biết mấy! Asaradông nói.

Người cổ xưa hỏi: “Bao nhiêu lần. Ông vừa đặt đầu ông xuống đáy thôi, và đã ngẩng lên lại rồi. Nhìn đây, nước trong bát chưa được dội ra hết. Bây giờ, ông đã hiểu chưa?”

Asaradông không trả lời, chỉ nhìn người cổ xưa trong nỗi kinh hoàng. Người cổ xưa nói tiếp: “Bây giờ ông đã hiểu chưa, rằng Lailiê và ông chỉ là một, rằng những binh sĩ mà ông giao nộp cho lũ thần là một với ông; mà không chỉ các binh sĩ, mà cả những con thú ông giết trong các cuộc săn bắt và ăn trong bữa tiệc, ông đã hiểu chưa? Ông nghĩ rằng chỉ mình ông có cuộc sống, nhưng tôi đã xé toang bức màn của sự sai lầm, và ông thấy ông đã làm cho bản thân ông tất cả cái ác mà ông đã làm cho người khác. Có một cuộc sống trong mỗi con người và ông một mình chỉ là một phần của cuộc đời đó. Và chỉ với phần riêng này của cuộc sống trong ông, ông có thể làm cho đời tiến bộ lâu nay hoặc làm cho nó tổn hại, mở rộng nó hay thu hẹp nó. Ông có thể làm cuộc sống của ông tiến bộ lên chỉ bằng cách hạ cái hàng rào chia cách cuộc đời ông với cuộc đời những người khác, bằng cách coi những người khác như bản thân mình, và yêu thương

họ. Nhưng hủy hoại cuộc đời ở những người khác không nằm trong khả năng của ông. Cuộc sống trong những người ông đã sát hại đã đi khỏi cái nhìn của ông, nhưng không ngừng tồn tại. Ông nghĩ đang làm cho cuộc đời mình dài hơn và cuộc đời những người khác ngắn hơn; nhưng ông không có khả năng làm điều đó. Bởi vì cuộc sống, nó không có trong thời gian và không gian. Cuộc đời là một chốc lát và cuộc đời là một ngàn năm; và cuộc đời ông và cuộc đời của mỗi sinh thể hữu hình hoặc vô hình trên đời là một. Chúng ta không thể hủy hoại cuộc đời và cũng không thể thay đổi nó, bởi vì chỉ có một cuộc đời độc nhất. Tất cả gì khác là sai lầm”.

Người cổ xưa nói xong, và biến đi.

Sáng hôm sau, vua Asaradong ra lệnh rằng Lailie và tất cả các tù binh phải được trả tự do, và không để một ai bị hành hình nữa.

Và ngày hôm sau nữa, ông gọi Asubanipal con trai ông và nhường ngôi. Bản thân ông rút lui vào sa mạc và ngẫm nghĩ về những gì ông học được. Sau đó ông đi lang thang như một người hành hương qua các thành phố và các làng mạc, rao giảng cho con người rằng tất cả cuộc đời là một, và con người chỉ làm hại mình khi nghĩ đến việc làm hại người khác.

## CON NGƯỜI SỐNG BẰNG GÌ

Chúng ta biết rằng chúng ta đã đi từ cái chết đến sự sống, bởi vì chúng ta yêu thương những người anh em. Ai không yêu thương người anh em của mình thì tồn tại trong cái chết. (I Giăng III, 14)

Nhưng ai dó có của cải của thế giới này và thấy người anh em của mình cần mà vội khép tấm lòng thông cảm lại với người ấy thì làm sao tình yêu thương Chúa ở được trong người này. (III, 17)

Các con bé bỏng của ta, chúng ta hãy đừng yêu bằng lời, cũng đừng yêu bằng lưỡi; mà yêu bằng việc làm và bằng sự thật. (III, 18)

Tình yêu thương là của Chúa, và người nào yêu thương thì sinh ra từ Chúa và biết Chúa. (IV, 7)

Không người nào nhìn thấy Chúa lúc nào cả. Nếu chúng ta thương yêu nhau, Chúa ở trong chúng ta, và tình yêu thương của Chúa sẽ được hoàn thiện trong ta. (IV, 12)

Chúa là tình yêu thương; và người nào sống trong tình yêu thương thì sống trong Chúa, và Chúa sống trong người đó. (IV, 16)

Nếu một người nói, Tôi yêu thương Chúa và ghét

người anh em của mình, người đó là một kẻ nói dối: vì ai không yêu thương người anh em của mình mà anh ta đã nhìn thấy, làm sao anh ta có thể yêu Chúa mà anh ta không nhìn thấy. (IV,20)

## I

Ngày xưa có một ông thợ giầy sống với vợ và các con trong một ngôi nhà của một người nông dân.

Ông ta không có nhà lẫn đất và nuôi sống bản thân và gia đình bằng lao động của hai bàn tay.

Bánh đất mà lao động thì rẻ, và ông kiếm được bao nhiêu ăn hết bấy nhiêu.

Ông và bà vợ chỉ có chung một chiếc áo choàng ngoài bằng da cừu, mà cũng đã sờn rách; và trong hai năm người thợ giầy đã có ý định mua da cừu để may một cái mới.

Khi mùa thu đến gần trên miền đất đỏ, người thợ giầy đã kiếm được một món tiền nhỏ: ba rúp vợ ông cất trong ngăn kéo, và các nông dân trong làng nợ ông năm rúp và hai mươi côpéc.

Vì vậy người thợ đóng giầy đi vào làng lúc sớm tinh mơ để mua da. Ông mặc chiếc áo choàng bằng bông may chần của vợ lên trên chiếc áo sơ mi của mình, mặc thêm ra ngoài chiếc áo *captan*<sup>(\*)</sup>, đút ba

---

(\*) *Captan* (tiếng Pháp *caftan*): áo dài Thổ Nhĩ Kỳ có thắt ngang lưng.



rút tiền giấy vào túi áo, bỏ một chiếc gậy và đi vào làng sau bữa ăn sáng. Ông nghĩ: năm rút lấy nợ của nông dân mình sẽ bỏ chung vào ba rút của mình, rồi mua da cừu cho chiếc áo.

Người thợ giấy vào làng và đến nhà một trong các nông dân. Người đàn ông không có nhà. Vợ người nông dân hứa sẽ bảo chồng đưa tiền ra trong vòng một tuần nhưng chị không đưa cho người thợ giấy gì cả. Ông đi đến nhà người nông dân thứ hai. Người này thề bằng tất cả những gì thiêng liêng rằng anh ta không có tiền, và chỉ đơn thuần trả hai mươi côpéc cho một miếng vá. Lúc đó, người thợ giấy nghĩ sẽ mua chịu tấm da cừu, nhưng người thợ thuộc da không bằng lòng bán chịu. Anh nói:

“Phiền ông mang tiền đến, ông có thể lấy cái gì ông muốn. Tôi biết một người phải chạy vay như thế nào sau các khoản nợ của mình”.

Thế là người thợ giấy phải trở về tay không; ông chỉ được hai mươi côpéc cho miếng vá, và phải mang theo về từ một nông dân vài đôi bột dạ cũ để thay đế.

Trong cơn bực mình người thợ giấy tiêu cả hai mươi côpéc vào rượu mạnh và về nhà không có tấm da cừu nào. Buổi sáng sớm ông cảm thấy lạnh; bây giờ có rượu vào ông cảm thấy ấm dù không có tấm da cừu nào. Và như vậy, người thợ giấy đi con đường của mình, một tay dùng gậy đánh những hạt băng đông lại, tay kia vung những chiếc bột dạ ra đằng sau và ra đằng trước, và mình nói chuyện với mình. Ông nói: “Ta ấm, dù không có da cừu. Một

cốc hoặc hai cốc giục giã máu trong các huyết quản. Cần gì đến da cừu? Ta đi đường ta và quên đi những ưu phiền. Đó là phong cách của ta. Ta có thể cần dùng gì hơn nữa? Ta không cần đến da cừu, không bao giờ cần nữa, suốt cả đời ta. Điều duy nhất xấu: mụn già sẽ lâu bầu. Và thật là xác xược, cái điều xảy ra đó. Anh lao động vất vả và thấu xương cho nó, mà nó xỏ mũi dắt anh đi quanh. Dừng lại! - nếu anh không trả tiền, tôi sẽ lấy cái thủ cấp của anh; tôi thể có Chúa tôi sẽ lấy cái đó của anh. Và hẳn muốn hàm ý gì khi đưa tôi hai mươi côpéc - tôi làm gì với hai mươi côpéc? Tốt nhất là tôi có thể uống một châu. Hẳn nói: "Tôi đang trong cảnh túng thiếu". Anh đang túng thiếu - còn tôi không túng thiếu ư? Anh có ngôi nhà, có súc vật, và còn nhiều hơn một tí; còn tôi chỉ có cái thân tôi thôi. Anh có bánh mì của riêng anh; tôi phải mua nó - tôi có thể có nó ở nơi tôi có thể có. Chỉ riêng bánh mì tôi đã phải trả mỗi tuần ba rúp rưỡi. Khi tôi đạt tới đích, bánh sẽ gần hết và tôi phải một lần nữa bỏ ra một rúp rưỡi. Anh phải đưa tôi cái anh nợ tôi".

Và thế là người thợ đóng giày đến cái nhà thờ nhỏ ở góc đường và phía sau nhà thờ ông thấy một thứ gì trắng đang le lói. Hoàng hôn đang xuống, người thợ giày nhìn và nhìn; nhưng không thể nhận dạng được đó có thể là cái gì. Không bao giờ có ở đó một tảng đá, ông nghĩ. Có thể một con vật ư? Nhưng nó không giống một con vật. Cái đầu giống đầu người, nhưng phần trắng có thể là cái gì? Và một con người sẽ làm gì ở đây? Ông đến gần và lúc

đó trông thấy nó khá rõ ràng. Là kì thay! - Một người đang ngồi kia, còn sống hay đã chết, hoàn toàn trần truồng tựa vào ngôi nhà thờ nhỏ, và không động đậy. Người thợ giấy rung mình. Một người nào đó phải đã bị giết, và những kẻ sát nhân đã cướp bóc và để anh ta lại đó: Nếu tôi đến gần, tôi sẽ trở nên liên lụy.

Và người thợ giấy tiếp tục đi. Khi ông đi vòng ở góc nhà thờ, ông không còn thấy người kia nữa. Anh đi tiếp; lúc đó anh quay lại nhìn và thấy ở kia, con người đã đứng tựa vào nhà thờ và đang động đậy, tưởng như để quan sát một cái gì. Người thợ giấy càng hoảng sợ hơn. Tôi sẽ đi đến chỗ người kia hay tiếp tục đi về nhà? Nếu tôi đến với người kia, một điều gì đó sẽ xảy ra. Ai có thể nói đó là điều gì? Không gì tốt đẹp đem đến cho anh ta ở đây. Nếu tôi quay trở lại với anh ta, anh ta có thể nhảy bổ vào tôi và bóp cổ tôi không thương tiếc; và nếu anh ta không bóp cổ tôi, tôi phải làm gì với anh - người ta có thể làm gì với một người trần truồng? Phải chăng tôi cần cởi áo quần từ cơ thể tôi để mặc cho anh ta? Ta tiếp tục đi thôi.

Và người thợ giấy rảo bước. Ông đúng là đã đi quá nhà thờ khi lương tâm ông thức dậy. “Đây là một con người đang chết trong hoạn nạn, và anh đi qua như một tên hèn nhát. Tôi giả sử anh bỗng chốc trở nên giàu và đang sợ anh ta sẽ cướp tài sản của anh” Xêmion, xấu hổ quá!

Và Xêmion quay trở lại và đi đến chỗ người kia.

Xêmion đi về phía người kia, nhìn anh ta và trông kia, đó là một người trai trẻ trong thời kì sức khỏe tốt đẹp nhất, không một vết thương trên người - anh ta chỉ bị lạnh cóng và hoảng sợ. Anh ngồi đó, tựa lưng vào bức tường, và không nhìn Xêmion, hình như anh ta quá yếu không mở mắt ra được. Xêmion đến gần anh và nhìn kìa! Bỗng người kia tỉnh lại, quay đầu, mở mắt và nhìn Xêmion. Và cái nhìn làm Xêmion tràn đầy tình thương yêu với người ấy. Ông ném những đôi bốt bằng da xuống đất, cởi thắt lưng ra, đặt thắt lưng trên các đôi bốt da, rồi cởi áo captan ra.

“Đây, cầm lấy cái này”, ông nói, “Đừng cảm ơn tôi. Mặc vào, thế, thế” Xêmion túm lấy người kia dưới hai cánh tay và kéo chân lên. Người kia đứng lên và ông thấy cơ thể anh ta sạch sẽ và tươi trẻ, tay chân đều không bị thương, và nét mặt dịu dàng và dễ thương. Xêmion ném chiếc captan qua hai vai anh ta, nhưng anh ta không thể xỏ tay vào ống tay áo được. Xêmion giúp anh xỏ tay vào, bao chiếc captan quanh người anh, cài cúc lại và cài dây thắt lưng lại.

Đoạn Xêmion lấy chiếc mũ lưỡi trai nghèo nàn mà ông đang đội, định đội vào cái đầu trần của người kia; nhưng cái đầu của anh lại bắt đầu lạnh. Gượng, ông nghĩ, đầu mình hoàn toàn hói còn anh ta có tóc dài và xoắn. Rồi, đội mũ lại. Tốt hơn là

cho anh ta đôi bốt thay vào.

Ông đặt anh ta ngồi xuống và mang bốt dạ vào cho anh.

Khi người thợ giày đã mặc cho anh như vậy, ông nói: “Bây giờ, người anh em, hãy cử động và cố làm cho ấm lên. Vấn đề sẽ tự nó được giải quyết không cần chúng ta. Anh bước được không?”

Người kia không cử động, anh nhìn Xemion một cách triu mến, nhưng không thốt ra được tiếng nào.

“Tại sao anh không nói gì cả? Chúng ta không thể sống mùa đông ở đây. Chúng ta phải tìm một chỗ để nghỉ lại. Đây, cầm cái gậy của tôi để tựa, nếu anh yếu. Nào, đi gấp về.”

Và người kia bước đi, và anh bước dễ dàng, cũng nhanh như người bạn đường của mình.

Trong lúc họ đang rảo bước theo kiểu đó, Xemion nói: “Anh ở đâu tới?”

“Tôi không phải người làng này”.

“Tôi biết hết những người của làng này. Làm sao mà anh ngẫu nhiên đến cái nhà thờ nhỏ?”

“Tôi không thể nói với ông.”

“Có ai làm anh đau đớn không?”

“Không ai làm tôi đau đớn cả. Đây là Chúa trừng phạt tôi”.

“Dĩ nhiên mọi cái đến từ Chúa, nhưng dù có thể đi nữa, anh cũng không thể tồn tại mà không có một mái nhà trên đầu. Con đường của anh dẫn tới đâu?”

“Đối với tôi hoàn toàn như nhau”.

Xemion bị bối rối. Người kia không có vẻ là một tên vô lại, anh ta ăn nói dịu dàng, nhưng không nói

một lời về bản thân mình. Và Xêmiôn suy nghĩ. Điều đó thường xảy ra trên đời và ông nói với người kia: Nghe này, hãy đến nhà tôi, và ít nhất anh cũng có thể nghỉ một chút."

Xêmiôn trên đường về nhà. Người kia sánh bước cùng ông, đi bên ông. Trong lúc đó gió đã nổi lên và thổi lạnh buốt vào áo dài của Xêmiôn. Cơn say rượu của ông đã dần tan, và ông cảm thấy lạnh. Và thế là ông bước trong gió, thổi mạnh, quấn chặt mình vào áo choàng của vợ, và suy nghĩ: "Bây giờ ta đã làm điều đó rồi. Ta đi mua da cừu và trở về không có áo captan và còn mang về một người trần truồng. Mụ già sẽ không vừa lòng! Và khi nghĩ về vợ, Xêmiôn trở nên bứt rứt khó chịu. Nhưng khi nhìn người lạ mặt, ông nhớ lại anh ta đã nhìn mình như thế nào ở sau nhà thờ nhỏ và trái tim anh khắp khởi mừng vui.

### III

Bà vợ Xêmiôn đã sửa soạn nhà cửa xong xuôi từ sớm. Bà đã bổ củi, lấy nước, cho các con ăn, bản thân cũng đã ăn sáng; bây giờ bà đang cân nhắc. Bà đang cân nhắc lúc nào sẽ bỏ bánh vào lò - hôm nay hay ngày mai. Vẫn còn một miếng bánh to tướng để lại kia.

Nếu Xêmiôn ăn trưa trong làng, bà nghĩ, và buổi

tối không ăn nhiều, bánh sẽ còn đến ngày mai.

Matoriona quay khoanh bánh trong lòng bàn tay và nghĩ: ta sẽ không bỏ các ổ bánh vào lò hôm nay. Không còn nhiều bột nữa đâu. Sẽ ăn khảm cho đến thứ sáu. Matoriona để bánh mì ra một bên, và ngồi xuống bàn vá chiếc áo sơ mi của chồng. Vừa may bà vừa nghĩ tới việc chồng đi mua da cừu để may áo khoác.

Mong sao người thợ thuộc da không lừa chàng. Ông già mình quá mộc mạc. Chàng không bao giờ lừa dối ai. Nhưng bất cứ đứa trẻ nào cũng có thể xỏ mũi dốt chàng. Tám rúp là cả một số tiền; phải mua được một tấm da cừu tốt. Cả khi nó không được thuộc nó vẫn là một tấm da cừu tốt. Mùa đông năm ngoái chúng mình đã sống không có da cừu. Chúng mình không thể đi ra bờ sông hoặc bất kì đâu. Và khi chồng mình đi ra ngoài, chàng phải mặc đủ mọi thứ ba rần. Cả hôm nay, chàng cũng phải mặc như thế khi ra đi, và chàng chẳng để một manh nào ở nhà. Chàng đi sớm. Đã đến lúc chàng trở về nhà. Mong sao ông già của mình không bị vướng vào đâu!

Vừa lúc bà già nghĩ như vậy thì ngưỡng cửa kêu cọt két và có người đi vào. Matoriona găm kim vào áo, và đi ra phòng ngoài. Kìa, có đến hai người - Xêmon và cùng với chàng một người đàn ông đi bột dạ, không có mũ.

Matoriona ngồi ngay thấy mùi rượu mạnh từ nơi chồng bà toát ra. Đúng, bà nghĩ, tôi đoán khá đúng, chàng đã bị mắc bẫy. Vì bà thấy ông trở về không

mặc áo captan, chỉ mặc áo choàng ngoài mà thôi. Và không đem theo về gì cả. Và không nói một tiếng. Và trông có vẻ thẹn thùng. Trái tim bà như ngừng đập. Chàng đã uống hết số tiền, bà nghĩ. Chàng đã vào một quán rượu với tên du đảng đầu tiên chàng gặp, và đỉnh cao nhất của tội chàng là chàng đã đưa hấn về nhà.

Matoriona để họ vào phòng. Bản thân bà cũng đi vào và thấy rằng người lạ mặt là một người gầy, mặc cái captan của vợ chồng bà. Không thấy có áo sơ mi dưới cái captan, và người ấy cũng không đội mũ. Anh ta đứng như anh ta đã đi vào, không cử động mà cũng không đưa mắt nhìn lên. Hấn không thể là một người lương thiện, bà nghĩ, nếu hấn thẹn thùng đến như vậy.

Matoriona đưa mắt u sầu nhìn và đi đến bên lò và đợi xem hai người có thể làm cái gì.

Xêmion gỡ mũ lưỡi trai ra. Ngồi xuống trên chiếc băng dài dường như không có gì xảy ra.

"Nào, Matoriona", ông nói, "chuẩn bị cơm tối đi".

Matoriona lau bầu cái gì đó trong mồm. Bà đứng bên cái lò, không nhúc nhích một ngón tay. Bà chỉ đơn thuần nhìn hết người này đến người kia và lắc đầu. Ông làm như không để ý đến gì cả, cầm tay người lạ mặt. Ông nói: "Ngồi xuống, người anh em. Chúng ta sẽ ăn tối!"

Người lạ mặt ngồi xuống chiếc băng dài.

"Tốt, nhà không nấu gì cả sao?"

Matoriona rơi vào một cơn thịnh nộ: Tôi có nấu, nhưng không phải cho các anh. Các anh đã nich



một bụng no say đến mất trí khôn, tôi biết. Anh đi vào làng để mua da cừu, và về nhà cái áo khoác cũng không có; mà anh còn mang về nhà tôi một tên du đảng nữa. Tôi không có bữa ăn tối cho các anh, những người nát rượu.

“Này Matoriona, mình đang nói điều điên rồ gì đấy? Trước tiên, mình sẽ hỏi ai là cái người...”

“Và anh hãy nói với tôi anh đã làm gì với số tiền”.

Xêmion thọc tay vào túi áo, lấy ra tờ giấy bạc và mở nó ra.

“Tiền đây, còn ông Toriphomông không chịu trả; ông khát đến ngày mai”.

Đến đó, Matoriona lại nổi cơn thịnh nộ mạnh hơn: “Anh không mua da cừu, và anh mặc chiếc áo captan cuối cùng của anh cho người nghèo túng này, và đưa hấn về nhà tôi”.

Vừa nói, bà vừa lấy tờ ba rúp nằm trên bàn, cất vào học bàn và nói: “Tôi không có bữa ăn tối. Tôi không thể mời ăn mỗi người nát rượu lộ liễu tôi gặp”.

“Đừng để lưỡi mình uốn theo lời đó, Matoriona. Hãy nghe điều gì người này nói với mình...”

“Một người điên khùng đang say có thể nói điều gì tốt đẹp? Tôi biết tại sao tôi không muốn cưới anh, anh một người nghiện rượu nặng. Mẹ cho tôi đồ bằng vải lanh và anh đã uống hết. Anh vào làng để mua da cừu và anh uống say.”

Xêmion tìm cách giải thích với vợ rằng ông chỉ tiêu có hai mươi côpếch để uống rượu. Ông cố nói với bà đã gặp người kia ở đâu. Nhưng Matoriona không để ông nói một câu, lưỡi của bà khua rang

ràng như một bánh xe cối xay gió. Bà lòi ra để kể về với ông những chuyện từ mười năm trước.

Và Matơriona nói và nói. Cuối cùng bà lao vào Xêmion, túm lấy ống tay áo: Trả tôi cái áo khoác ngoài. Cái áo khoác tôi bỏ ra và anh lấy đi và mặc vào. Đưa trả đây, anh đồ bất lương. Ghê tởm cho anh!”

Xêmion cố cởi cái áo khoác ra và quay các tay áo để cởi. Bà vợ giật mạnh và cái áo khoác bỏ ra theo từng đường chỉ. Bà kéo cái áo khoác đi, quăng nó lên trên đầu và chạy ra cửa. Bà bắt đầu đi ra ngoài, nhưng ngừng lại. Trái tim bà sục sôi căm giận, nhưng bà còn muốn biết anh chàng lạ mặt kia là ai.

#### IV

Thế là Matơriona ngừng lại và nói: “Nếu là người tốt, hẳn đã không trần truồng. Hẳn không có cả một cái áo sơ mi trên lưng. Và nếu anh không làm những gì anh bảo anh không làm, anh hãy nói anh đã đào đâu ra đức ông lớn này”.

“Thì chính đó là điều tôi muốn nói. Tôi đang đi, thì thấy người này, trần truồng và lạnh cóng, ngồi bên ngôi nhà thờ nhỏ. Không phải là mùa hè khi người ta muốn ngồi đó trần truồng. Chúa đặt tôi vào con đường của người này, hoặc cuộc đời của anh ta sẽ kết thúc. Phải làm gì? Cũng thường hay

xảy ra đủ! Tôi nhận anh ta, mặc áo cho anh ta và đưa anh ta về. Mình hãy bình tĩnh lại. Điều tôi làm là tội lỗi ư, Matoriona? Hãy nghĩ đến giờ tạ thế”.

Matoriona sắp bắt đầu mắng mỏ, khi mắt bà hướng về phía người khách lạ, và bà im lặng. Người khách lạ ngồi kia không động đậy. Anh ngồi im lặng ở mép ghế băng, như lúc đầu anh đã ngồi như thế, hai bàn tay vòng qua đầu gối, cái đầu chìm xuống ngực, mắt nhắm, hai lông mày nhú lại, dường như có cái gì đang làm anh đau đớn. Matoriona không nói một tiếng.

Nhưng Xêmion nói: “Matoriona, mình không có Chúa trong người chẳng?”

Matoriona nghe ông, nhìn người khách lạ một lần nữa và bỗng chốc trái tim bà rung động. Bà rời khỏi cửa, đi vào góc lò, rót một ít nước kovát<sup>(\*)</sup> và lấy chiếc bánh mì còn lại cuối cùng.

Bà nói: “Hãy ăn đi”

Xêmion chuyển người khách đến gần hơn. Ông nói: “Lại gần đây, anh bạn”

Xêmion cắt bánh mì nhúng vào nước kovát; họ bắt đầu ăn. Matoriona ngồi ở góc bàn, tay ôm đầu, nhìn người khách lạ. Và Matoriona động lòng trắc ẩn đối với người khách lạ và cảm thấy ưa thích con người này. Bỗng chốc, người khách lạ giãn lông mày ra và trở nên vui vẻ. Anh đắm đắm nhìn Matoriona và mỉm cười.

---

(\*) Kovát (tiếng Pháp *kvass*): một loại nước giải khát ở Nga và các nước Xlavơ, làm bằng hạt đại mạch ủ men chua.

Bữa ăn tối đã xong. Matoriona dọn dẹp và bắt đầu hỏi người khách lạ:

“Anh từ đâu đến?”

“Tôi không đến từ đây”.

“Cái gì đưa anh đến đây?”

“Điều đó tôi không thể nói”.

“Ai cướp của anh?”

“Chúa phạt tôi”.

“Anh nằm ở đó trần truồng như thế này?”

“Vâng, tôi nằm như thế, trần truồng và tê cóng. Lúc đó Xemion nhìn thấy tôi, động lòng thương tôi, cởi áo captan ra mặc cho tôi và bảo tôi đi theo bác ấy. Và ở đây, bác lại cho tôi ăn và uống, và thương xót tôi. Mong Chúa thưởng cho bác”.

Matoriona đứng dậy, lấy ở cửa sổ chiếc áo sơ mi cũ của Xemion mà bà đã vá và đưa cho người khách lạ. Bà cũng tìm kiếm được quần đưa cho anh.

“Đây, tôi thấy anh không có cả áo sơ mi. Mặc vào và đi ngủ. Ở đâu anh thích, trên ghế băng hoặc trên nóc lò.”

Người khách lạ cởi áo captan ra, mặc áo sơ mi và nằm xuống ghế băng. Matoriona tắt đèn, cầm chiếc captan, và bò vào cạnh chồng.

Matoriona đắp với một đầu của chiếc captan, nhưng vẫn thức. Bà không thể nào để hình ảnh người khách lạ rời khỏi tâm trí.

Khi bà nhớ là đã ăn hết đến miếng bánh mì cuối cùng và không còn lấy một mẩu nhỏ cho ngày mai, khi bà nghĩ là đã cho sơ mi và quần, bà cảm thấy bất hạnh. Nhưng khi nhớ lại người khách đã mỉm

cười như thế nào, trái tim bà tràn đầy niềm vui. .

Matoriona nằm không ngủ một lúc lâu và có thể nghe thấy Xêmon cũng không ngủ và đang kéo chiếc captan về phía ông.

“Xêmon” .

“Ê?”

“Chúng ta đã ăn hết miếng bánh mì cuối cùng rồi và tôi không bỏ gì vào lò cá. Tôi không biết ngày mai ta sẽ làm gì? Tôi sẽ kiếm một ít ở bà già nhà bên cạnh vậy.”

“Nếu chúng ta còn sống, chúng ta còn có cái để ăn”.

Bà nằm yên không nói gì:

“Xét cho cùng, anh ta có vẻ là một người lương thiện đấy. Nhưng lạ quá, anh ta không nói gì về mình cả.”

“Chắc anh ta không nói được”.

“Xem(\*)”

“Ê?”

“Chúng ta cho người khác, nhưng tại sao không ai cho chúng mình cả?”

Xêmon không biết nói lại thế nào.

“Thôi, đừng nói chuyện nữa”. Ông cuộn tròn lại và ngủ thiếp đi.

---

(\*) Gọi thân mật bằng cách rút gọn tên là một thói quen trong ngôn ngữ Tây Âu, đặc biệt ở Nga. Xem rút gọn của Xêmon.

Sáng hôm sau Xêmon thức dậy. Mấy đứa trẻ đang ngủ; vợ ông đã sang các nhà láng giềng để mượn bánh. Chỉ có người lạ mặt hôm qua đang ngồi trên chiếc ghế băng, mặc quần và áo sơ mi cũ, mắt ngược nhìn lên. Và mặt anh hôm nay trông sáng sủa hơn hôm trước.

Và Xêmon nói: “Nghe đây anh bạn: cơ thể đòi bánh mì; tứ chi trần trụi đòi quần áo. Con người ta phải ăn. Loại việc gì anh có thể làm?”

“Tôi không thể làm gì cả”.

Xêmon ngạc nhiên nói: “Chỉ cần con người muốn thôi. Có thể học làm một việc gì đó.”

“Người ta làm thì tôi cũng sẽ làm”.

“Tôi gọi anh bằng gì?”

“Maicon”.

“Rất tốt, Maicon. Anh không muốn nói gì cả với tôi về anh. Nhưng con người ta phải ăn. Anh sẽ làm công việc tôi giao, rồi tôi sẽ cho anh cái gì để ăn”.

“Có thể Chúa sẽ thưởng anh. Tôi có thể học. Hãy chỉ cho tôi xem tôi phải làm gì.”

Xêmon lấy chỉ quấn quanh các ngón tay và thắt một cái nút.

“Không có gì bí mật lớn. Hãy nhìn kĩ”.

Maicon nhìn kĩ, quấn chỉ xung quanh các ngón tay đúng như người thợ giấy làm và thắt một cái nút.

Sau đó Xêmon bày cho anh cách khâu diêm. Cả việc này nữa, Maicon cũng hiểu ngay. Sau đó ông thấy

dạy cho anh cách dệt lông cứng, cách sử dụng dùi, và những việc này Maicon cũng hiểu ngay lập tức.

Mỗi quy trình Xêmission dạy cho anh, anh học được ngay lập tức và sau ngày thứ ba, anh bắt đầu làm việc như anh đã khâu giấy cả đời. Anh làm việc không cựa quậy khỏi chỗ và ăn ít. Nếu không có việc, anh ngồi hàng giờ, mắt nhìn lên. Anh không rời khỏi căn phòng, không nói một từ không cần thiết và không cười.

Chỉ một lần họ thấy anh cười; đó là buổi tối đầu tiên, khi người đàn bà dọn cho anh ăn bữa tối.

## VI

Ngày tháng trôi đi. Một năm đã qua từ khi Maicon làm việc ở nhà Xêmission.

Uy tín người thợ của Xêmission lan tràn khắp nơi. Người ta nói: Không ai làm được những đôi boots đẹp và bền như người thợ của Xêmission - Maicon. Và người ta đến từ rất xa xung quanh để đặt boots ở Xêmission, và Xêmission trở nên ngày càng thịnh vượng.

Rồi một ngày mùa đông, Xêmission và Maicon đang ngồi làm việc khi một chiếc xe ngựa có ba con ngựa kéo, với tiếng chuông khua leng keng đến đỗ trước cửa nhà Xêmission. Họ nhìn qua cửa sổ. Xe dừng, một người trai trẻ nhảy xuống từ thùng xe và mở cửa. Một nhà quý tộc mặc áo choàng lông thú ra khỏi

xe. Ông ra khỏi xe, tiến về phía ngôi nhà của Xêmon và bước lên bậc thềm. Matoriona lao ra đón và mở toang cửa. Nhà quý tộc cúi xuống, đi vào phòng và lại đứng thẳng lên. Đầu ông gần chạm trần và ông choán cả một góc phòng.

Xêmon đứng dậy, cúi chào và ngạc nhiên nhìn người quý tộc. Chưa bao giờ ông thấy một con người như vậy. Bản thân Xêmon gầy gò; Maicon thì ốm yếu, Matoriona thì mỏng như một vỏ bào; còn người này thì giống một người ở thế giới khác đến. Gương mặt đỏ và béo húp híp; cổ như cổ một con trâu mộng, toàn bộ vóc người như đúc bằng thép.

Nhà quý tộc ngừng lại để lấy hơi. Ông ta cởi cái áo lông thú ra, ngồi xuống ghế băng và nói: “Ai là thợ cả?”

Xêmon bước lên và nói: “Thưa ngài, tôi”.

Nhà quý tộc gọi người nhà: “Này, Phêđin, đem da thuộc vào đây”.

Người nhà đi vào với một gói. Nhà quý tộc cầm lấy cái gói và đặt lên bàn.

“Hãy mở nó ra”. Người nhà mở cái gói.

Nhà quý tộc lấy một ngón tay sờ vào da thuộc và nói với Xêmon. “Nghe đây, bác thợ giầy, bác có thấy da thuộc đây không?”

“Tất nhiên, thưa ngài”.

“Ừ, và bác có hiểu loại da nào đây không?”

Xêmon ngửi vào da và nói: “Da thuộc tuyệt diệu.”

“Tôi hi vọng như vậy! Chắc bác trước đây chưa bao giờ thấy loại da thuộc như thế này, phải không, bác thộn? Đây là da thuộc của Đức và giá hai



mười rúp”.

Xêmion, quá kính nể, nói: “Làm sao tôi được thấy loại da này?”

“Tất nhiên! Bác có thể đóng boots vừa chân tôi với loại da này không?”

“Vâng, được, thưa Ngài”

Vừa lúc ấy, nhà quý tộc thét lên với Xêmion: “Nói thì dễ đấy, bác ạ! Hãy nhớ bác đóng cho ai và loại da là loại nào. Đóng cho tôi đôi boots đi trong một năm không nứt nẻ và không có chỗ vằn cong. Nếu bác làm được, bắt tay làm đi và cắt da; nếu bác không làm được, để nó thế và đừng cắt da ra. Ta nói thật với bác rằng nếu boots nứt nẻ và có chỗ oằn cong trước một năm, ta sẽ bỏ tù bác. Nếu không nứt nẻ và oằn cong, ta sẽ cho bác mười rúp vì công việc của bác”.

Xêmion trở nên lo sợ. Ông không biết nói thế nào. Ông đưa mắt nhìn Maicơn, thúc tay vào sườn anh và hỏi nhỏ: “Có nhận không?”

Maicơn gật đầu “Đừng sợ - cứ nhận công việc ấy đi.”

Xêmion nghe lời người thợ của mình và bắt tay đóng đôi boots đi một năm không bị oằn cong hoặc nứt nẻ.

Nhà quý tộc gọi người nhà và bảo anh ta rằng hãy cởi chiếc boots trái ra. Đoạn, ông đuổi chân ra: “Đo cho tôi”.

Xêmion lấy một cái băng giấy dài nửa en<sup>(\*)</sup>, quỳ

---

(\*) En (tiếng Anh *ell*): đơn vị đo chiều dài bằng 113 cm

xuống, lau tay cẩn thận vào cái tạp dề để khỏi làm bẩn tất nhà quý tộc và bắt đầu lấy các số đo. Trước tiên Xémion đo cái đế, đoạn ông đo phần mu. Rồi ông bắt đầu đo phần phủ bắp chân nhưng băng giấy của ông không đủ dài. Bàn chân khổng lồ có một phần phủ bắp chân như một cái đôn lớn.

“Chú ý để khỏi đóng quá chặt ở ống chân.”

Xémion may một miếng khác nối vào băng giấy. Nhà quý tộc ngồi đó, động đậy những ngón chân trong tất, và nhìn những người trong phòng. Đoạn ông chú ý đến Maicon.

Ông nói: “Bác có ai đấy?”

“Đó là người thợ giày bậc thầy của tôi. Anh ta cũng góp sức vào việc đóng đôi boots của ông.”

Nhà quý tộc nói với Maicon: “Thận trọng nhé. Đừng quên rằng đôi boots phải đi được trong một năm.”

Xémion nhìn quanh về phía Maicon, và thấy rằng Maicon không để ý nhìn gì nhiều lắm đến nhà quý tộc. Anh đứng ở góc phía sau nhà quý tộc và dường như đôi mắt đang dăm dăm nhìn vào ai đó; bỗng nhiên anh mỉm cười và cả khuôn mặt rạng rỡ hẳn lên.

“Anh còn đứng như vậy ra cười gì đấy, anh thộn! Tốt hơn là anh nên quan tâm sao cho đôi boots được đóng thật đúng hạn”.

Và Maicon đáp: “Boots sẽ xong thật đúng hạn”.

“Tôi hy vọng như vậy”.

Lúc này nhà quý tộc đã lại mang boots vào, thân thể được bọc ấm áp trong áo lông thú, và đi ra cửa. Nhưng ông quên cúi xuống nên cụng đầu vào cái xà bên trên cửa.

Ông ta chửi rửa và lau trán. Đoạn ông lên xe và đi thẳng.

Khi nhà quý tộc đã đi rồi. Xêmion nói: Một con người bằng thép. Cú đụng không thể giết chết ông ấy. Ông ta gần như hạ cái xà xuống với cái đầu, thế mà nó không làm ông bị thương.”

Nhưng Matoriona nói: “Với cuộc đời như của họ, tại sao họ không khỏe mạnh hơn được. Thậm chí đến cái chết cũng không sờ được vào mặt ông khổng lồ như vậy.”

## VII

Và Xêmion nói với Maicon: “Tốt, chúng ta đã nhận công việc; giá như chúng ta không mang một cây thánh giá trên lưng chúng ta. Da thuộc này quý và không đùa được với nhà quý tộc đâu. Chúng ta không được cắt sai da thuộc. Cậu làm nhé, cậu có con mắt tinh hơn và tay khéo léo hơn; mẩu đây. Cậu cắt da, còn tớ, trong lúc đó tớ lo cái mũi giấy.

Maicon làm như thấy bảo, lấy tấm da thuộc của nhà quý tộc, trải ra trên mặt bàn, đặt mảnh này trên mảnh khác, cầm con dao và bắt đầu cắt.

Matoriona chợt đến và nhìn. Bà thấy Maicon dùng kéo lớn và bối rối không biết anh ta đang làm gì. Matoriona am hiểu công việc đóng giày và bà nhìn thấy Maicon không phải cắt da theo kiểu đóng giày mà đang đưa kéo to quanh mép tấm da.

Matơriona toan nói điều gì. Nhưng bà nghĩ có thể bà không hiểu người ta đóng giấy cho một nhà quý tộc như thế nào. Có lẽ Maicơn sành hơn. Mình không nên can dự vào.

Maicơn cắt hai lớp da; đoạn anh lấy một sợi chỉ và bắt đầu khâu - không phải với hai sợi như người thợ giấy vẫn làm, mà chỉ với một sợi đơn, như thế để khâu giấy tang.

Điều này cũng làm Matơriona bối rối, nhưng bà không muốn can dự. Và Maicơn khâu rồi khâu. Họ ăn tối, sau đó, Xêmion đứng dậy và thấy Maicơn đã khâu giấy tang với tấm da thuộc của nhà quý tộc.

Xêmion rên rĩ la to. Ông nghĩ: "Sao có thể như vậy được? Cả một năm Maicơn ở với tôi và không phạm một lỗi nào, và bây giờ nó gây ra cho tôi một tai họa như thế này. Nhà quý tộc đặt làm giấy ống có để khâu, thế mà Maicơn làm giấy tang không để, và đã phá hỏng tấm da thuộc. Tôi làm sao dàn hòa với nhà quý tộc? Chúng ta không thể tìm đâu ra da thuộc như thế một lần nữa."

"Anh đã làm cái gì thế?", ông nói, "Anh bạn tốt ơi, anh sẽ là cái chết của tôi! Nhà quý tộc đặt đóng bốt, còn anh làm cái gì vậy?"

Ông thấy vừa mới bắt đầu quả trách Maicơn thì có người gõ vào cửa: Cộp, cộp! Họ nhìn qua cửa sổ. Một người cưỡi ngựa đứng ở đấy, vừa giật mạnh cương cho ngựa dừng lại. Họ mở cửa và người nhà của nhà quý tộc đi vào.

"Chào ông".

"Xin chào! Có tin gì mới?"

“Bà chủ bảo tôi đến về đôi bớt”.

“Cái gì về đôi bớt?”

“Cái gì về đôi bớt? Ông chủ không cần đến bớt. Ông chủ chúc ông sống lâu.”

“Ông nói gì?”

“Ông chủ tôi không sống để về được tới nhà; ông mất trong xe. Khi chiếc xe về đến trước nhà, chúng tôi xuống xe để giúp ông, ông đã nằm đấy như một cái bị. Ông nằm đó, đã là một cái xác. Khó khăn lắm chúng tôi mới đưa ông được ra khỏi xe. Vì vậy bà chủ sai chúng tôi đến đây. Bà nói: “Nói với người thợ giầy đã có một nhà quý tộc đến đặt đóng một đôi bớt và đã để da thuộc lại. Hãy nói với ông ấy bây giờ không cần đến bớt nữa mà phải cắt giầy tang cho người đã mất với tấm da thuộc càng nhanh càng tốt, và anh đợi ở đấy cho đến lúc giầy tang đã được cắt, và đem giầy tang về.” Và thế là tôi đến đây.

Maicon lấy phần da còn thừa ở trên bàn, buộc tròn lại, lấy đôi giầy tang đã khâu xong, vỗ vỗ hai chiếc vào nhau, lau chúng với cái tạp dề và đưa cho anh người nhà. Anh này nhận đôi giầy tang.

“Tạm biệt, và một ngày tốt đẹp cho anh”.

## VIII

Một năm trôi qua, rồi năm thứ hai, và chẳng bao lâu sáu năm đã trôi qua kể từ ngày Maicon đến ở

nhà Xêmon. Cuộc đời của anh luôn luôn vẫn như thế. Anh không đi đâu, không bao giờ nói một từ không cần thiết, và suốt thời gian đó, anh chỉ mỉm cười hai lần - một lần khi người đàn bà cho anh ăn bữa tối, lần thứ hai khi nhà quý tộc đến. Xêmon vô cùng hài lòng với người thợ công nhật của mình. Ông không bao giờ hỏi anh từ đâu đến nữa; ông chỉ sợ Maicon có thể muốn từ bỏ ông.

Thế rồi một hôm họ đang ngồi trong nhà. Bà chủ nhà đặt cái ấm sắt lên bếp lửa; các đứa con đang chạy lăng xăng trên cái ghế băng và nhìn ra cửa sổ. Xêmon đang ngồi cạnh một cửa sổ, gõ búa, còn Maicon đang ngồi cạnh cửa sổ kia, đóng gót.

Đứa bé chạy dọc một chiếc ghế băng đến với Maicon, tựa vào vai anh và nhìn qua cửa sổ.

“Chú Maicon, nhìn kia. Phải chăng vợ người chủ hiệu và các cô con gái đang đến đây? Và một cô gái bị què”.

Đứa bé vừa nói xong thì Maicon đã ngừng công việc lại, quay về phía cửa sổ và nhìn ra đường.

Xêmon lấy làm ngạc nhiên. Maicon trước nay không bao giờ nhìn ra đường, và bây giờ anh ta đang ép mình vào cửa sổ để nhìn một cái gì đó ở bên ngoài. Đoạn, Xêmon cũng đến bên cửa sổ: đúng là có một người đàn bà đang đi lại phía nhà ông. Bà ta ăn mặc đẹp và đang dắt hai tay hai cô gái mặc áo lông thú nhỏ và trùm khăn thêu. Nhưng một trong hai cô có chân trái bị què và bước khập khiễng.

Người đàn bà bước lên cái bậc phía trước nhà đi vào phòng ngoài, dò dẫm đi đến cửa, ấn chốt và

mở cửa. Bà để các cô gái đi trước bà.

“Xin chào người nông dân, xin chào người đàn bà tốt bụng.”

“Hoan nghênh bà. Cái gì là niềm yêu thích của bà?”

Người đàn bà ngồi xuống cạnh bàn. Các cô gái rón rén đến gần bà hơn vì chúng sợ những người lạ.

“Tôi muốn mua bột da nhỏ cho các cháu đi mùa xuân!”

“Bà có thể có những đôi bột ấy tùy thích. Chúng tôi không bao giờ làm bột nhỏ trước đây, nhưng chúng tôi có thể làm chúng tốt. Cao hay thấp tùy bà, Maicon làm được tất”.

Xêmion liếc nhìn Maicon và thấy rằng anh đã quảng công việc sang một bên và đang ngồi nhìn các cô gái đắm đắm.

Xêmion không thể hiểu Maicon chút nào. Các cô gái xinh đẹp, đích xác là như vậy rồi: mắt đen nhỏ, má bầu hồng hồng, áo lông thú nhỏ xinh và khăn trùm. Và Xêmion không hiểu nổi tại sao Maicon nhìn chúng chằm chằm như vậy, như thể anh quen chúng.

Xêmion bối rối, và ông bắt đầu mặc cả với người đàn bà. Họ đi đến một sự thỏa thuận và ông lấy số đo. Người đàn bà nâng cô gái què đến vạt váy của cô và nói: Với cháu này ông phải đo hai lần, một chiếc cho chân trái và ba chiếc cho chân phải. Chân các cháu hoàn toàn giống nhau; chúng sinh đôi.

Xêmion đo và vừa nói vừa liếc nhìn cô gái bị què. “Cái gì đã xảy ra cho cháu? Một cô bé xinh đẹp đến như vậy, nữa chứ! Để ra là đã bị rồi ư?

“Không. Mẹ nó đã ấy nó”.

Vừa lúc đó, Matoriona đi vào. Bà muốn biết người đàn bà nọ là ai, và những đứa trẻ thuộc về ai, và bà nói: “Chị không phải là mẹ của chúng hay sao?”

“Tôi không phải là mẹ mà cũng chẳng có quan hệ gì, thưa bà. Chúng là những đứa trẻ bị bỏ rơi.”

“Không phải là con đẻ của bà, mà bà yêu thương các cháu đến như vậy?”

“Làm sao tôi có thể không yêu thương các cháu? Khi tôi nuôi các cháu bằng bầu sữa mình? Tôi có riêng một cháu song Chúa đã gọi cháu về; tôi chưa bao giờ yêu cháu bằng yêu hai cháu này”

“Thế các cháu thuộc về ai?”

## IX

Người đàn bà trở nên háo chuyện; bà giải thích: “Các cháu bé đã mồ côi được sáu năm rồi, và chỉ trong một tuần: bố được chôn cất ngày thứ ba thì ngày thứ sáu mẹ mất.

“Tôi và nhà tôi lúc đó là nông dân. Chúng tôi là láng giềng của họ trong làng. Chúng tôi sống kề nhau. Bố các em bé làm việc ở trong rừng. Một ngày nọ, cây đổ trúng ông ấy, trực tiếp xuyên qua cơ thể nên ruột lòi ra ngoài.

“Ông vừa được đưa về nhà thờ đã tắt thở, và tuần đó vợ ông đẻ sinh đôi - hai cô gái đây. Tất cả



chỉ là nghèo cực và cô đơn.

“Người đàn bà hoàn toàn cô đơn, không hề có người già hay trẻ em sống cùng. Bà cô đơn trong những giờ thiếu thốn và chết cô đơn.

“Ngày hôm sau tôi sang thăm bà láng giềng của tôi. Khi tôi vào phòng, người đàn bà tốt bụng đã lạnh cứng, và trong cơn hấp hối bà đã đề lên đứa bé nên đã làm gãy và trẹo chân nó.

“Lúc đó, nhiều người nữa đến. Chúng tôi tắm cho bà, mặc áo quần cho bà, đóng một quan tài và chôn cất bà. Người ta chăm lo mọi thứ cho bà. Bảy giờ các cháu gái một thân một mình. Các cháu sẽ ra sao đây? Tôi là người duy nhất trong tất cả các bà có con đang bú. Tôi đang nuôi đứa con trai đầu lòng vừa được hai tháng. Vì vậy trong thời gian ấy, tôi nhận nuôi các cháu. Bà con nông dân bàn bạc để kiếm cho các cháu một tổ ấm. “Tại sao bà không giữ các cháu một thời gian, Maria?” họ nói. “Mọi thứ sẽ đến đúng lúc”. Lúc đầu tôi cho đứa bé khỏe mạnh bú, mà không cho đứa què bú. Tôi nghĩ cháu sẽ không còn sống được bao lâu nữa; nhưng rồi tôi nghĩ tại sao thiên thần bé nhỏ sẽ phải chết? Tôi cảm thấy buồn thương cho cháu, và tôi cũng cho cháu bú. Tôi cho cháu bé của tôi bú, ngoài ra còn cho bú cả hai cháu gái. Ba đứa đều lớn lên từ bầu vú này. Tôi trẻ và khỏe và nhiều sữa lắm. Chúa cho tôi nhiều sữa tới mức tôi có nhiều hơn là đủ. Thường là tôi thỏa mãn hai đứa, còn đứa thứ ba đợi; và khi một đứa đã no, tôi cho bú đứa thứ ba. Nhưng Chúa muốn tôi nuôi hai đứa trẻ này và chôn

cất cho con của tôi vào năm thứ hai.. Và sau đó, Chúa không cho tôi thêm một đứa con nào nữa. Và của cải trần tục của chúng tôi tăng lên. Bây giờ tôi sống ở đây trong cái cối xay với người chủ của hiệu. Thu nhập khá; chúng tôi không phải lo lắng gì, và chúng tôi không có con. Làm sao tôi có thể sống đơn độc nếu không có hai cháu bé gái này. Và làm sao tôi có thể không thương yêu chúng được? Chúng là niềm vui độc nhất của tôi.

Nói vậy người đàn bà ôm chặt cô bé què với một tay còn tay kia lau nước mắt nơi má.

Matoriona thở dài và nói: “Câu ngạn ngữ đúng. Con người có thể sống không cha mẹ, nhưng không có Chúa, nó không sống nổi”.

Họ đang trò chuyện như vậy, bỗng một ánh sáng chói lọi từ góc phòng nơi Maicon ngồi tràn ngập cả căn phòng. Mọi người quay nhìn về anh. Maicon đang ngồi hai tay vòng ngang hông, đôi mắt ngược nhìn lên mỉm cười.

## X

Người đàn bà với hai cô gái đã đi về. Lúc đó Maicon cũng từ ghế băng đứng lên, cởi tạp dề, cúi chào trước ông chủ và bà chủ, và nói: “Thưa thầy và thưa người vợ tốt bụng của thầy; Chúa đã tha tội cho tôi; cầu mong hai bác cũng tha thứ cho tôi”.

Và người thầy và vợ ông thấy rằng ánh sáng

đến từ Maicon. Anh đứng dậy. Xemion cúi xuống trước Maicon và nói với anh: “Maicon, ta biết anh không phải là người trần thế bình thường, và ta không thể giữ anh và ta không thể hỏi anh; nhưng hãy nói với ta một điều: tại sao anh u sầu ủ rũ đến thế khi ta tìm thấy anh và đưa anh về nhà? Và khi vợ ta dọn bữa tối cho anh ăn, tại sao anh lại cười và trở nên sáng sủa kể từ lúc đó? Và sau đó khi nhà quý tộc đến và đặt đóng bớt, anh cười lần thứ hai và từ đó lại càng rạng rỡ hơn. Và ngay bây giờ, khi người đàn bà đến cùng các cô gái, anh cười lần thứ ba, và tất cả đều tắm trong một thứ ánh sáng chói lọi. Nói với tôi, Maicon, tại sao xảy ra việc anh toát ra một ánh sáng như vậy. Và tại sao anh mỉm cười ba lần?”

Và Maicon nói: Ánh sáng chiếu ra vì tôi bị trừng phạt, và bây giờ Chúa đã tha thứ cho tôi. Và tôi mỉm cười lần thứ ba vì tôi cần hiểu ba lời của Chúa, và tôi đã hiểu được. Lời thứ nhất tôi hiểu được khi vợ ông động lòng thương xót tôi, và vì thế tôi mỉm cười lần thứ nhất. Lời thứ hai tôi hiểu khi ông nhà giàu đặt đóng bớt, và vì thế tôi mỉm cười lần thứ hai và ngay bây giờ, khi tôi nhìn thấy các cô gái, tôi hiểu lần thứ ba, lời cuối cùng và tôi mỉm cười lần thứ ba”.

Đoạn Xemion nói: “Hãy nói đi, Maicon, tại sao Chúa trừng phạt anh, và các lời của Chúa là gì, tôi có thể biết được không?”

Maicon nói: “Chúa trừng phạt tôi bởi vì tôi không vâng lời Người. Tôi là một thiên thần trên trời và

đã không vâng lời Chúa.”

“Tôi là một thiên thần trên trời, và Chúa gửi tôi xuống trần để lấy đi linh hồn một người đàn bà. Và tôi bay xuống trần và trông kia, người đàn bà đang ốm nằm một mình. Bà sinh được hai con gái. Hai đứa bé đang thúc vào sườn mẹ và người mẹ không thể nâng chúng lên để cho bú. Người đàn bà nhìn thấy tôi và biết rằng Chúa đã đưa tôi xuống để lấy linh hồn bà, bà khóc và nói: “Thiên thần của Chúa, người ta vừa chôn cất chồng tôi; chồng tôi bị một cái cây quật ngã ở trong rừng. Tôi không có chị, không có dì, không có bà, không có một người nào để nuôi hộ các con tôi bị mồ côi. Xin đừng lấy linh hồn khốn khổ của tôi; hãy để tôi một mình cho các con tôi bú, nuôi nấng chúng và kèm cặp chúng. Xét đến cùng trẻ không thể sống không có cha không có mẹ.” Tôi lắng nghe người đàn bà và đặt một cháu bé vào bầu vú của bà và đặt đứa kia vào tay bà. Và bay lên trời tìm Chúa. Và khi tôi bay đến Chúa, tôi nói: “Tôi không thể lấy linh hồn người đàn bà. Người bố bị một cái cây quật chết; người mẹ sinh đôi và cầu xin tôi đừng lấy linh hồn bà, nói rằng: hãy để tôi cho các con tôi bú, nuôi nấng chúng và kèm cặp chúng. Trẻ không thể sống không cha không mẹ.” Lúc đó, Chúa nói: “Hãy trở xuống trần và lấy linh hồn người đàn bà; rồi anh sẽ hiểu ba lời nói của ta: Anh sẽ hiểu có cái gì trong con người; và cái gì không được cung cấp cho con người và con người sống bằng gì. Khi nào anh hiểu ba điều đó, anh sẽ trở lại trời.” Và tôi bay trở lại trần

gian và lấy linh hồn người đàn bà.

“Những đứa bé rời khỏi bầu vú mẹ; cái cơ thể thiếu sự sống chìm sâu xuống chiếc giường nhỏ làm gãy và treo chân một cháu. Tôi bay lên bên trên các túp lều của ngôi làng để đem linh hồn về cho Chúa khi một trận bão chớp lấy tôi, các cánh của tôi gục xuống yếu ớt và rơi mất, và tầm linh hồn lên với Chúa một mình. Còn tôi xuống trần và nằm bên vệ đường”.

## XI

Bây giờ Xemion và Matoriona biết được họ đã nuôi nấng và cho ăn người nào và ai là khách của họ; và họ khóc lên vì sợ và vì vui. Nhưng thiên thần nói: Tôi nằm giữa ruộng, trần trụi và một thân một mình. Trước kia tôi không hề biết đói rét là gì, và bây giờ tôi là một con người. Đói và rét dày vò tôi, và tôi không biết làm gì. Đoạn, tôi thấy một ngôi nhà thờ nhỏ, xây cho Chúa. Tôi đi tới nhà thờ của Chúa và tìm nơi ẩn náu ở đó. Nhà thờ khóa kín: tôi không vào được. Thế là tôi ngồi phía sau nhà thờ để nấp gió. Buổi tối đến; cái đói hành hạ tôi; tôi cố gắng vì rét, và cả cơ thể tôi là một nỗi đau lớn. Bỗng chốc, tôi nghe có tiếng động: một người đàn ông đang đến theo con đường nhỏ, mang bột và nói chuyện một mình. Và lần đầu tiên tôi thấy một

mặt người kể từ khi bản thân tôi trở thành người. Tôi nghe người đàn ông hỏi chuyện một mình về cách ông ta có thể bảo vệ cơ thể chống lại cái rét mùa đông và cách ông ta có thể kiếm được bánh mì cho vợ con. Lúc đó tôi nghĩ: mình đang chết vì đói và lạnh, còn người đang đi đến chỉ nghĩ đến ở đâu có thể tậu da cừu để bản thân và vợ được mặc ấm và có bánh mì để ăn. Ông ta chắc chẳng giúp gì được mình. Người đàn ông nhìn thấy tôi, chau mày, trở thành càng dễ sợ hơn và đi qua. Và tôi hoàn toàn thất vọng. Bỗng tôi nghe bước chân người đàn ông quay trở lại. Tôi nhìn lên và hầu như không nhận ra cũng là con người ấy. Trước đây trong bộ dạng ông ta, có cái chết, còn bây giờ ông trở nên sống động và trong sắc mặt của ông tôi nhận ra Chúa. Ông đến với tôi, mặc áo cho tôi, đưa tôi đi theo và đem về nhà. Tôi vào nhà ông, vợ ông đón tiếp chúng tôi và bắt đầu nói. Người đàn bà còn dữ tợn hơn người đàn ông. Ngọn gió chết chóc phun ra từ mồm bà ta, và tôi không thể thở vì cái mùi mốc meo của cái chết. Bà muốn đuổi tôi ra trở lại ngoài trời rét và tôi biết là bà sẽ phải chết nếu đuổi tôi ra. Lúc đó người chồng nhắc bà về Chúa và bỗng chốc bà trở thành một người đàn bà khác hẳn. Và khi bà cho chúng ta ăn tối, tôi nhìn bà: cái chết đã rời bỏ bà, bà rất sống và nơi bà tôi cũng thấy Chúa.

“Lúc đó tôi nhớ lại lời nói thứ nhất của Chúa: “Anh sẽ hiểu rằng cái gì sống trong con người”. Và tôi đã hiểu rằng tình thương sống trong con người. Và tôi tràn đầy niềm vui vì Chúa đã bắt đầu tiết

lộ cho tôi điều gì Người đã hứa hẹn và tôi mỉm cười lần đầu tiên. Nhưng tôi chưa hiểu được mọi điều. Tôi không hiểu cái gì không được cung cấp cho con người và con người sống bằng gì.

“Tôi ở với ông cả một năm tròn. Rồi người đặt đống bột đến, đặt đôi bột đi suốt một năm không nứt nẻ và không oằn cong. Tôi nhìn ông và bỗng chốc thấy sau lưng ông người bạn đường của tôi: Thiên thần của cái chết. Không ai ngoài tôi nhìn thấy thiên thần, nhưng tôi biết, và biết rằng trước lúc mặt trời lặn, linh hồn của ông nhà giàu sẽ bị lấy đi. Và tôi nghĩ: con người chuẩn bị cho một năm sau và không biết cuộc đời mình sẽ chấm dứt trước buổi tối. Lúc đó tôi nhớ lại lời nói thứ hai của Chúa: anh sẽ hiểu cái gì không được cung cấp cho con người.

“Cái gì ở trong con người tôi đã hiểu; bây giờ tôi hiểu cái gì không được cung cấp cho con người. Con người không được biết cái gì nó cần dùng cho cuộc đời mình. Lúc đó tôi cười lần thứ hai: tôi vui sướng vì tôi được thấy thiên thần, người bạn đường của tôi và vì tôi được Chúa tiết lộ lời nói thứ hai với tôi.

“Nhưng tôi còn chưa hiểu hết mọi thứ. Tôi chưa biết con người sống bằng gì.

“Và tôi ở với ông và chờ đợi Chúa tiết lộ lời nói cuối cùng với tôi. Năm năm trôi qua; rồi các cô gái đến, hai trẻ song sinh với người đàn bà, và tôi nhận ra các cô gái và hiểu được các cô gái đã được cứu sống như thế nào. Tôi hiểu điều đó và suy nghĩ, người mẹ đã xin nhân danh những đứa trẻ, và tôi

tin ở bà ấy và nghĩ rằng các đứa trẻ không thể sống không có cha mẹ; thế mà bây giờ một người đàn bà xa lạ cho chúng bú và nuôi nấng chúng. Và khi người đàn bà chảy nước mắt yêu thương vì những đứa trẻ của kẻ xa lạ, tôi thấy Chúa sống động ở nơi bà và hiểu được con người sống bằng gì. Tôi hiểu rằng Chúa đã tiết lộ lời nói cuối cùng với tôi và đã tha thứ cho tôi, và tôi cười lần thứ ba.

## XII

Lúc đó, áo quần rơi khỏi cơ thể của vị thiên thần, và người đứng đó bao bọc bởi ánh sáng làm cho mắt không nhìn được ngài và tiếng ngài to lớn thêm tưởng chừng nó không thốt ra từ ngài mà từ trời, và thiên thần nói: “Tôi hiểu rằng mỗi người sống không phải nhờ sự chăm sóc của bản thân mà nhờ tình yêu thương.

“Người mẹ không được biết cần gì để sống. Người giàu không được biết mình cần gì. Và người không được biết anh ta cần bột để đi lúc sống hoặc cần giấy để được chôn cất trước lúc ngày chết.

“Tôi cứu vớt cuộc sống làm người của tôi không phải bằng cách chăm sóc nhu cầu của riêng tôi, mà vì có tình thương ở người bộ hành trên đường, và ở vợ ông ta và vì bà có tình yêu thương và lòng trắc ẩn đối với tôi. Những đứa trẻ mồ côi sống không



vì những người khác tìm cách chăm sóc chúng, mà vì có tình yêu thương trong trái tim của người đàn bà xa lạ, và bà ta yêu thương và xót xa chúng.

“Tôi biết rằng Chúa cho con người cuộc sống và Người mong muốn họ được sống. Bây giờ tôi còn hiểu một cái gì hơn thế.

“Tôi hiểu rằng Chúa không muốn con người sống riêng mỗi người cho bản thân mình, và vì vậy Người không tiết lộ cho họ cái mà mỗi người cần cho bản thân mình; Người muốn họ sống trong tình anh em, vì vậy Người tiết lộ cho họ những gì tất cả họ cần thiết với nhau, cho họ và cho mỗi người.

“Bây giờ tôi hiểu rằng con người chỉ tin rằng họ sống bằng cách chăm sóc cho bản thân; nhưng họ sống duy nhất bằng tình thương yêu. Ai sống trong tình thương yêu thì sống trong Chúa và Chúa ở trong họ, vì Chúa là tình thương yêu.

Và vị thiên thần bắt đầu hát những lời ca ngợi Chúa, và ngôi nhà rung lên với tiếng hát của Ngài. Trần nhà mở ra và một cột lửa phun từ Đất lên Trời. Và Xêmion, vợ ông và các con ông quỳ sụp xuống; và cánh trải ra lên trên lưng của thiên thần và ngài bay lên trời.

Khi Xêmion đã hoàn hồn, túp lều vẫn như cũ và không có ai trong phòng ngoài Xêmion và gia đình ông.

## PHỤ LỤC

### NGÔI NHÀ VÀ NGÔI MỔ CỦA LEP TÔNXTÔI Ở IAXNAIA POLIANA(\*)

*(Trích “Thế giới những ngày qua. Hồi ức của  
một người dân châu Âu”, hồi kí của Stefan  
Zweig, Phùng Đệ và Trần Nam Lương dịch, Nhà  
xuất bản Giáo dục xuất bản 1998)*

...Vì vậy người ta cười mà thán phục và người ta thán phục mà vẫn cảm thấy vui vui một cách kín đáo. Cái nước Nga ấy quả là một đứa trẻ lớn có năng khiếu tuyệt vời và khoan dung làm sao! Người ta luôn nghĩ như vậy và người ta tự hỏi: Nó thực sự đã học được nhanh đến như nó tự đặt ra bài học lớn lao ấy hay sao? Kế hoạch này phải chăng sắp phát triển một cách kì lạ hay sẽ mất hút trong những trạng thái của sự vô công rồi nghề Nga cũ. Giờ này người ta tin tưởng, giờ sau người ta ngờ vực. Tôi càng thấy nhiều điều, thì tôi càng nhìn kém rõ ràng.

Nhưng sự hai mặt đó có phải do tôi, hay đúng hơn phải chăng nó được hun đúc trong tính chất Nga hoặc cả trong tâm hồn Tônxtôi mà chúng tôi vừa kỉ niệm? Trong chuyến tàu đưa chúng tôi đến Iaxnaia Poliana, tôi nói điều đó với Lounatcharski. Lounatcharski nói với tôi: "Ông ta là ai, nói cho cùng, một nhà cách mạng hay một kẻ phản động? Bản thân ông có biết điều đó không? Như là một người Nga chân chính, ông muốn sau hàng ngàn năm, thay đổi toàn bộ thế giới bằng một cái ngoáy tay. - Hoàn toàn như chúng tôi. Lounatcharski mỉm cười nói thêm: và bằng mỗi một công thức, hoàn toàn như chúng tôi. Người ta nhìn chúng tôi, những người Nga, không đúng, khi người ta bảo chúng tôi là những người bệnh lí. Chúng tôi là con bệnh cả thể chất lẫn tâm hồn. Nhưng với tư tưởng của mình, chúng tôi thiếu kiên nhẫn hơn bất cứ một dân tộc nào khác, chúng tôi muốn biết ngay tất cả các sự thật, biết ngay "cái" Sự thật... Và ông cụ mới tự hành hạ mình biết bao về đề tài đó!" Và quả thật khi thăm ngôi nhà của Tônxtôi ở Iaxnaia Poliana, tôi chỉ có một cảm xúc duy nhất này: "Ông già lớn lao, ông đã tự hành hạ mình biết bao!" Có ở đây bàn làm việc của ông trên đó ông đã viết những tác phẩm bất hủ, và ông đã từ bỏ nó để đóng những đôi giày tồi tệ nhất ở một phòng nhỏ nghèo nàn ở bên cạnh. Kia là cái cửa chính. Cái cầu thang mà từ đó ông mưu toan thoát khỏi ngôi nhà này, thoát khỏi những xung đột của cuộc đời mình. Kia là khẩu súng ông đã dùng để bắn chết kẻ thù trong chiến

tranh, ông người chống lại mọi cuộc chiến tranh. Toàn bộ vấn đề của cuộc đời ông được biểu hiện một cách mạnh mẽ và đầy biểu cảm ở ngôi nhà nông thôn trắng và thấp này; song tất cả sự bi kịch đó được giảm nhẹ đi một cách tuyệt vời trong thời gian đến thăm ngôi mộ ông.

Vì tôi không tìm thấy ở Nga một cái gì lạ lùng hơn và gây xúc động hơn ngôi mộ của Tônxtôi. Cái nơi hành hương lòng danh ấy nằm ở một góc hẻo lánh và quanh hiu trong một cánh rừng sâu. Một con đường mòn dẫn tới cái đồi con đó, nó chỉ là một mô đất vuông không một ai canh giữ, không một ai chăm sóc, chỉ được một vài cây tỏa bóng râm xuống đó. Cô cháu gái của Người đứng trước mô giải thích cho tôi: Các cây lớn, chính Lep Tônxtôi đã tự trồng. Ông anh Nicolas và bản thân Người đã nghe một bà già trong làng nói rằng nơi mà người ta trồng cây chính là nơi đại hạnh phúc. Thế là một phần để đùa và một phần là nghiêm túc, họ đã cắm xuống đất này mấy chồi cây. Chỉ có về sau ông cụ mới nhớ lại lời hứa kì lạ đó và ngổ ý muốn được an táng dưới những cây mà bản thân ông cụ đã trồng. Ý nguyện của ông được chấp thuận và đây là ngôi mộ gây xúc động nhất thế giới bởi sự giản dị của nó. Một mô đất vuông nhỏ giữa rừng với những cây cao vút - *nulla crux, nulla corona*<sup>(\*)</sup>, không một cây thánh giá, không một vòng hoa! Không có đá lát mộ, không mộ chí. Con người lớn

---

(\*) Tiếng Latinh, nghĩa như phần câu tiếp theo.

lao, con người đã đau khổ hơn bất cứ ai khác vì cái tên của mình và nỗi vinh quang của mình được chôn cất ẩn danh, hết như một kẻ lang thang tình cờ được tìm thấy, như một người lính không ai biết tới. Người ta không ngăn cản ai đến gần nơi ông an nghỉ, rào chắn chỉ là những tấm ván mỏng bao quanh không hề bị đóng lại. Chỉ có sự tôn kính của những con người bảo vệ cho sự yên nghỉ cuối cùng của con người trọn đời không bao giờ tìm thấy sự yên nghỉ. Trong khi ở nơi khác sự hiếu kì chen lấn chung quanh sự tráng lệ huy hoàng của ngôi mộ, ở đây sự giản dị làm ngã lòng mọi thèm muốn được nhìn thấy. Gió thì thầm như lời của Chúa trời bên trên ngôi mộ của người ẩn danh, không có một thứ tiếng nào khác; người ta có thể đi qua đó mà không ngờ có một người được chôn cất ở đấy, một người Nga trên đất Nga. Hầm mộ của Napôlêông dưới vòm đá cẩm thạch của Lâu đài tưởng niệm các phế binh, quan tài của Goethe trong hầm mộ các hoàng tử, các đài tưởng niệm của tu viện Westminster cũng không gây xúc động nhiều bằng ngôi mộ yên tĩnh một cách kì lạ và ẩn danh một cách cảm động, đầu đó ở trong rừng, được tiếng thì thầm của gió bao bọc, và không cả một câu gửi gắm, không cả một lời trăng trối.

## MỤC LỤC

• Lời nói đầu	5
I. Giới thiệu Tônxtôi	9
II. Con đường Tônxtôi đi vào nội tâm mình	44
III. Tônxtôi phê phán thời đại mình	72
IV. Triết học lịch sử của Tônxtôi	106
V. Tư tưởng đạo đức của Tônxtôi dưới hình thức tưởng tượng	
1. Nicolai Bigstick (Nicolai Palkin)	117
2. Ba bài ngụ ngôn	128
3. Vua Asaradông	143
4. Con người sống bằng gì	151
VI. Phụ lục	
Ngôi nhà và ngôi mộ của Lep Tônxtôi ở Iaxnaia Poliana	186

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
PGG-PTS HOÀNG NAM  
Biên tập:  
HOÀNG THỊ THIỆU  
Trình bày:  
ANH TRÍ  
Vẽ bìa:  
HOÀNG HÀ  
Sửa bản in:  
TRUNG TÂM ĐÔNG TÂY

---



Đại lý phát hành:  
NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY  
32 Bà Triệu, Hoàn Kiếm Hà Nội. ĐT/Fax: 04 8.251374.  
446 Nguyễn Chí thanh, Đống Đa, Hà Nội. ĐT/Fax: 04 7.731436

---

Stefan Zweig  
SUY TƯ, SỐNG ĐỘNG CỦA L. TÔNXTÔI  
Nguyễn Dương Khư dịch  
Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc, 19 Nguyễn Bình Khiêm, Hà Nội

---

In 1000 bản tại Nhà in Khoa học và Công nghệ  
Giấy phép xuất bản số: 146-30/XB-QLXB cấp ngày 14/1/1999  
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 1999

Suy tư  
sống động

---

của  
lev  
tonxtoi

DA 02  
1830

Giá: 18.000đ